

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-CDLC ngày / /2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25.CLC: 18 sinh viên										
1	1	CD.COT.K25.CLC	2565102160001	Đinh Việt Anh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2	2	CD.COT.K25.CLC	2565102160003	Nguyễn Xuân Bảo	83	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
3	3	CD.COT.K25.CLC	2565102160004	Đỗ Đức Dũng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
4	4	CD.COT.K25.CLC	2565102160005	Phạm Vũ Hải	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
5	5	CD.COT.K25.CLC	2565102160006	Vì Bình Hân	70	Khá	77	Khá	74	Khá	
6	6	CD.COT.K25.CLC	2565102160007	Chào Xuân Hạnh	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
7	7	CD.COT.K25.CLC	2565102160009	Trương Vũ Hoàn	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
8	8	CD.COT.K25.CLC	2565102160010	Nguyễn Văn Hùng	81	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
9	9	CD.COT.K25.CLC	2565102160011	Vũ Anh Huy	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
10	10	CD.COT.K25.CLC	2565102160012	Ngô Chung Kiên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
11	11	CD.COT.K25.CLC	2565102160014	Đặng Hoàng Long	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
12	12	CD.COT.K25.CLC	2565102160016	Cư Ngọc Sơn	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
13	13	CD.COT.K25.CLC	2565102160018	Lê Duy Trung	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
14	14	CD.COT.K25.CLC	2565102160019	Nguyễn Hữu Trung	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
15	15	CD.COT.K25.CLC	2565102160021	La Mạnh Tuấn	72	Khá	71	Khá	72	Khá	
16	16	CD.COT.K25.CLC	2565102160022	Nguyễn Đình Tuấn	82	Tốt	71	Khá	77	Khá	
17	17	CD.COT.K25.CLC	2565102160024	Đỗ Quang Vinh	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
18	18	CD.COT.K25.CLC	2565102160025	Lương Ngọc Vĩnh	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25A: 40 sinh viên										
19	1	CD.COT.K25A	2565102160026	Trịnh Đức Anh	85	Tốt	70	Khá	78	Khá	
20	2	CD.COT.K25A	2565102160027	Ly Hòa Bình	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
21	3	CD.COT.K25A	2565102160030	Thần Văn Đà	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
22	4	CD.COT.K25A	2565102160031	Trần Minh Đức	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
23	5	CD.COT.K25A	2565102160032	Vũ Anh Đức	82	Tốt	65	Trung bình	74	Khá	
24	6	CD.COT.K25A	2565102160033	Bàn Mạnh Dũng	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
25	7	CD.COT.K25A	2565102160034	Nguyễn Ngọc Hải	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
26	8	CD.COT.K25A	2565102160035	Lý A Hạng	73	Khá	80	Tốt	77	Khá	
27	9	CD.COT.K25A	2565102160036	Đồng Đức Hào	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
28	10	CD.COT.K25A	2565102160038	Bùi Mạnh Hiếu	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
29	11	CD.COT.K25A	2565102160039	Hoàng Quốc Hội	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
30	12	CD.COT.K25A	2565102160040	Nguyễn Minh Hữu	60	Trung bình	80	Tốt	70	Khá	
31	13	CD.COT.K25A	2565102160041	Lù Văn Huynh	80	Tốt	90	Xuất sắc	85	Tốt	
32	14	CD.COT.K25A	2565102160043	Bàn Văn Khiêm	73	Khá	80	Tốt	77	Khá	
33	15	CD.COT.K25A	2565102160044	Hoàng Anh Khoa	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
34	16	CD.COT.K25A	2565102160045	Lò Văn Kim	90	Xuất sắc	94	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
35	17	CD.COT.K25A	2565102160046	Lý Láo Lở	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
36	18	CD.COT.K25A	2565102160047	Hà Khánh Luân	72	Khá	80	Tốt	76	Khá	
37	19	CD.COT.K25A	2565102160048	Hoàng Văn Luận	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
38	20	CD.COT.K25A	2565102160049	Hoàng Gia Lượng	83	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
39	21	CD.COT.K25A	2565102160050	Hoàng Công Minh	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
40	22	CD.COT.K25A	2565102160051	Trần Công Minh	72	Khá	84	Tốt	78	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
41	23	CĐ.COT.K25A	2565102160054	Mai Hoàng Nguyên	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
42	24	CĐ.COT.K25A	2565102160055	Trần Hoàng Nguyên	64	Trung bình	60	Trung bình	62	Trung bình	
43	25	CĐ.COT.K25A	2565102160057	Hoàng Trọng Phú	86	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
44	26	CĐ.COT.K25A	2565102160058	Bàn Văn Phương	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
45	27	CĐ.COT.K25A	2565102160059	Vương Quốc Quân	67	Trung bình	78	Khá	73	Khá	
46	28	CĐ.COT.K25A	2565102160062	Nguyễn Đức Tài	79	Khá	78	Khá	79	Khá	
47	29	CĐ.COT.K25A	2565102160063	Giảng Tiến Thành	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
48	30	CĐ.COT.K25A	2565102160064	Cồ Duy Thành	80	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
49	31	CĐ.COT.K25A	2565102160065	Đặng Văn Thuận	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
50	32	CĐ.COT.K25A	2565102160066	Ngô Đặng Việt Tùng	67	Trung bình	60	Trung bình	64	Trung bình	
51	33	CĐ.COT.K25A	2565102160067	Bùi Quốc Việt	67	Trung bình	70	Khá	69	Trung bình	
52	34	CĐ.COT.K25A	2565102160068	Dương Quốc Việt	82	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
53	35	CĐ.COT.K25A	2565102160069	Ninh Văn Vinh	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
54	36	CĐ.COT.K25A	2565102160070	Trần Văn Vượng	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
55	37	CĐ.COT.K25A	2565102160151	Nguyễn Minh Hoàng	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
56	38	CĐ.COT.K25A	2565102160160	Nguyễn Thành Trung	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
57	39	CĐ.COT.K25A	2565202460087	Ma Văn Vĩnh	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
58	40	CĐ.COT.K25A	2565202460070	Thần Trung Nghĩa	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25B: 31 sinh viên										
59	1	CĐ.COT.K25B	2565102160072	Phạm Quốc Bảo	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
60	2	CĐ.COT.K25B	2565102160073	La Minh Chiến	73	Khá	82	Tốt	78	Khá	
61	3	CĐ.COT.K25B	2565102160075	Lù Thành Chung	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
62	4	CĐ.COT.K25B	2565102160076	Trần Ngọc Đại	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
63	5	CĐ.COT.K25B	2565102160077	Trần Hoàng Hải Đăng	77	Khá	70	Khá	74	Khá	
64	6	CĐ.COT.K25B	2565102160078	Đinh Văn Đức	76	Khá	91	Xuất sắc	84	Tốt	
65	7	CĐ.COT.K25B	2565102160079	Nguyễn Tiến Dũng	73	Khá	70	Khá	72	Khá	
66	8	CĐ.COT.K25B	2565102160080	Sầm Đức Duy	82	Tốt	70	Khá	76	Khá	
67	9	CĐ.COT.K25B	2565102160081	Giang Minh Hiếu	86	Tốt	73	Khá	80	Tốt	
68	10	CĐ.COT.K25B	2565102160082	Ngô Huy Hoàng	65	Trung bình	75	Khá	70	Khá	
69	11	CĐ.COT.K25B	2565102160083	Đặng Ngọc Hưng	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
70	12	CĐ.COT.K25B	2565102160085	Tàn Quốc Khánh	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
71	13	CĐ.COT.K25B	2565102160087	Hoàng Nguyễn Hải Linh	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
72	14	CĐ.COT.K25B	2565102160090	Vì Văn Nga	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
73	15	CĐ.COT.K25B	2565102160093	Lương Hữu Phước	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
74	16	CĐ.COT.K25B	2565102160094	Trần Hồng Quân	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
75	17	CĐ.COT.K25B	2565102160096	Phạm Phú Quý	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
76	18	CĐ.COT.K25B	2565102160097	Đào Bá Sơn	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
77	19	CĐ.COT.K25B	2565102160098	Hàng A Thành	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
78	20	CĐ.COT.K25B	2565102160099	Nguyễn Văn Thuận	70	Khá	84	Tốt	77	Khá	
79	21	CĐ.COT.K25B	2565102160100	Trần Duy Thùy	82	Tốt	67	Trung bình	75	Khá	
80	22	CĐ.COT.K25B	2565102160101	Lò Văn Toán	87	Tốt	94	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
81	23	CĐ.COT.K25B	2565102160102	Vũ Văn Trường	81	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
82	24	CĐ.COT.K25B	2565102160103	Giang Lê Tú	82	Tốt	70	Khá	76	Khá	
83	25	CĐ.COT.K25B	2565102160104	Lê Đình Tú	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
84	26	CĐ.COT.K25B	2565102160105	Lâu Quốc Tùng	84	Tốt	78	Khá	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
85	27	CD.COT.K25B	2565102160106	Hoàng Quốc Việt	84	Tốt	74	Khá	79	Khá	
86	28	CD.COT.K25B	2565102160107	Lự Xuân Việt	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
87	29	CD.COT.K25B	2565202270184	La Thanh Lâm	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
88	30	CD.COT.K25B	2565102160150	Hoàng Anh Tuấn	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
89	31	CD.COT.K25B	2565102160161	Trần Mạnh Tú	83	Tốt	71	Khá	77	Khá	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25C: 29 sinh viên										
90	1	CD.COT.K25C	2565102160109	Lê Đức Cảnh	90	Xuất sắc	98	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
91	2	CD.COT.K25C	2565102160110	Vàng A Chùa	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
92	3	CD.COT.K25C	2565102160112	Lò Đức Chung	79	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
93	4	CD.COT.K25C	2565102160113	Bùi Hải Đăng	73	Khá	71	Khá	72	Khá	
94	5	CD.COT.K25C	2565102160115	Châu A Dính	73	Khá	81	Tốt	77	Khá	
95	6	CD.COT.K25C	2565102160116	Lê Thanh Hà	81	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
96	7	CD.COT.K25C	2565102160119	Nguyễn Văn Hiệp	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
97	8	CD.COT.K25C	2565102160120	La Văn Hiệp	77	Khá	81	Tốt	79	Khá	
98	9	CD.COT.K25C	2565102160121	Trần Thanh Hoàn	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
99	10	CD.COT.K25C	2565102160122	Trần Việt Hoàng	73	Khá	77	Khá	75	Khá	
100	11	CD.COT.K25C	2565102160123	Hoàng Xuân Hội	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
101	12	CD.COT.K25C	2565102160125	Lương Trung Kiên	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
102	13	CD.COT.K25C	2565102160126	Tô Văn Kiều	75	Khá	81	Tốt	78	Khá	
103	14	CD.COT.K25C	2565102160129	Nông Thế Lương	73	Khá	81	Tốt	77	Khá	
104	15	CD.COT.K25C	2565102160130	Khuất Phương Nam	90	Xuất sắc	98	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
105	16	CD.COT.K25C	2565102160131	Triệu Phương Nam	75	Khá	81	Tốt	78	Khá	
106	17	CD.COT.K25C	2565102160133	Ma Seo Phú	77	Khá	71	Khá	74	Khá	
107	18	CD.COT.K25C	2565102160134	Phạm Thế Quân	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
108	19	CD.COT.K25C	2565102160135	Lò Trường Quý	71	Khá	71	Khá	71	Khá	
109	20	CD.COT.K25C	2565102160136	Vi Văn Thắng	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
110	21	CD.COT.K25C	2565102160137	Triệu Trung Thành	73	Khá	81	Tốt	77	Khá	
111	22	CD.COT.K25C	2565102160138	Hoàng Tiến Trung	72	Khá	78	Khá	75	Khá	
112	23	CD.COT.K25C	2565102160140	Vũ Xuân Trường	72	Khá	76	Khá	74	Khá	
113	24	CD.COT.K25C	2565102160142	Bàn Anh Tuấn	77	Khá	79	Khá	78	Khá	
114	25	CD.COT.K25C	2565102160143	Hoàng Anh Tuấn	81	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
115	26	CD.COT.K25C	2565102160144	Phạm Anh Tuấn	74	Khá	80	Tốt	77	Khá	
116	27	CD.COT.K25C	2565102160145	Nguyễn Anh Tuấn	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
117	28	CD.COT.K25C	2565102160146	Nguyễn Trường Vũ	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
118	29	CD.COT.K25C	2565102160147	Đỗ Văn Vỹ	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24.CLC: 22 sinh viên										
119	1	CD.COT.K24.CLC	2465102160001	Hù Văn Anh	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
120	2	CD.COT.K24.CLC	2465102160002	Giàng Thành Công	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
121	3	CD.COT.K24.CLC	2465102160004	Hoàng Đức Duy	79	Khá	72	Khá	76	Khá	
122	4	CD.COT.K24.CLC	2465102160005	Đặng Văn Đại	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
123	5	CD.COT.K24.CLC	2465102160007	Trần Đức Đạt	95	Xuất sắc	97	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
124	6	CD.COT.K24.CLC	2465102160008	Sùng A Giáo	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
125	7	CD.COT.K24.CLC	2465102160009	Lương Trung Hiếu	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
126	8	CD.COT.K24.CLC	2465102160010	Ngô Đức Huy	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
127	9	CD.COT.K24.CLC	2465102160011	Lò Văn Khoa	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
128	10	CD.COT.K24.CLC	2465102160014	Đỗ Hoàng Nam	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
129	11	CD.COT.K24.CLC	2465102160015	Vũ Minh Nhật	79	Khá	82	Tốt	81	Tốt	
130	12	CD.COT.K24.CLC	2465102160016	Giàng Văn Phòng	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
131	13	CD.COT.K24.CLC	2465102160017	Hoàng Anh Sâm	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
132	14	CD.COT.K24.CLC	2465102160018	Sùng A Sinh	82	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
133	15	CD.COT.K24.CLC	2465102160019	Phản Lão Tả	82	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
134	16	CD.COT.K24.CLC	2465102160020	Chào Lão Tả	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
135	17	CD.COT.K24.CLC	2465102160021	Lù Tiến Thanh	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
136	18	CD.COT.K24.CLC	2465102160022	Đặng Văn Tiến	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
137	19	CD.COT.K24.CLC	2465102160023	Đặng Quyết Tiến	81	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
138	20	CD.COT.K24.CLC	2465102160024	Nguyễn Đình Tú	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
139	21	CD.COT.K24.CLC	2465102160026	Trần Hoàng Anh Tuyên	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
140	22	CD.COT.K24.CLC	2465102160028	Dương Thành Vũ	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24A: 31 sinh viên										
141	1	CD.COT.K24A	2465102160029	Hoàng Đức Anh	75	Khá	74	Khá	75	Khá	
142	2	CD.COT.K24A	2465102160030	Hứa Ngọc Anh	75	Khá	73	Khá	74	Khá	
143	3	CD.COT.K24A	2465102160032	Nguyễn Việt Anh	83	Tốt	95	Xuất sắc	89	Tốt	
144	4	CD.COT.K24A	2465102160033	Bùi Xuân Bách	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
145	5	CD.COT.K24A	2465102160034	Lương Ngọc Bân	71	Khá	71	Khá	71	Khá	
146	6	CD.COT.K24A	2465102160035	Triệu Thanh Bình	73	Khá	74	Khá	74	Khá	
147	7	CD.COT.K24A	2465102160036	Lý Công Cao	77	Khá	75	Khá	76	Khá	
148	8	CD.COT.K24A	2465102160037	Chào Ông Chấn	72	Khá	73	Khá	73	Khá	
149	9	CD.COT.K24A	2465102160038	Ma Văn Cường	62	Trung bình	71	Khá	67	Trung bình	
150	10	CD.COT.K24A	2465102160040	Nguyễn Mạnh Cường	71	Khá	64	Trung bình	68	Trung bình	
151	11	CD.COT.K24A	2465102160041	Nguyễn Văn Dũng	72	Khá	74	Khá	73	Khá	
152	12	CD.COT.K24A	2465102160042	Lục Lương Dương	73	Khá	73	Khá	73	Khá	
153	13	CD.COT.K24A	2465102160043	Lương Mạnh Dương	88	Tốt	93	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
154	14	CD.COT.K24A	2465102160044	Đỗ Duy Đăng	80	Tốt	74	Khá	77	Khá	
155	15	CD.COT.K24A	2465102160045	Phan Ngọc Đạt	74	Khá	71	Khá	73	Khá	
156	16	CD.COT.K24A	2465102160047	Đỗ Xuân Đức	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
157	17	CD.COT.K24A	2465102160048	Nguyễn Trung Đức	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
158	18	CD.COT.K24A	2465102160049	Nguyễn Đức Hải	75	Khá	67	Trung bình	71	Khá	
159	19	CD.COT.K24A	2465102160050	Phan Trường Giang	70	Khá	72	Khá	71	Khá	
160	20	CD.COT.K24A	2465102160051	Nông Văn Hòa	74	Khá	70	Khá	72	Khá	
161	21	CD.COT.K24A	2465102160052	Trần Việt Hoàng	62	Trung bình	51	Trung bình	57	Trung bình	
162	22	CD.COT.K24A	2465102160053	Nguyễn Huy Hoàng	65	Trung bình	66	Trung bình	66	Trung bình	
163	23	CD.COT.K24A	2465102160055	Lê Xuân Hợp	65	Trung bình	59	Trung bình	62	Trung bình	
164	24	CD.COT.K24A	2465102160056	Ma Đức Huân	76	Khá	73	Khá	75	Khá	
165	25	CD.COT.K24A	2465102160057	Vũ Xuân Hùng	70	Khá	54	Trung bình	62	Trung bình	
166	26	CD.COT.K24A	2465102160058	Vi Bảo Khanh	74	Khá	73	Khá	74	Khá	
167	27	CD.COT.K24A	2465102160059	Đào Đức Khánh	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
168	28	CD.COT.K24A	2465102160060	Trần Duy Quyết	73	Khá	70	Khá	72	Khá	
169	29	CD.COT.K24A	2465102160062	Mai Trung Thành	70	Khá	81	Tốt	76	Khá	
170	30	CD.COT.K24A	2465102160063	Lý Minh Thiện	78	Khá	61	Trung bình	70	Khá	
171	31	CD.COT.K24A	2465102160064	Phạm Văn Việt	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24B: 28 sinh viên										
172	1	CD.COT.K24B	2465102160065	Vi Duy Anh	73	Khá	78	Khá	76	Khá	
173	2	CD.COT.K24B	2465102160068	Nguyễn Hoàng Hiệp	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
174	3	CD.COT.K24B	2465102160069	Lê Tuấn Hùng	75	Khá	76	Khá	76	Khá	
175	4	CD.COT.K24B	2465102160072	Đặng Tuấn Huy	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
176	5	CD.COT.K24B	2465102160071	La Thế Huy	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
177	6	CD.COT.K24B	2465102160075	Hà Duy Khánh	77	Khá	77	Khá	77	Khá	
178	7	CD.COT.K24B	2465102160081	Đàm Đại Lộc	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
179	8	CD.COT.K24B	2465102160076	Trần Chí Khiêm	70	Khá	74	Khá	72	Khá	
180	9	CD.COT.K24B	2465102160080	Phạm Trung Kiên	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
181	10	CD.COT.K24B	2465102160083	Đặng Văn Lực	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
182	11	CD.COT.K24B	2465102160085	Vũ Đức Mạnh	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
183	12	CD.COT.K24B	2465102160078	Lý Trung Kiên	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
184	13	CD.COT.K24B	2465102160079	Lù Văn Kiên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
185	14	CD.COT.K24B	2465102160087	Trần Hải Nam	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
186	15	CD.COT.K24B	2465102160088	Lục Hoài Nam	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
187	16	CD.COT.K24B	2465102160090	Tao Văn Ngân	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
188	17	CD.COT.K24B	2465102160091	Bàn Tồn Nhất	80	Tốt	73	Khá	77	Khá	
189	18	CD.COT.K24B	2465102160092	Lâu Lì Páo	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
190	19	CD.COT.K24B	2465102160093	Khà Văn Phúc	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
191	20	CD.COT.K24B	2465102160095	Mai Văn Quách	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
192	21	CD.COT.K24B	2465102160096	Tao Văn Sơn	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
193	22	CD.COT.K24B	2465102160098	Chu Văn Thắng	80	Tốt	72	Khá	76	Khá	
194	23	CD.COT.K24B	2465102160099	Cư Hoàn Thành	80	Tốt	76	Khá	78	Khá	
195	24	CD.COT.K24B	2465102160100	Đinh Văn Thương	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
196	25	CD.COT.K24B	2465102160101	Đặng Tiến Trường	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
197	26	CD.COT.K24B	2465102160102	Tần Văn Tuấn	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
198	27	CD.COT.K24B	2465102160103	Đặng Trường Vũ	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
199	28	CD.COT.K24B	2465102160104	Phạm Nguyên Vũ	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24C: 27 sinh viên										
200	1	CD.COT.K24C	2465102160105	Bàn Tuấn Anh	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
201	2	CD.COT.K24C	2465102160106	Trần Nguyễn Bàn	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
202	3	CD.COT.K24C	2465102160107	Lại Đình Bảo	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
203	4	CD.COT.K24C	2465102160109	Nguyễn Văn Đức	78	Khá	67	Trung bình	73	Khá	
204	5	CD.COT.K24C	2465102160110	Lý Lâm Hiếu	74	Khá	79	Khá	77	Khá	
205	6	CD.COT.K24C	2465102160111	Dương Huy Hiệu	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
206	7	CD.COT.K24C	2465102160112	Phùng Chương Kiên	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
207	8	CD.COT.K24C	2465102160113	Phạm Đức Lanh	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
208	9	CD.COT.K24C	2465102160114	Tần Seo Long	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
209	10	CD.COT.K24C	2465102160116	Sùng Tam Phong	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
210	11	CD.COT.K24C	2465102160117	Tần Thanh Phong	76	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
211	12	CD.COT.K24C	2465102160118	Hồ Bình Phước	73	Khá	84	Tốt	79	Khá	
212	13	CD.COT.K24C	2465102160122	Hoàng Ngọc Sây	81	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
213	14	CD.COT.K24C	2465102160125	Vàng Seo Thắng	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
214	15	CD.COT.K24C	2465102160126	Đặng Phúc Thanh	81	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
215	16	CĐ.COT.K24C	2465102160127	Trần Bá Thành	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
216	17	CĐ.COT.K24C	2465102160128	Chu Hải Thiện	67	Trung bình	76	Khá	72	Khá	
217	18	CĐ.COT.K24C	2465102160129	Phạm Đức Thọ	80	Tốt	67	Trung bình	74	Khá	
218	19	CĐ.COT.K24C	2465102160130	Hoàng Văn Thuận	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
219	20	CĐ.COT.K24C	2465102160131	Ngô Văn Tiến	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
220	21	CĐ.COT.K24C	2465102160132	Lê Đức Toại	80	Tốt	66	Trung bình	73	Khá	
221	22	CĐ.COT.K24C	2465102160133	Nông Văn Toàn	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
222	23	CĐ.COT.K24C	2465102160134	Nguyễn Trung Toàn	78	Khá	64	Trung bình	71	Khá	
223	24	CĐ.COT.K24C	2465102160137	Lý Đức Tuyên	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
224	25	CĐ.COT.K24C	2465102160138	Nguyễn Hoàng Quốc Việt	81	Tốt	66	Trung bình	74	Khá	
225	26	CĐ.COT.K24C	2465102160139	Bạch Công Vinh	65	Trung bình	65	Trung bình	65	Trung bình	
226	27	CĐ.COT.K24C	2465102160140	Đoàn Hải Vũ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Hàn K24: 9 sinh viên										
227	1	CĐ.HAN.K24	2465201230001	Hoàng Anh Cương	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
228	2	CĐ.HAN.K24	2465201230002	Châu Văn Đức	89	Tốt	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
229	3	CĐ.HAN.K24	2465201230004	Hoàng Đức Mạnh	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
230	4	CĐ.HAN.K24	2465201230005	Triệu Phương Nam	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
231	5	CĐ.HAN.K24	2465201230006	Tráng Seo Phừ	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
232	6	CĐ.HAN.K24	2465201230007	Hoàng Tiến Tân	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
233	7	CĐ.HAN.K24	2465201230008	Phan Quốc Việt	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
234	8	CĐ.HAN.K24	2465201230009	Nguyễn Văn Vũ	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
235	9	CĐ.HAN.K24	2465201230010	La Long Vỹ	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Hàn K25: 14 sinh viên										
236	1	CĐ.HAN.K25	2565102160029	Phạm Văn Chiến	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
237	2	CĐ.HAN.K25	2565102160037	Hoàng Bách Hiệp	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
238	3	CĐ.HAN.K25	2565201230001	Nguyễn Hải Đăng	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
239	4	CĐ.HAN.K25	2565201230002	Hoàng Khánh Duy	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
240	5	CĐ.HAN.K25	2565201230003	Vàng A Hù	82	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
241	6	CĐ.HAN.K25	2565201230004	Hoàng Quang Lê	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
242	7	CĐ.HAN.K25	2565201230005	Sùng Anh Nguyên	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
243	8	CĐ.HAN.K25	2565201230006	La Đức Phan	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
244	9	CĐ.HAN.K25	2565201230010	Dương Quốc Bảo	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
245	10	CĐ.HAN.K25	2565201230011	Vì Văn Dân	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
246	11	CĐ.HAN.K25	2565202270034	Phạm Thiện Bản	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
247	12	CĐ.HAN.K25	2565202270059	Lương Đức Mông	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
248	13	CĐ.HAN.K25	2565202270068	Lịch Công Thiên	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
249	14	CĐ.HAN.K25	2565202270077	Nguyễn Tuấn Vũ	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25A.TTQ: 22 sinh viên										
250	1	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030040	Hoàng Thị Chải	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
251	2	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030044	Giảng Mạnh Cường	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
252	3	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030046	Giảng Thị Dừa	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
253	4	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030049	Sùng Thị Duyên	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
254	5	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030050	Hà Trường Giang	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
255	6	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030051	Triệu Thúy Hà	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
256	7	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030052	Phạm Thanh Hải	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
257	8	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030054	Long Thị Hoa	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
258	9	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030056	Lý Thị Minh Huệ	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
259	10	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030057	Mai Gia Huy	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
260	11	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030061	Phạm Ngọc Lan	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
261	12	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030063	Vì Diệu Linh	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
262	13	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030065	Hằng Seo Lúa	87	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
263	14	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030066	Bạch Thị Hiền Lương	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
264	15	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030068	Nguyễn Tiến Luyện	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
265	16	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030069	Chèo Xoang Mìn	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
266	17	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030070	Chảo Thị Mùi	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
267	18	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030072	Đặng Bảo Ngọc	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
268	19	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030077	Mai Thị Thu Phương	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
269	20	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030084	Lương Thị Thơm	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
270	21	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030089	Hoàng Thị Mai Trang	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
271	22	CĐ.HDL.K25A.TTQ	2568101030097	Nông Việt Hưng	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25B.TTQ: 22 sinh viên										
272	1	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030045	Trương Thị Bích Đào	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
273	2	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030047	Chang Tấn Dũng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
274	3	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030048	Trần Bá Duy	66	Trung bình	72	Khá	69	Trung bình	
275	4	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030053	Sùng Thị Hành	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
276	5	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030055	Sùng Xuân Hồng	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
277	6	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030060	La Thị Ngọc Lan	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
278	7	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030064	Nguyễn Quang Long	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
279	8	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030071	Trần Thị Chung Nam	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
280	9	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030073	Hoàng Thị Mai Nguyệt	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
281	10	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030074	Hoàng Bảo Nhi	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
282	11	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030075	Hằng Seo Phử	73	Khá	73	Khá	73	Khá	
283	12	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030076	Trần Thanh Phương	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
284	13	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030079	Nguyễn Đình Quang	73	Khá	80	Tốt	77	Khá	
285	14	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030080	Trần Thọ Sơn	73	Khá	80	Tốt	77	Khá	
286	15	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030083	Lý Phương Thảo	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
287	16	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030085	Hoàng Thị Thu Thủy	80	Tốt	90	Xuất sắc	85	Tốt	
288	17	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030088	Vương Văn Toàn	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
289	18	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030091	Lù Minh Trọng	71	Khá	72	Khá	72	Khá	
290	19	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030092	Trương Anh Tú	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
291	20	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030094	Tạ Thủy Vân	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
292	21	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030095	Đặng Quang Văn	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
293	22	CĐ.HDL.K25B.TTQ	2568101030096	Vàng Thị Viên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25: 28 sinh viên										
294	1	CĐ.HDL.K25	2568101030002	Nguyễn Tú Anh	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
295	2	CĐ.HDL.K25	2568101030004	Tao Ngọc Dung	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
296	3	CĐ.HDL.K25	2568101030007	Chang Thị Hoa	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
297	4	CĐ.HDL.K25	2568101030008	Lò Thị Duyên Hồng	85	Tốt	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
298	5	CĐ.HDL.K25	2568101030009	Phan Văn Hợi	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
299	6	CĐ.HDL.K25	2568101030010	Lý Việt Hùng	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
300	7	CĐ.HDL.K25	2568101030011	Nguyễn Khánh Hưng	84	Tốt	65	Trung bình	75	Khá	
301	8	CĐ.HDL.K25	2568101030012	Lê Huy Hữu	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
302	9	CĐ.HDL.K25	2568101030013	Giàng Seo Lao	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
303	10	CĐ.HDL.K25	2568101030015	Lý Tả Mây	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
304	11	CĐ.HDL.K25	2568101030016	Vũ Trà My	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
305	12	CĐ.HDL.K25	2568101030018	Lê Phan Yến Nhi	72	Khá	82	Tốt	77	Khá	
306	13	CĐ.HDL.K25	2568101030020	Lý Thị Nhung	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
307	14	CĐ.HDL.K25	2568101030021	Lương Thị Oanh	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
308	15	CĐ.HDL.K25	2568101030024	Lù Chí Quyết	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
309	16	CĐ.HDL.K25	2568101030025	Mùa A Sào	74	Khá	82	Tốt	78	Khá	
310	17	CĐ.HDL.K25	2568101030026	Phùng Ông Siết	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
311	18	CĐ.HDL.K25	2568101030027	Hồ Trung Sơn	80	Tốt	70	Khá	75	Khá	
312	19	CĐ.HDL.K25	2568101030028	Trần Đức Sơn	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
313	20	CĐ.HDL.K25	2568101030029	Vù Di Su	78	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
314	21	CĐ.HDL.K25	2568101030031	Lừ Hải Thanh	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
315	22	CĐ.HDL.K25	2568101030033	Vi Hồng Thu	73	Khá	83	Tốt	78	Khá	
316	23	CĐ.HDL.K25	2568101030035	Lương Văn Trung	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
317	24	CĐ.HDL.K25	2568101030036	Nguyễn Đăng Trường	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
318	25	CĐ.HDL.K25	2568101030037	Lương Văn Tuấn	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
319	26	CĐ.HDL.K25	2568101030098	Lý Láo Lở	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
320	27	CĐ.HDL.K25	2568101030106	Thào Seo Tình	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
321	28	CĐ.HDL.K25	2568101030107	Nguyễn Thái Sơn	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K25: 16 sinh viên										
322	1	CĐ.QDL.K25	2568101010001	Hoàng Thị Lan Anh	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
323	2	CĐ.QDL.K25	2568101010002	Đặng Phương Châm	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
324	3	CĐ.QDL.K25	2568101010003	Lương Thị Thanh Chuyên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
325	4	CĐ.QDL.K25	2568101010004	Bùi Văn Cường	80	Tốt	69	Trung bình	75	Khá	
326	5	CĐ.QDL.K25	2568101010006	Nông Thị Hồng Dịu	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
327	6	CĐ.QDL.K25	2568101010007	Vũ Gia Đông	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
328	7	CĐ.QDL.K25	2568101010008	Phạm Minh Đức	80	Tốt	69	Trung bình	75	Khá	
329	8	CĐ.QDL.K25	2568101010010	Bùi Khánh Ly	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
330	9	CĐ.QDL.K25	2568101010012	Hoàng Thị Hằng Nga	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
331	10	CĐ.QDL.K25	2568101010013	Trần Nguyệt Nga	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
332	11	CĐ.QDL.K25	2568101010014	Hoàng Minh Nhật	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
333	12	CĐ.QDL.K25	2568101010016	Nguyễn Việt Thắng	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
334	13	CĐ.QDL.K25	2568101010017	Hoàng Minh Thiện	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
335	14	CĐ.QDL.K25	2568101010018	Dương Thanh Trúc	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
336	15	CĐ.QDL.K25	2568101010019	Đinh Quang Trung	71	Khá	69	Trung bình	70	Khá	
337	16	CĐ.QDL.K25	2568101010020	Hù Ha Xa	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
	Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K25: 34 sinh viên										
338	1	CĐ.QKS.K25	2568102010001	Ngô Quỳnh Anh	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
339	2	CĐ.QKS.K25	2568102010003	Lò A Chinh	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
340	3	CĐ.QKS.K25	2568102010004	Hoàng Phi Đạt	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
341	4	CĐ.QKS.K25	2568102010005	Nguyễn Thành Đạt	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
342	5	CĐ.QKS.K25	2568102010006	Nguyễn Anh Đức	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
343	6	CĐ.QKS.K25	2568102010007	Nguyễn Minh Đức	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
344	7	CĐ.QKS.K25	2568102010009	Hồ Thanh Hải	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
345	8	CĐ.QKS.K25	2568102010010	Nguyễn Thị Hằng	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
346	9	CĐ.QKS.K25	2568102010011	Quách Thị Kim Hoa	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
347	10	CĐ.QKS.K25	2568102010012	Nguyễn Đình Hoàng	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
348	11	CĐ.QKS.K25	2568102010013	Lý Văn Hùng	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
349	12	CĐ.QKS.K25	2568102010014	Phạm Văn Hùng	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
350	13	CĐ.QKS.K25	2568102010015	Trịnh Đức Hùng	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
351	14	CĐ.QKS.K25	2568102010016	Hoàng Thu Hương	76	Khá	74	Khá	75	Khá	
352	15	CĐ.QKS.K25	2568102010017	Nguyễn Thị Huyền Linh	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
353	16	CĐ.QKS.K25	2568102010018	Tao Xuân Mạnh	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
354	17	CĐ.QKS.K25	2568102010019	Trần Khánh Nam	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
355	18	CĐ.QKS.K25	2568102010020	Hoàng Thị Yến Nhi	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
356	19	CĐ.QKS.K25	2568102010021	Lữ Xuân Phong	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
357	20	CĐ.QKS.K25	2568102010022	Phạm Thanh Phương	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
358	21	CĐ.QKS.K25	2568102010023	Nguyễn Thị Phụng	80	Tốt	74	Khá	77	Khá	
359	22	CĐ.QKS.K25	2568102010024	Có Gì Sáng	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
360	23	CĐ.QKS.K25	2568102010025	Má Thị Si	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
361	24	CĐ.QKS.K25	2568102010026	Hàng Thị Sung	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
362	25	CĐ.QKS.K25	2568102010027	Nguyễn Đức Thắng	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
363	26	CĐ.QKS.K25	2568102010028	Sầm Thị Thềm	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
364	27	CĐ.QKS.K25	2568102010029	Dương Nguyệt Thiên	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
365	28	CĐ.QKS.K25	2568102010031	Lục Minh Toàn	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
366	29	CĐ.QKS.K25	2568102010032	Đặng Thị Trang	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
367	30	CĐ.QKS.K25	2568102010033	Lê Anh Tuấn	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
368	31	CĐ.QKS.K25	2568102010034	Sùng Thị Vân	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
369	32	CĐ.QKS.K25	2568102010036	Tao Văn Xeng	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
370	33	CĐ.QKS.K25	2568102010037	Trần Thị Thanh Xuân	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
371	34	CĐ.QKS.K25	2568102010038	Phạm Hải Yến	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
	Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K24: 26 sinh viên										
372	1	CĐ.QDL.K24	2468101010001	Đinh Thị Phương Anh	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
373	2	CĐ.QDL.K24	2468101010002	Trương Thị Ngọc Ánh	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
374	3	CĐ.QDL.K24	2468101010003	Vương Văn Bản	78	Khá	77	Khá	78	Khá	
375	4	CĐ.QDL.K24	2468101010006	Thào Thị Chinh	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
376	5	CĐ.QDL.K24	2468101010007	Vàng A Chờ	77	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
377	6	CĐ.QDL.K24	2468101010009	Phan Thị Hiền	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
378	7	CĐ.QDL.K24	2468101010010	Tao Thị Hương	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
379	8	CĐ.QDL.K24	2468101010011	Đinh Quang Huy	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
380	9	CĐ.QDL.K24	2468101010012	Tân Thị Lành	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
381	10	CĐ.QDL.K24	2468101010014	Chào A Lù	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
382	11	CĐ.QDL.K24	2468101010013	Bùi Khánh Linh	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
383	12	CĐ.QDL.K24	2468101010018	Chào San Mây	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
384	13	CĐ.QDL.K24	2468101010015	Cao Thanh Mai	86	Tốt	99	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
385	14	CĐ.QDL.K24	2468101010017	Má Thị May	69	Trung bình	82	Tốt	76	Khá	
386	15	CĐ.QDL.K24	2468101010019	Lý Lỡ Mây	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
387	16	CĐ.QDL.K24	2468101010021	Sùng Thị Pằng	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
388	17	CĐ.QDL.K24	2468101010022	Lò A Phong	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
389	18	CĐ.QDL.K24	2468101010023	Vàng A Phử	77	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
390	19	CĐ.QDL.K24	2468101010025	Vàng Thị Tâm	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
391	20	CĐ.QDL.K24	2468101010026	Nguyễn Thanh Thảo	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
392	21	CĐ.QDL.K24	2468101010027	Cao Thị Trang	76	Khá	74	Khá	75	Khá	
393	22	CĐ.QDL.K24	2468101010028	Vàng A Tùng	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
394	23	CĐ.QDL.K24	2468101010033	Vàng Thị Vú	83	Tốt	95	Xuất sắc	89	Tốt	
395	24	CĐ.QDL.K24	2468101010029	Hạng Thị Tùng	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
396	25	CĐ.QDL.K24	2468101010031	Phùng Thị Minh Tuyết	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
397	26	CĐ.QDL.K24	2468101010035	Phùng Thị Vân Xuyên	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K24: 20 sinh viên										
398	1	CĐ.QKS.K24	2468102010002	Tụ Thị Phương Anh	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
399	2	CĐ.QKS.K24	2468102010003	Lý Mai Anh	74	Khá	75	Khá	75	Khá	
400	3	CĐ.QKS.K24	2468102010004	Nguyễn Phương Anh	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
401	4	CĐ.QKS.K24	2468102010005	Hà Ngọc Ánh	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
402	5	CĐ.QKS.K24	2468102010006	Hà Hữu Biền	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
403	6	CĐ.QKS.K24	2468102010008	Hoàng Xuân Đạt	64	Trung bình	62	Trung bình	63	Trung bình	
404	7	CĐ.QKS.K24	2468102010009	Hoàng Khánh Duy	62	Trung bình	62	Trung bình	62	Trung bình	
405	8	CĐ.QKS.K24	2468102010014	Phu Có Giờ	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
406	9	CĐ.QKS.K24	2468102010016	Lý Thị Hằng	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
407	10	CĐ.QKS.K24	2468102010017	Vũ Thảo Lan	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
408	11	CĐ.QKS.K24	2468102010019	Tần Tả Mây	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
409	12	CĐ.QKS.K24	2468102010020	Hoàng Ngọc Minh	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
410	13	CĐ.QKS.K24	2468102010021	Trịnh Thiên Nga	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
411	14	CĐ.QKS.K24	2468102010022	Nguyễn Thị Nhung	67	Trung bình	67	Trung bình	67	Trung bình	
412	15	CĐ.QKS.K24	2468102010023	Sần Xá Nơ	89	Tốt	84	Tốt	87	Tốt	
413	16	CĐ.QKS.K24	2468102010024	Trần Như Quỳnh	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
414	17	CĐ.QKS.K24	2468102010027	Hoàng Đức Tài	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
415	18	CĐ.QKS.K24	2468102010030	Ngô Quang Trường	64	Trung bình	64	Trung bình	64	Trung bình	
416	19	CĐ.QKS.K24	2468102010031	Hoàng Anh Tú	68	Trung bình	66	Trung bình	67	Trung bình	
417	20	CĐ.QKS.K24	2468102010032	Nguyễn Vũ Ngọc Tú	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K24: 36 sinh viên										
418	1	CĐ.HDL.K24	2468101030001	Nguyễn Quỳnh Anh	80	Tốt	69	Trung bình	75	Khá	
419	2	CĐ.HDL.K24	2468101030002	Nguyễn Đức Anh	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
420	3	CĐ.HDL.K24	2468101030005	Lý Sinh Chánh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
421	4	CĐ.HDL.K24	2468101030006	La Văn Chung	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
422	5	CĐ.HDL.K24	2468101030007	Nguyễn Thị Diễm	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
423	6	CĐ.HDL.K24	2468101030009	Lò Thị Dung	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
424	7	CĐ.HDL.K24	2468101030010	Sùng A Dũng	83	Tốt	94	Xuất sắc	89	Tốt	
425	8	CĐ.HDL.K24	2468101030011	Nguyễn Thùy Dương	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
426	9	CĐ.HDL.K24	2468101030012	Đặng Thị Hồng Duyên	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
427	10	CĐ.HDL.K24	2468101030015	Su Văn Đường	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
428	11	CĐ.HDL.K24	2468101030016	Tần Thị Ghìn	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
429	12	CĐ.HDL.K24	2468101030017	Phùng Mạnh Giang	71	Khá	71	Khá	71	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
430	13	CĐ.HDL.K24	2468101030018	Ma A Giông	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
431	14	CĐ.HDL.K24	2468101030019	Triệu Văn Hiệu	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
432	15	CĐ.HDL.K24	2468101030020	Nguyễn Tiến Hoàng	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
433	16	CĐ.HDL.K24	2468101030021	Giàng Thị May Hương	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
434	17	CĐ.HDL.K24	2468101030022	Phù Đức Huy	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
435	18	CĐ.HDL.K24	2468101030023	Châu Thị Huyền	81	Tốt	76	Khá	79	Khá	
436	19	CĐ.HDL.K24	2468101030025	Trần Khánh Linh	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
437	20	CĐ.HDL.K24	2468101030026	Lù Thị Linh	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
438	21	CĐ.HDL.K24	2468101030029	Chào Tả Mây	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
439	22	CĐ.HDL.K24	2468101030031	Châu Seo Mênh	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
440	23	CĐ.HDL.K24	2468101030033	Sùng Thị Mú	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
441	24	CĐ.HDL.K24	2468101030034	Đặng Thị Kim Ngân	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
442	25	CĐ.HDL.K24	2468101030036	Phản Dương Phú	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
443	26	CĐ.HDL.K24	2468101030038	Lê Thanh Quang	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
444	27	CĐ.HDL.K24	2468101030039	Cư A Sáng	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
445	28	CĐ.HDL.K24	2468101030040	Giàng Thị Sây	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
446	29	CĐ.HDL.K24	2468101030042	Hoàng Ngọc Thanh	78	Khá	62	Trung bình	70	Khá	
447	30	CĐ.HDL.K24	2468101030043	Hoàng Văn Thiệu	83	Tốt	73	Khá	78	Khá	
448	31	CĐ.HDL.K24	2468101030044	Lù A Thịnh	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
449	32	CĐ.HDL.K24	2468101030045	Hoàng Anh Thủy	71	Khá	80	Tốt	76	Khá	
450	33	CĐ.HDL.K24	2468101030047	Phan Văn Tuyển	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
451	34	CĐ.HDL.K24	2468101030049	Hàng A Vàng	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
452	35	CĐ.HDL.K24	2468101030050	Bùi Thị Lan Vi	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
453	36	CĐ.HDL.K24	2468101030052	Cư Thị Xanh	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K24: 25 sinh viên										
454	1	CĐ.CNT.K24	2464802020002	Trần Quốc Anh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
455	2	CĐ.CNT.K24	2464802020001	Nông Đức Anh	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
456	3	CĐ.CNT.K24	2464802020003	Nguyễn Đình Chiến	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
457	4	CĐ.CNT.K24	2464802020004	Cư Mạnh Chung	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
458	5	CĐ.CNT.K24	2464802020007	Nghiêm Cao Dũng	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
459	6	CĐ.CNT.K24	2464802020008	Vàng Thế Duy	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
460	7	CĐ.CNT.K24	2464802020009	Trần Trung Hiếu	83	Tốt	63	Trung bình	73	Khá	
461	8	CĐ.CNT.K24	2464802020010	Triệu Vĩnh Hùng	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
462	9	CĐ.CNT.K24	2464802020011	Hà Việt Hưng	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
463	10	CĐ.CNT.K24	2464802020012	Chu Gia Huy	83	Tốt	75	Khá	79	Khá	
464	11	CĐ.CNT.K24	2464802020014	Hoàng Minh Lộc	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
465	12	CĐ.CNT.K24	2464802020015	Ly Seo Lùng	89	Tốt	81	Tốt	85	Tốt	
466	13	CĐ.CNT.K24	2464802020016	Ma Văn Minh	87	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
467	14	CĐ.CNT.K24	2464802020017	Giàng Seo Pao	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
468	15	CĐ.CNT.K24	2464802020018	Nguyễn Hoàng Phúc	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
469	16	CĐ.CNT.K24	2464802020019	Giàng Minh Quang	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
470	17	CĐ.CNT.K24	2464802020020	Lò Văn Quốc	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
471	18	CĐ.CNT.K24	2464802020021	Thào Sà	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
472	19	CĐ.CNT.K24	2464802020022	Nguyễn Hồng Sim	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
473	20	CĐ.CNT.K24	2464802020023	Nguyễn Hữu Thái	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
474	21	CĐ.CNT.K24	2464802020025	Vũ Đức Thuận	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
475	22	CĐ.CNT.K24	2464802020026	Lý Xuân Thủy	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
476	23	CĐ.CNT.K24	2464802020027	Đoàn Quốc Tuấn	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
477	24	CĐ.CNT.K24	2464802020028	Tráng Seo Vinh	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
478	25	CĐ.CNT.K24	2464802020029	Trường Văn Yên	83	Tốt	75	Khá	79	Khá	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K25: 23 sinh viên										
479	1	CĐ.CNT.K25	2564802020001	Phạm Ngọc Ánh	84	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
480	2	CĐ.CNT.K25	2564802020002	Lý Seo Bướm	56	Trung bình	80	Tốt	68	Trung bình	
481	3	CĐ.CNT.K25	2564802020003	Giàng Seo Hanh	67	Trung bình	80	Tốt	74	Khá	
482	4	CĐ.CNT.K25	2564802020004	Lý Hoàng Hiệp	68	Trung bình	73	Khá	71	Khá	
483	5	CĐ.CNT.K25	2564802020005	Hoàng Anh Hiếu	87	Tốt	91	Xuất sắc	89	Tốt	
484	6	CĐ.CNT.K25	2564802020006	Sùng A Hồng	67	Trung bình	73	Khá	70	Khá	
485	7	CĐ.CNT.K25	2564802020007	Ma Chấn Hùng	69	Trung bình	74	Khá	72	Khá	
486	8	CĐ.CNT.K25	2564802020008	Lù Văn Hưng	68	Trung bình	74	Khá	71	Khá	
487	9	CĐ.CNT.K25	2564802020009	Trương Hiếu Minh	66	Trung bình	71	Khá	69	Trung bình	
488	10	CĐ.CNT.K25	2564802020010	Trần Long Nhật	63	Trung bình	79	Khá	71	Khá	
489	11	CĐ.CNT.K25	2564802020011	Trương Hoàng Phúc	69	Trung bình	74	Khá	72	Khá	
490	12	CĐ.CNT.K25	2564802020012	Vàng Minh Sơn	67	Trung bình	80	Tốt	74	Khá	
491	13	CĐ.CNT.K25	2564802020013	Giàng A Thắng	68	Trung bình	74	Khá	71	Khá	
492	14	CĐ.CNT.K25	2564802020014	Sùng Quang Tiến	69	Trung bình	73	Khá	71	Khá	
493	15	CĐ.CNT.K25	2564802020015	Lù Quốc Trịnh	67	Trung bình	73	Khá	70	Khá	
494	16	CĐ.CNT.K25	2564802020016	Hoàng Bảo Trung	79	Khá	91	Xuất sắc	85	Tốt	
495	17	CĐ.CNT.K25	2564802020017	Thào A Trương	70	Khá	74	Khá	72	Khá	
496	18	CĐ.CNT.K25	2564802020018	Hoàng Đình Văn	70	Khá	73	Khá	72	Khá	
497	19	CĐ.CNT.K25	2564802020019	Nguyễn Hoàng Việt	84	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
498	20	CĐ.CNT.K25	2564802020020	Hoàng Quốc Việt	69	Trung bình	74	Khá	72	Khá	
499	21	CĐ.CNT.K25	2564802020021	Long Văn Vũ	63	Trung bình	73	Khá	68	Trung bình	
500	22	CĐ.CNT.K25	2564802020024	Cứ A Phử	70	Khá	85	Tốt	78	Khá	
501	23	CĐ.CNT.K25	2565102160015	Lù Thượng Minh	69	Trung bình	73	Khá	71	Khá	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K24: 16 sinh viên										
502	1	CĐ.TAN.K24	2462202060001	Lò Thị Chư	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
503	2	CĐ.TAN.K24	2462202060002	Đặng Thùy Dương	90	Xuất sắc	80	Tốt	85	Tốt	
504	3	CĐ.TAN.K24	2462202060003	Tòng Thị Duyên	92	Xuất sắc	81	Tốt	87	Tốt	
505	4	CĐ.TAN.K24	2462202060006	Phà Ta Gơ	93	Xuất sắc	86	Tốt	90	Xuất sắc	
506	5	CĐ.TAN.K24	2462202060007	Bàn Thị Thu Hương	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
507	6	CĐ.TAN.K24	2462202060008	Nguyễn Ngọc Thiên Hương	85	Tốt	92	Xuất sắc	89	Tốt	
508	7	CĐ.TAN.K24	2462202060009	Hàng Thị Kê	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
509	8	CĐ.TAN.K24	2462202060010	Lý Thị Lệ	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
510	9	CĐ.TAN.K24	2462202060011	Tần Tà Mấy	83	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
511	10	CĐ.TAN.K24	2462202060012	Phu Ly Mé	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
512	11	CĐ.TAN.K24	2462202060013	Trịnh Phương Thảo My	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
513	12	CĐ.TAN.K24	2462202060014	Hà Nam Ninh	74	Khá	60	Trung bình	67	Trung bình	
514	13	CĐ.TAN.K24	2462202060015	Phú Mờ Phia	81	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
515	14	CĐ.TAN.K24	2462202060016	Sào Sá So	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
516	15	CĐ.TAN.K24	2462202060017	Giàng Thị Sông	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
517	16	CD.TAN.K24	2462202060018	Đặng Văn Tiến	75	Khá	79	Khá	77	Khá	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K25: 11 sinh viên										
518	1	CD.TAN.K25	2562202060001	Lê Thị Hằng	86	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
519	2	CD.TAN.K25	2562202060005	Nguyễn Phương Linh	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
520	3	CD.TAN.K25	2562202060006	Đặng Phương Mai	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
521	4	CD.TAN.K25	2562202060007	Lê Huy Mạnh	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
522	5	CD.TAN.K25	2562202060008	Tân Lữ Mây	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
523	6	CD.TAN.K25	2562202060009	Giàng Tấn Minh	79	Khá	78	Khá	79	Khá	
524	7	CD.TAN.K25	2562202060010	Tráng A Sùng	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
525	8	CD.TAN.K25	2562202060011	Nguyễn Thanh Thảo	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
526	9	CD.TAN.K25	2562202060012	Tân Thị Xuân	88	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
527	10	CD.TAN.K25	2562202060013	Lò Tả Mây	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
528	11	CD.TAN.K25	2562202060014	Lê Anh Việt Đức	83	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24A: 25 sinh viên										
529	1	CD.TTQ.K24A	2462202090001	Đinh Diệu Anh	85	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
530	2	CD.TTQ.K24A	2462202090002	Trần Diệp Anh	70	Khá	76	Khá	73	Khá	
531	3	CD.TTQ.K24A	2462202090005	Nguyễn Thị Kim Chi	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
532	4	CD.TTQ.K24A	2462202090006	Lê Thị Chúc	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
533	5	CD.TTQ.K24A	2462202090007	Lý Thị Quý Dân	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
534	6	CD.TTQ.K24A	2462202090008	Lù Thị Dung	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
535	7	CD.TTQ.K24A	2462202090009	Hoàng Thị Diễm	90	Xuất sắc	76	Khá	83	Tốt	
536	8	CD.TTQ.K24A	2462202090010	Lò Thị Hậu Giang	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
537	9	CD.TTQ.K24A	2462202090013	Nguyễn Thị Hoài Lan	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
538	10	CD.TTQ.K24A	2462202090014	Vàng Mỹ Linh	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
539	11	CD.TTQ.K24A	2462202090015	Trần Ngọc Linh	83	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
540	12	CD.TTQ.K24A	2462202090018	Phản Thị Anh Thư	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
541	13	CD.TTQ.K24A	2462202090019	Vì La Kim Thùy	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
542	14	CD.TTQ.K24A	2462202090020	Giàng A Tiến	83	Tốt	94	Xuất sắc	89	Tốt	
543	15	CD.TTQ.K24A	2462202090021	Đèo Minh Tiệp	88	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
544	16	CD.TTQ.K24A	2462202090022	Vàng Thị Tím	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
545	17	CD.TTQ.K24A	2462202090023	Sần Tài Tô	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
546	18	CD.TTQ.K24A	2462202090024	Hoàng Xuân Toàn	73	Khá	82	Tốt	78	Khá	
547	19	CD.TTQ.K24A	2462202090034	Lý Thị Ánh Tuyết	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
548	20	CD.TTQ.K24A	2462202090025	Hoàng Kiều Trang	74	Khá	82	Tốt	78	Khá	
549	21	CD.TTQ.K24A	2462202090027	Triệu Anh Tuấn	79	Khá	82	Tốt	81	Tốt	
550	22	CD.TTQ.K24A	2462202090028	Nguyễn Văn Tuấn	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
551	23	CD.TTQ.K24A	2462202090031	Bàn Thị Tươi	74	Khá	81	Tốt	78	Khá	
552	24	CD.TTQ.K24A	2462202090036	Phan Thị Thanh Xuân	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
553	25	CD.TTQ.K24A	2462202090037	Lý Thu Yên	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24B: 29 sinh viên										
554	1	CD.TTQ.K24B	2462202090039	Nguyễn Đình Đức	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
555	2	CD.TTQ.K24B	2462202090040	Vàng Thị Dung	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
556	3	CD.TTQ.K24B	2462202090041	Đặng Thị Duyên	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
557	4	CD.TTQ.K24B	2462202090042	Hoàng Minh Giang	88	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
558	5	CD.TTQ.K24B	2462202090043	Đặng Thị Giang	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
559	6	CĐ.TTQ.K24B	2462202090044	Lê Thị Khuyên Hà	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
560	7	CĐ.TTQ.K24B	2462202090045	Nguyễn Trung Hiếu	72	Khá	65	Trung bình	69	Trung bình	
561	8	CĐ.TTQ.K24B	2462202090047	Tòng Thị Huyền	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
562	9	CĐ.TTQ.K24B	2462202090048	Giảng Thị Liên	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
563	10	CĐ.TTQ.K24B	2462202090050	Trần Khánh Linh	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
564	11	CĐ.TTQ.K24B	2462202090051	Lương Đình Lộc	74	Khá	80	Tốt	77	Khá	
565	12	CĐ.TTQ.K24B	2462202090052	Phạm Ngọc Quang Luân	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
566	13	CĐ.TTQ.K24B	2462202090053	Hoàng Thị Luận	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
567	14	CĐ.TTQ.K24B	2462202090056	Trương Thị Thu Mai	79	Khá	82	Tốt	81	Tốt	
568	15	CĐ.TTQ.K24B	2462202090058	Hoàng Thị Kim Ngân	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
569	16	CĐ.TTQ.K24B	2462202090060	Lường Thị Yến Nhi	86	Tốt	96	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
570	17	CĐ.TTQ.K24B	2462202090061	Lò Thị Như	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
571	18	CĐ.TTQ.K24B	2462202090062	Nguyễn Thị Hồng Nhung	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
572	19	CĐ.TTQ.K24B	2462202090064	Mò Tiên Quân	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
573	20	CĐ.TTQ.K24B	2462202090067	Má Thị Su	97	Xuất sắc	96	Xuất sắc	97	Xuất sắc	
574	21	CĐ.TTQ.K24B	2462202090068	Thào A Tá	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
575	22	CĐ.TTQ.K24B	2462202090069	Nông Văn Tài	88	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
576	23	CĐ.TTQ.K24B	2462202090070	Lò Thị Tầm	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
577	24	CĐ.TTQ.K24B	2462202090071	Giảng Thị Thắm	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
578	25	CĐ.TTQ.K24B	2462202090072	Trần Quyết Thắng	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
579	26	CĐ.TTQ.K24B	2462202090073	Triệu Tất Thành	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
580	27	CĐ.TTQ.K24B	2462202090074	Lò Thị Thịnh	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
581	28	CĐ.TTQ.K24B	2462202090075	Lục Thị Thoa	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
582	29	CĐ.TTQ.K24B	2462202090076	Vàng Thị Thanh Thủy	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24C: 27 sinh viên										
583	1	CĐ.TTQ.K24C	2462202090079	Phún Linh Chi	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
584	2	CĐ.TTQ.K24C	2462202090080	Hoàng Kim Diệu	86	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
585	3	CĐ.TTQ.K24C	2462202090081	Lù A Dìn	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
586	4	CĐ.TTQ.K24C	2462202090083	Quản Thùy Dung	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
587	5	CĐ.TTQ.K24C	2462202090084	Nguyễn Thùy Dung	88	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
588	6	CĐ.TTQ.K24C	2462202090085	Vi Hoàng Dũng	90	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
589	7	CĐ.TTQ.K24C	2462202090086	Lý Thị Duyên	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
590	8	CĐ.TTQ.K24C	2462202090087	Hoàng Xa Định	85	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
591	9	CĐ.TTQ.K24C	2462202090088	Nùng Văn Đoàn	82	Tốt	76	Khá	79	Khá	
592	10	CĐ.TTQ.K24C	2462202090089	Lò Thị Đợi	79	Khá	76	Khá	78	Khá	
593	11	CĐ.TTQ.K24C	2462202090090	Hoàng Văn Giang	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
594	12	CĐ.TTQ.K24C	2462202090091	Đỗ Thị Ngọc Hà	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
595	13	CĐ.TTQ.K24C	2462202090092	Hoàng Thị Hải	87	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
596	14	CĐ.TTQ.K24C	2462202090093	Lý Thị Hằng	86	Tốt	96	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
597	15	CĐ.TTQ.K24C	2462202090094	Lù Thị Hạnh	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
598	16	CĐ.TTQ.K24C	2462202090096	Giảng Thị Thu Hiền	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
599	17	CĐ.TTQ.K24C	2462202090097	Vương Thị Hiệp	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
600	18	CĐ.TTQ.K24C	2462202090100	Lưu Vũ Huy Hoàng	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
601	19	CĐ.TTQ.K24C	2462202090101	Lý Xa Hồng	86	Tốt	96	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
602	20	CĐ.TTQ.K24C	2462202090102	Vũ Phi Hùng	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
603	21	CĐ.TTQ.K24C	2462202090103	Sùng Mạnh Hùng	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
604	22	CĐ.TTQ.K24C	2462202090104	Phan Văn Hưng	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
605	23	CĐ.TTQ.K24C	2462202090106	Nguyễn Thị Hương	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
606	24	CĐ.TTQ.K24C	2462202090107	Nguyễn Quỳnh Hương	79	Khá	75	Khá	77	Khá	
607	25	CĐ.TTQ.K24C	2462202090109	Lý Xa Môi	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
608	26	CĐ.TTQ.K24C	2462202090110	Ngài Sín Si	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
609	27	CĐ.TTQ.K24C	2462202090113	Nguyễn Thị Huyền Trang	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24D: 28 sinh viên										
610	1	CĐ.TTQ.K24D	2462202090116	Tráng Mừ Be	74	Khá	70	Khá	72	Khá	
611	2	CĐ.TTQ.K24D	2462202090117	Giàng A Chung	68	Trung bình	81	Tốt	75	Khá	
612	3	CĐ.TTQ.K24D	2462202090118	Vừ A Chung	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
613	4	CĐ.TTQ.K24D	2462202090120	Nguyễn Linh Cường	80	Tốt	92	Xuất sắc	86	Tốt	
614	5	CĐ.TTQ.K24D	2462202090121	Lò Thị Dính	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
615	6	CĐ.TTQ.K24D	2462202090122	Ly Thị Dứa	74	Khá	61	Trung bình	68	Trung bình	
616	7	CĐ.TTQ.K24D	2462202090123	Đặng Kim Dung	72	Khá	77	Khá	75	Khá	
617	8	CĐ.TTQ.K24D	2462202090124	Thào Seo Dừng	69	Trung bình	56	Trung bình	63	Trung bình	
618	9	CĐ.TTQ.K24D	2462202090125	Vàng Thị Duyên	73	Khá	88	Tốt	81	Tốt	
619	10	CĐ.TTQ.K24D	2462202090127	Tráng Seo Điền	72	Khá	73	Khá	73	Khá	
620	11	CĐ.TTQ.K24D	2462202090128	Sùng Hoài Đức	72	Khá	68	Trung bình	70	Khá	
621	12	CĐ.TTQ.K24D	2462202090130	Vàng Thị Gống	86	Tốt	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
622	13	CĐ.TTQ.K24D	2462202090131	Thào Seo Hiền	84	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
623	14	CĐ.TTQ.K24D	2462202090132	Giàng Chính Hoa	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
624	15	CĐ.TTQ.K24D	2462202090134	Trương Thị Thu Huyền	85	Tốt	92	Xuất sắc	89	Tốt	
625	16	CĐ.TTQ.K24D	2462202090136	Lò Thị Lâm	86	Tốt	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
626	17	CĐ.TTQ.K24D	2462202090137	Phản Thị Lan	85	Tốt	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
627	18	CĐ.TTQ.K24D	2462202090138	Đèo Bảo Lan	90	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
628	19	CĐ.TTQ.K24D	2462202090140	Vàng Thị Ngọc Linh	74	Khá	69	Trung bình	72	Khá	
629	20	CĐ.TTQ.K24D	2462202090141	Tần Láo Lờ	74	Khá	72	Khá	73	Khá	
630	21	CĐ.TTQ.K24D	2462202090142	Tráng Thị Lùng	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
631	22	CĐ.TTQ.K24D	2462202090145	Gì A Mạnh	77	Khá	81	Tốt	79	Khá	
632	23	CĐ.TTQ.K24D	2462202090148	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	79	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
633	24	CĐ.TTQ.K24D	2462202090149	Giàng Seo Nhà	76	Khá	90	Xuất sắc	83	Tốt	
634	25	CĐ.TTQ.K24D	2462202090150	Vàng Thị Nhe	72	Khá	82	Tốt	77	Khá	
635	26	CĐ.TTQ.K24D	2462202090151	Lù Thị Súng	90	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
636	27	CĐ.TTQ.K24D	2462202090153	Sùng Thị Xuân	79	Khá	94	Xuất sắc	87	Tốt	
637	28	CĐ.TTQ.K24D	2462202090154	Tần Thị Yên	80	Tốt	92	Xuất sắc	86	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24E: 28 sinh viên										
638	1	CĐ.TTQ.K24E	2462202090156	Nguyễn Thị Phương Anh	76	Khá	80	Tốt	78	Khá	
639	2	CĐ.TTQ.K24E	2462202090162	Nguyễn Thị Linh Chi	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
640	3	CĐ.TTQ.K24E	2462202090163	Hầu Thị Chi	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
641	4	CĐ.TTQ.K24E	2462202090166	Cư Seo Đế	81	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
642	5	CĐ.TTQ.K24E	2462202090167	Giàng A Di	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
643	6	CĐ.TTQ.K24E	2462202090168	Lò Văn Diết	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
644	7	CĐ.TTQ.K24E	2462202090170	Giàng Thị Dừa	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
645	8	CĐ.TTQ.K24E	2462202090172	Giàng A Đức	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
646	9	CD.TTQ.K24E	2462202090173	Vàng Thị Giáp	88	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
647	10	CD.TTQ.K24E	2462202090174	Nông Thị Huyền	82	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
648	11	CD.TTQ.K24E	2465202270107	Nguyễn Minh Tiến	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
649	12	CD.TTQ.K24E	2462202090175	Lý Thị Lành	84	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
650	13	CD.TTQ.K24E	2462202090176	Giàng Thị Linh	85	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
651	14	CD.TTQ.K24E	2462202090181	Trần Bảo Ngọc	82	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
652	15	CD.TTQ.K24E	2462202090182	Giàng Thị Yến Nhi	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
653	16	CD.TTQ.K24E	2462202090183	Lù Thị Nhị	81	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
654	17	CD.TTQ.K24E	2462202090184	Lò Thị Quỳnh Như	81	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
655	18	CD.TTQ.K24E	2462202090185	Lê Thị Hoài Như	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
656	19	CD.TTQ.K24E	2462202090186	Bùi Thị Quỳnh Như	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
657	20	CD.TTQ.K24E	2462202090187	Lý Thị Nhung	87	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
658	21	CD.TTQ.K24E	2462202090188	Nguyễn Hồng Nhung	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
659	22	CD.TTQ.K24E	2462202090189	Lèng Thị Oanh	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
660	23	CD.TTQ.K24E	2462202090190	Phạm Ngọc Oanh	77	Khá	87	Tốt	82	Tốt	
661	24	CD.TTQ.K24E	2462202090192	Vàng Thị The	79	Khá	89	Tốt	84	Tốt	
662	25	CD.TTQ.K24E	2462202090193	Vàng Thị Trà	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
663	26	CD.TTQ.K24E	2462202090194	Hoàng Thị Trà Vinh	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
664	27	CD.TTQ.K24E	2462202090195	Ma Công Vinh	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
665	28	CD.TTQ.K24E	2462202090196	Thào Seo Vư	81	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24G: 34 sinh viên										
666	1	CD.TTQ.K24G	2462202090197	Giàng A Chung	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
667	2	CD.TTQ.K24G	2462202090198	Sùng A Cú	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
668	3	CD.TTQ.K24G	2462202090200	Dì A Đình	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
669	4	CD.TTQ.K24G	2462202090201	Chớ A Dương	82	Tốt	96	Xuất sắc	89	Tốt	
670	5	CD.TTQ.K24G	2462202090202	Lê Thị Châu Giang	84	Tốt	93	Xuất sắc	89	Tốt	
671	6	CD.TTQ.K24G	2462202090203	Sùng A Hồ	76	Khá	75	Khá	76	Khá	
672	7	CD.TTQ.K24G	2462202090204	Sùng Chính Hòa	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
673	8	CD.TTQ.K24G	2462202090205	Lục Thị Thu Hương	88	Tốt	95	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
674	9	CD.TTQ.K24G	2462202090206	Sùng Thị Khánh Ly	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
675	10	CD.TTQ.K24G	2462202090208	Hoàng Hoài Nhiên	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
676	11	CD.TTQ.K24G	2462202090209	Vàng Thị Như	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
677	12	CD.TTQ.K24G	2462202090210	Lý Hồng Nhung	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
678	13	CD.TTQ.K24G	2462202090211	Phạm Thị Phương	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
679	14	CD.TTQ.K24G	2462202090212	Lèng Thị Quý	92	Xuất sắc	100	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
680	15	CD.TTQ.K24G	2462202090213	Lù Văn Răng	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
681	16	CD.TTQ.K24G	2462202090214	Tạ Thị Hương Sâm	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
682	17	CD.TTQ.K24G	2462202090215	Chu Thị Sang	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
683	18	CD.TTQ.K24G	2462202090216	Lý Thị Say	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
684	19	CD.TTQ.K24G	2462202090217	Giàng Ngân Sin	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
685	20	CD.TTQ.K24G	2462202090218	Thào Thị Sinh	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
686	21	CD.TTQ.K24G	2462202090219	Thào Minh Sơn	72	Khá	74	Khá	73	Khá	
687	22	CD.TTQ.K24G	2462202090220	Cư Seo Sử	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
688	23	CD.TTQ.K24G	2462202090221	Lý Thị Tâm	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
689	24	CD.TTQ.K24G	2462202090223	Lý Thanh Tân	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
690	25	CD.TTQ.K24G	2462202090224	Giàng Thị Tấu	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
691	26	CD.TTQ.K24G	2462202090225	Vàng Thị Thái	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
692	27	CD.TTQ.K24G	2462202090226	Lò Thị Thắm	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
693	28	CD.TTQ.K24G	2462202090227	Vàng Xuân Thắng	78	Khá	95	Xuất sắc	87	Tốt	
694	29	CD.TTQ.K24G	2462202090228	Giàng Seo Thắng	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
695	30	CD.TTQ.K24G	2462202090229	Sùng A Thành	81	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
696	31	CD.TTQ.K24G	2462202090231	Ly Thị Thảo	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
697	32	CD.TTQ.K24G	2462202090232	Hoàng Thị Thay	87	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
698	33	CD.TTQ.K24G	2462202090233	Nguyễn Quỳnh Trang	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
699	34	CD.TTQ.K24G	2462202090234	Lò Văn Tuấn	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25.CLC: 33 sinh viên										
700	1	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090001	Nguyễn Ngọc Ánh	89	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
701	2	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090002	Lù Seo Banh	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
702	3	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090003	Ly A Bảy	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
703	4	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090004	Lù Thị Bình	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
704	5	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090005	Hoàng Thị Cháo	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
705	6	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090007	Nông Đức Dũng	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
706	7	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090008	Đỗ Thùy Dương	93	Xuất sắc	96	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
707	8	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090009	Nông Thị Trà Giang	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
708	9	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090011	Pờ Xuy Gụ	93	Xuất sắc	86	Tốt	90	Xuất sắc	
709	10	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090012	Ly Thị Hà	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
710	11	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090013	Bùi Ngọc Hân	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
711	12	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090014	Nguyễn Thị Hoa	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
712	13	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090015	Lò Thị Hoạt	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
713	14	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090016	Nông Thị Thúy Hồng	97	Xuất sắc	96	Xuất sắc	97	Xuất sắc	
714	15	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090017	Đoàn Thị Huân	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
715	16	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090018	Hoàng Thị Hương	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
716	17	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090019	Sùng A Khu	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
717	18	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090020	Hàng Seo Lênh	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
718	19	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090022	Tần Thị Loan	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
719	20	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090023	Ly Thị Luân	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
720	21	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090024	Cheo Xuân Mây	91	Xuất sắc	86	Tốt	89	Tốt	
721	22	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090025	Đặng Thị Mỹ Mỹ	86	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
722	23	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090026	Nguyễn Hoài Nam	82	Tốt	60	Trung bình	71	Khá	
723	24	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090027	Lê Thúy Ngân	88	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
724	25	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090028	Đào Thị Yến Nhi	91	Xuất sắc	86	Tốt	89	Tốt	
725	26	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090029	Vàng Lâm Nhi	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
726	27	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090030	Cao Gơ Pơ	95	Xuất sắc	60	Trung bình	78	Khá	
727	28	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090031	Giàng Ngọc Quỳnh	87	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
728	29	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090032	Vù Thị Sinh	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
729	30	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090033	Lò Thị Thắm	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
730	31	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090034	Lềng Thị Thủy	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
731	32	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090035	Chân Seo Tỏa	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
732	33	CD.TTQ.K25.CLC	2562202090036	Mai Hoàng Tùng	90	Xuất sắc	81	Tốt	86	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25A: 31 sinh viên										

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
733	1	CĐ.TTQ.K25A	2562202090037	Giàng Huy Anh	74	Khá	71	Khá	73	Khá	
734	2	CĐ.TTQ.K25A	2562202090039	Vàng Thị Cha	83	Tốt	75	Khá	79	Khá	
735	3	CĐ.TTQ.K25A	2562202090040	Lù Khai Chung	84	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
736	4	CĐ.TTQ.K25A	2562202090041	Sần Chấn Cồ	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
737	5	CĐ.TTQ.K25A	2562202090042	Lý Cổ Đào	84	Tốt	74	Khá	79	Khá	
738	6	CĐ.TTQ.K25A	2562202090043	Vàng A Dìn	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
739	7	CĐ.TTQ.K25A	2562202090044	Giàng Thu Hà	80	Tốt	74	Khá	77	Khá	
740	8	CĐ.TTQ.K25A	2562202090045	Hoàng Thu Hà	81	Tốt	72	Khá	77	Khá	
741	9	CĐ.TTQ.K25A	2562202090046	Hoàng Thị Hạnh	81	Tốt	70	Khá	76	Khá	
742	10	CĐ.TTQ.K25A	2562202090047	Trương Thi Hiền	85	Tốt	96	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
743	11	CĐ.TTQ.K25A	2562202090050	Phạm Thị Lệ	86	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
744	12	CĐ.TTQ.K25A	2562202090051	Nguyễn Xuân Mai	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
745	13	CĐ.TTQ.K25A	2562202090053	Đỗ Ngọc Phi Nhi	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
746	14	CĐ.TTQ.K25A	2562202090054	Vương Thị Phương Quyên	83	Tốt	72	Khá	78	Khá	
747	15	CĐ.TTQ.K25A	2562202090055	Phùng Thị Sính	84	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
748	16	CĐ.TTQ.K25A	2562202090056	Hoàng Thị Sứ	83	Tốt	95	Xuất sắc	89	Tốt	
749	17	CĐ.TTQ.K25A	2562202090057	Nguyễn Thị Tâm	87	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
750	18	CĐ.TTQ.K25A	2562202090058	Trắng A Thành	87	Tốt	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
751	19	CĐ.TTQ.K25A	2562202090059	Giàng Thị Thu Thảo	84	Tốt	94	Xuất sắc	89	Tốt	
752	20	CĐ.TTQ.K25A	2562202090060	Tòng Thị Thảo	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
753	21	CĐ.TTQ.K25A	2562202090061	Lò Thị Thúy	84	Tốt	93	Xuất sắc	89	Tốt	
754	22	CĐ.TTQ.K25A	2562202090062	Đặng Thị Thúy	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
755	23	CĐ.TTQ.K25A	2562202090064	Vàng Thị Tuyết	83	Tốt	92	Xuất sắc	88	Tốt	
756	24	CĐ.TTQ.K25A	2562202090065	Thàng Mỹ Uyên	84	Tốt	93	Xuất sắc	89	Tốt	
757	25	CĐ.TTQ.K25A	2562202090066	Hoàng Thị Vần	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
758	26	CĐ.TTQ.K25A	2562202090067	Châu Đức Vỹ	82	Tốt	71	Khá	77	Khá	
759	27	CĐ.TTQ.K25A	2562202090068	Giàng A Xà	83	Tốt	76	Khá	80	Tốt	
760	28	CĐ.TTQ.K25A	2562202090069	Tao Thị Xeng	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
761	29	CĐ.TTQ.K25A	2562202090070	Cư Thị Xuân	84	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
762	30	CĐ.TTQ.K25A	2562202090071	Nguyễn Thị Hải Yến	86	Tốt	96	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
763	31	CĐ.TTQ.K25A	2562202090072	Lương Thị Yêu	83	Tốt	74	Khá	79	Khá	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25B: 36 sinh viên										
764	1	CĐ.TTQ.K25B	2562202090074	Sần Thiện Chấn	81	Tốt	75	Khá	78	Khá	
765	2	CĐ.TTQ.K25B	2562202090075	Sùng Seo Chung	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
766	3	CĐ.TTQ.K25B	2562202090076	Hạng Thị Thanh Cu	81	Tốt	92	Xuất sắc	87	Tốt	
767	4	CĐ.TTQ.K25B	2562202090077	Vàng Thị De	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
768	5	CĐ.TTQ.K25B	2562202090078	Giàng Thị Dê	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
769	6	CĐ.TTQ.K25B	2562202090079	Hoàng Ngọc Diễm	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
770	7	CĐ.TTQ.K25B	2562202090080	Lò Thị Dìn	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
771	8	CĐ.TTQ.K25B	2562202090081	Điền Thị Mỹ Duyên	87	Tốt	99	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
772	9	CĐ.TTQ.K25B	2562202090083	Giàng Thị Hà	81	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
773	10	CĐ.TTQ.K25B	2562202090084	Lý Văn Hải	83	Tốt	92	Xuất sắc	88	Tốt	
774	11	CĐ.TTQ.K25B	2562202090085	Tần Mỹ Hằng	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
775	12	CĐ.TTQ.K25B	2562202090086	Chèo Nải Heng	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
776	13	CĐ.TTQ.K25B	2562202090087	Giàng A Hồng	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
777	14	CĐ.TTQ.K25B	2562202090088	Lý Thị Hồng	88	Tốt	95	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
778	15	CĐ.TTQ.K25B	2562202090089	Dì A Hùng	81	Tốt	75	Khá	78	Khá	
779	16	CĐ.TTQ.K25B	2562202090090	Lò Quỳnh Hương	89	Tốt	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
780	17	CĐ.TTQ.K25B	2562202090091	Lường Thị Hương	81	Tốt	93	Xuất sắc	87	Tốt	
781	18	CĐ.TTQ.K25B	2562202090092	Lý Thị Hoàng Linh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
782	19	CĐ.TTQ.K25B	2562202090093	Sin Thị Luyến	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
783	20	CĐ.TTQ.K25B	2562202090094	Hoàng Kim Ly	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
784	21	CĐ.TTQ.K25B	2562202090095	Lò Đức Mạnh	92	Xuất sắc	99	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
785	22	CĐ.TTQ.K25B	2562202090096	Vàng Lờ Mây	81	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
786	23	CĐ.TTQ.K25B	2562202090097	Thào Thị Mừng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
787	24	CĐ.TTQ.K25B	2562202090098	Nông Thị Kim Ngân	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
788	25	CĐ.TTQ.K25B	2562202090099	Hoàng Yến Ngọc	75	Khá	83	Tốt	79	Khá	
789	26	CĐ.TTQ.K25B	2562202090100	Phang Quỳnh Như	81	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
790	27	CĐ.TTQ.K25B	2562202090101	Hoàng Thị Nhung	75	Khá	82	Tốt	79	Khá	
791	28	CĐ.TTQ.K25B	2562202090102	Vàng Thị Phan	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
792	29	CĐ.TTQ.K25B	2562202090103	Thiều Tiến Phong	81	Tốt	96	Xuất sắc	89	Tốt	
793	30	CĐ.TTQ.K25B	2562202090104	Lý Văn Phúc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
794	31	CĐ.TTQ.K25B	2562202090105	Chó A Thanh	75	Khá	90	Xuất sắc	83	Tốt	
795	32	CĐ.TTQ.K25B	2562202090106	Mã Thủy Thao	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
796	33	CĐ.TTQ.K25B	2562202090108	Phạm Thanh Thủy	79	Khá	77	Khá	78	Khá	
797	34	CĐ.TTQ.K25B	2562202090109	Đặng Thùy Trang	83	Tốt	99	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
798	35	CĐ.TTQ.K25B	2562202090110	Lò Thị Việt Trinh	81	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
799	36	CĐ.TTQ.K25B	2562202090111	Đặng Thị Vân	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25C: 35 sinh viên										
800	1	CĐ.TTQ.K25C	2562202090113	Nguyễn Việt Anh	81	Tốt	76	Khá	79	Khá	
801	2	CĐ.TTQ.K25C	2562202090114	Ma Seo Chùa	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
802	3	CĐ.TTQ.K25C	2562202090115	Hằng Diu Chung	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
803	4	CĐ.TTQ.K25C	2562202090116	Nguyễn Việt Cương	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
804	5	CĐ.TTQ.K25C	2562202090118	Nguyễn Anh Dũng	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
805	6	CĐ.TTQ.K25C	2562202090119	Tạ Hương Giang	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
806	7	CĐ.TTQ.K25C	2562202090120	Lý Gì Gơ	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
807	8	CĐ.TTQ.K25C	2562202090121	Điền Thị Thu Hà	86	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
808	9	CĐ.TTQ.K25C	2562202090122	Vi Thị Hiền	87	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
809	10	CĐ.TTQ.K25C	2562202090123	Trần Thị Thanh Hiền	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
810	11	CĐ.TTQ.K25C	2562202090124	Nguyễn Đức Hiếu	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
811	12	CĐ.TTQ.K25C	2562202090125	Ma Thị Hoa	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
812	13	CĐ.TTQ.K25C	2562202090126	Phan Văn Hưng	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
813	14	CĐ.TTQ.K25C	2562202090127	Lý Nhật Khánh	86	Tốt	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
814	15	CĐ.TTQ.K25C	2562202090128	Lò Văn Khánh	84	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
815	16	CĐ.TTQ.K25C	2562202090129	Vũ Quốc Khánh	86	Tốt	77	Khá	82	Tốt	
816	17	CĐ.TTQ.K25C	2562202090130	Thào Thị Kiều	86	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
817	18	CĐ.TTQ.K25C	2562202090131	Hoàng Văn Lập	87	Tốt	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
818	19	CĐ.TTQ.K25C	2562202090132	Tạ Hoài Linh	89	Tốt	78	Khá	84	Tốt	
819	20	CĐ.TTQ.K25C	2562202090133	Lý Tả Mây	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
820	21	CĐ.TTQ.K25C	2562202090134	Lý Lờ Mây	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
821	22	CĐ.TTQ.K25C	2562202090135	Phùng Tả Mây	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
822	23	CĐ.TTQ.K25C	2562202090136	Lý Thị Mùi	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
823	24	CĐ.TTQ.K25C	2562202090137	Hầu Thủy Nga	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
824	25	CĐ.TTQ.K25C	2562202090138	Lý Thị Thu Ngọc	87	Tốt	94	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
825	26	CĐ.TTQ.K25C	2562202090139	Trang Thị Nguyệt	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
826	27	CĐ.TTQ.K25C	2562202090140	Hà Thị Hồng Nhíp	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
827	28	CĐ.TTQ.K25C	2562202090141	Thào Seo Nù	87	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
828	29	CĐ.TTQ.K25C	2562202090142	Giàng Thị Phần	85	Tốt	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
829	30	CĐ.TTQ.K25C	2562202090144	Lương Thị Hoàng Sa	86	Tốt	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
830	31	CĐ.TTQ.K25C	2562202090145	Vàng Thị Sinh	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
831	32	CĐ.TTQ.K25C	2562202090147	Vàng A Thi	87	Tốt	94	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
832	33	CĐ.TTQ.K25C	2562202090148	Giàng Thị Thư	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
833	34	CĐ.TTQ.K25C	2562202090149	Sùng Thị Thanh Thủy	85	Tốt	74	Khá	80	Tốt	
834	35	CĐ.TTQ.K25C	2562202090150	Lộc Thị Kim Yến	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25D: 29 sinh viên										
835	1	CĐ.TTQ.K25D	2562202090152	Thào Thị Chanh	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
836	2	CĐ.TTQ.K25D	2562202090153	Lý Minh Chương	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
837	3	CĐ.TTQ.K25D	2562202090154	Lò Thị Diệp	83	Tốt	79	Khá	81	Tốt	
838	4	CĐ.TTQ.K25D	2562202090155	Châu Thị Duyên	78	Khá	77	Khá	78	Khá	
839	5	CĐ.TTQ.K25D	2562202090156	Sùng Thị Hà	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
840	6	CĐ.TTQ.K25D	2562202090157	Nguyễn Thu Hương	91	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
841	7	CĐ.TTQ.K25D	2562202090158	Nông Phương Lan	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
842	8	CĐ.TTQ.K25D	2562202090159	Giàng A Lành	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
843	9	CĐ.TTQ.K25D	2562202090160	Ma Seo Lim	88	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
844	10	CĐ.TTQ.K25D	2562202090161	Giàng Thị Mò	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
845	11	CĐ.TTQ.K25D	2562202090162	Hoàng Thị Thúy Nga	84	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
846	12	CĐ.TTQ.K25D	2562202090163	Vương Quỳnh Như	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
847	13	CĐ.TTQ.K25D	2562202090164	Vàng Thị Nử	85	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
848	14	CĐ.TTQ.K25D	2562202090165	Hoàng Thị Phần	92	Xuất sắc	85	Tốt	89	Tốt	
849	15	CĐ.TTQ.K25D	2562202090166	Chào Thị Phấy	91	Xuất sắc	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
850	16	CĐ.TTQ.K25D	2562202090167	Giàng Minh Phong	86	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
851	17	CĐ.TTQ.K25D	2562202090168	Trần Hồng Phượng	86	Tốt	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
852	18	CĐ.TTQ.K25D	2562202090169	Thào Anh Quân	82	Tốt	70	Khá	76	Khá	
853	19	CĐ.TTQ.K25D	2562202090170	Vàng A Quý	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
854	20	CĐ.TTQ.K25D	2562202090171	Thào Lê Uyên	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
855	21	CĐ.TTQ.K25D	2562202090172	Giàng Mạnh Quyền	79	Khá	84	Tốt	82	Tốt	
856	22	CĐ.TTQ.K25D	2562202090175	Giàng Seo Thắng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
857	23	CĐ.TTQ.K25D	2562202090176	Sầm Văn Thanh	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
858	24	CĐ.TTQ.K25D	2562202090178	Trương Anh Thơ	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
859	25	CĐ.TTQ.K25D	2562202090179	Đỗ Thị Kim Thoa	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
860	26	CĐ.TTQ.K25D	2562202090180	Chào Mai Trang	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
861	27	CĐ.TTQ.K25D	2562202090182	Triệu Thị Viện	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
862	28	CĐ.TTQ.K25D	2562202090183	Vàng Thị Xoa	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
863	29	CĐ.TTQ.K25D	2562202090184	Chu Xuy Xú	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K24: 33 sinh viên										

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
864	1	CĐ.KTO.K24	2463403010001	Bùi Phương Anh	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
865	2	CĐ.KTO.K24	2463403010002	Tần Thị Ngọc Anh	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
866	3	CĐ.KTO.K24	2463403010003	Trần Thị Hải Anh	85	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
867	4	CĐ.KTO.K24	2463403010004	Phạm Ngọc Chi	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
868	5	CĐ.KTO.K24	2463403010005	Đặng Hồng Hà	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
869	6	CĐ.KTO.K24	2463403010006	Trần Thu Hà	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
870	7	CĐ.KTO.K24	2463403010007	Trần Thị Thủy Hằng	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
871	8	CĐ.KTO.K24	2463403010008	Vũ Thị Hạnh	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
872	9	CĐ.KTO.K24	2463403010009	Đào Văn Hoàng	72	Khá	70	Khá	71	Khá	
873	10	CĐ.KTO.K24	2463403010010	Mai Thị Hồng	91	Xuất sắc	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
874	11	CĐ.KTO.K24	2463403010011	Nguyễn Hồng Huệ	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
875	12	CĐ.KTO.K24	2463403010013	Dương Ngọc Linh	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
876	13	CĐ.KTO.K24	2463403010014	Dương Thị Linh	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
877	14	CĐ.KTO.K24	2463403010015	Nguyễn Huyền Linh	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
878	15	CĐ.KTO.K24	2463403010017	Vàng Thị Hương Ly	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
879	16	CĐ.KTO.K24	2463403010018	Tần Thị Hồng Máy	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
880	17	CĐ.KTO.K24	2463403010020	Pờ Pá Na	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
881	18	CĐ.KTO.K24	2463403010021	Lò Thị Minh Ngọc	91	Xuất sắc	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
882	19	CĐ.KTO.K24	2463403010022	Lý Thị Nguyệt	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
883	20	CĐ.KTO.K24	2463403010023	Lý Thị Phương Oanh	89	Tốt	84	Tốt	87	Tốt	
884	21	CĐ.KTO.K24	2463403010025	Vàng Văn Quân	76	Khá	70	Khá	73	Khá	
885	22	CĐ.KTO.K24	2463403010026	Quách Duy Quang	75	Khá	73	Khá	74	Khá	
886	23	CĐ.KTO.K24	2463403010027	Trần Vinh Quang	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
887	24	CĐ.KTO.K24	2463403010029	Trịnh Phương Thảo	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
888	25	CĐ.KTO.K24	2463403010030	Bùi Thị Thương	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
889	26	CĐ.KTO.K24	2463403010031	Nguyễn Thu Thủy	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
890	27	CĐ.KTO.K24	2463403010032	Hoàng Thanh Trà	76	Khá	79	Khá	78	Khá	
891	28	CĐ.KTO.K24	2463403010033	Bùi Đoàn Trang	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
892	29	CĐ.KTO.K24	2463403010034	Đào Thị Thanh Trúc	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
893	30	CĐ.KTO.K24	2463403010035	Trần Thị Kim Tuyền	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
894	31	CĐ.KTO.K24	2463403010036	Vũ Cẩm Vi	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
895	32	CĐ.KTO.K24	2463403010040	Vũ Hà Vi	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
896	33	CĐ.KTO.K24	2463403010037	Nguyễn Kim Anh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25.TTQ: 27 sinh viên										
897	1	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010008	Phan Yến Nhi	78	Khá	73	Khá	76	Khá	
898	2	CĐ.KTO.K25.TTQ	2562202090021	Hoàng Thùy Linh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
899	3	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010028	Hoàng Tuấn Anh	81	Tốt	61	Trung bình	71	Khá	
900	4	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010029	Phạm Đoàn Anh	76	Khá	72	Khá	74	Khá	
901	5	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010030	Trần Thị Châm	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
902	6	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010031	Trần Thị Mai Châm	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
903	7	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010034	Trần Thị Thu Hà	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
904	8	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010035	Phạm Long Hải	76	Khá	57	Trung bình	67	Trung bình	
905	9	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010036	Đặng Thị Hiền	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
906	10	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010038	Ma Chấn Hồng	76	Khá	77	Khá	77	Khá	
907	11	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010040	Giảng Thị Lan	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
908	12	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010041	Ma Thị Liên	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
909	13	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010042	Lù Seo Lữ	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
910	14	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010043	Vì Kiều Ly	90	Xuất sắc	81	Tốt	86	Tốt	
911	15	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010045	Trần Đức Nguyên	83	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
912	16	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010046	Dương Quỳnh Như	90	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
913	17	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010048	Vàng Tiến Phong	76	Khá	81	Tốt	79	Khá	
914	18	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010049	Phùng Anh Phúc	77	Khá	68	Trung bình	73	Khá	
915	19	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010050	Nguyễn Thị Phương	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
916	20	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010051	Phạm Mai Phương	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
917	21	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010053	Lê Quyết Tiến	75	Khá	58	Trung bình	67	Trung bình	
918	22	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010054	Triệu Tài Tiến	78	Khá	52	Trung bình	65	Trung bình	
919	23	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010055	Đỗ Bảo Trâm	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
920	24	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010056	Hà Thị Huyền Trang	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
921	25	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010058	Vàng Anh Tuấn	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
922	26	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010059	Trần Đỗ Khánh Vân	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
923	27	CĐ.KTO.K25.TTQ	2563403010060	Lù Bốn Nghĩa	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25A: 14 sinh viên										
924	1	CĐ.KTO.K25A	2563403010001	Đào Phạm Yến Chi	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
925	2	CĐ.KTO.K25A	2563403010003	Triệu Văn Hồng	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
926	3	CĐ.KTO.K25A	2563403010005	Đặng Thị Mây	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
927	4	CĐ.KTO.K25A	2563403010006	Nguyễn Thị Ngọc	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
928	5	CĐ.KTO.K25A	2563403010007	Vũ Thị Ánh Nguyệt	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
929	6	CĐ.KTO.K25A	2563403010009	Lý Mai Phụng	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
930	7	CĐ.KTO.K25A	2563403010012	Nguyễn Quang Thuận	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
931	8	CĐ.KTO.K25A	2563403010013	Đoàn Thị Huyền Trang	68	Trung bình	80	Tốt	74	Khá	
932	9	CĐ.KTO.K25A	2563403010014	Lương Thu Trang	83	Tốt	90	Xuất sắc	87	Tốt	
933	10	CĐ.KTO.K25A	2563403010015	Nông Thị Thu Trang	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
934	11	CĐ.KTO.K25A	2563403010017	Đặng Thị Trang	68	Trung bình	72	Khá	70	Khá	
935	12	CĐ.KTO.K25A	2563403010018	Lương Thị Tươi	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
936	13	CĐ.KTO.K25A	2563403010019	Triệu Thị Yến	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
937	14	CĐ.KTO.K25A	2563403010099	Nguyễn Thị Hà	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K25B: 8 sinh viên										
938	1	CĐ.KTO.K25B	2553403020004	Phạm Thị Thu Hương	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
939	2	CĐ.KTO.K25B	2563403010020	Đỗ Khánh Huyền	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
940	3	CĐ.KTO.K25B	2563403010021	Nguyễn Thị Nga	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
941	4	CĐ.KTO.K25B	2563403010022	Hoàng Trọng Nghĩa	77	Khá	77	Khá	77	Khá	
942	5	CĐ.KTO.K25B	2563403010024	Phạm Hồng Thẩm	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
943	6	CĐ.KTO.K25B	2563403010025	Nguyễn Thu Thảo	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
944	7	CĐ.KTO.K25B	2563403010026	Bùi Thị Thảo Vân	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
945	8	CĐ.KTO.K25B	2563403010027	Nguyễn Quang Vinh	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
	Lớp Cao đẳng Thú y K24: 16 sinh viên										
946	1	CĐ.THY.K24	2466401010001	Châu Phấn Chồi	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
947	2	CĐ.THY.K24	2466401010002	Vũ Ngọc Công	78	Khá	77	Khá	78	Khá	
948	3	CĐ.THY.K24	2466401010003	Nguyễn Văn Dũng	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
949	4	CĐ.THY.K24	2466401010005	Lò Minh Đáng	95	Xuất sắc	91	Xuất sắc	93	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
950	5	CĐ.THY.K24	2466401010006	Đào Văn Đạt	81	Tốt	77	Khá	79	Khá	
951	6	CĐ.THY.K24	2466401010007	Nguyễn Văn Hải	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
952	7	CĐ.THY.K24	2466401010008	Vù Thị Hương	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
953	8	CĐ.THY.K24	2466401010010	Vi Văn Huynh	82	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
954	9	CĐ.THY.K24	2466401010012	Di Thị Nhâm	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
955	10	CĐ.THY.K24	2466401010013	Nguyễn Hoàng Phong	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
956	11	CĐ.THY.K24	2466401010016	Vàng Văn Thế	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
957	12	CĐ.THY.K24	2466401010017	Cổ Kim Thụy	78	Khá	72	Khá	75	Khá	
958	13	CĐ.THY.K24	2466401010018	Lương Thanh Tiền	88	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
959	14	CĐ.THY.K24	2466401010019	Nguyễn Đức Tú	78	Khá	74	Khá	76	Khá	
960	15	CĐ.THY.K24	2466401010020	Nguyễn Văn Tuấn	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
961	16	CĐ.THY.K24	2466401010021	Đặng Quốc Tuấn	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Thú y K25: 10 sinh viên										
962	1	CĐ.THY.K25	2566401010015	Mai Thế Huân	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
963	2	CĐ.THY.K25	2566401010001	Phạm Hoàng Anh	79	Khá	72	Khá	76	Khá	
964	3	CĐ.THY.K25	2566401010003	Lư Văn Đầy	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
965	4	CĐ.THY.K25	2566401010004	Trần Thị Diệu	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
966	5	CĐ.THY.K25	2566401010005	Đặng Văn Đức	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
967	6	CĐ.THY.K25	2566401010007	Phan Quốc Linh	72	Khá	84	Tốt	78	Khá	
968	7	CĐ.THY.K25	2566401010008	Phản Tả Mây	72	Khá	75	Khá	74	Khá	
969	8	CĐ.THY.K25	2566401010009	Chảo Mùi Phin	72	Khá	70	Khá	71	Khá	
970	9	CĐ.THY.K25	2566401010010	Phan Quốc Việt	78	Khá	73	Khá	76	Khá	
971	10	CĐ.THY.K25	2566401010011	Vàng Thị Minh Vy	79	Khá	70	Khá	75	Khá	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật xây dựng K25: 10 sinh viên										
972	1	CĐ.KXD.K25	2565802010001	Lương Thị Đoá	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
973	2	CĐ.KXD.K25	2565802010002	Bùi Thái Hòa	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
974	3	CĐ.KXD.K25	2565802010003	Bàn Gia Hưng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
975	4	CĐ.KXD.K25	2565802010004	Phan Hữu Huy	75	Khá	81	Tốt	78	Khá	
976	5	CĐ.KXD.K25	2565802010005	Đặng Quốc Khánh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
977	6	CĐ.KXD.K25	2565802010006	Tráng Thín Lồng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
978	7	CĐ.KXD.K25	2565802010007	Nguyễn Văn Quân	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
979	8	CĐ.KXD.K25	2565802010008	Nguyễn Bá Tài	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
980	9	CĐ.KXD.K25	2565802010009	Vũ Trung Thành	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
981	10	CĐ.KXD.K25	2565802010011	Thào Seo Vung	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Dược K24A: 23 sinh viên										
982	1	CĐ.DUO.K24A	2467202010001	Lưu Thị Ánh	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
983	2	CĐ.DUO.K24A	2467202010002	Lò Thị Chen	84	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
984	3	CĐ.DUO.K24A	2467202010003	Nguyễn Nhật Cường	64	Trung bình	78	Khá	71	Khá	
985	4	CĐ.DUO.K24A	2467202010004	Hoàng Thị Dính	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
986	5	CĐ.DUO.K24A	2467202010005	Nguyễn Ánh Dương	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
987	6	CĐ.DUO.K24A	2467202010006	Nguyễn Văn Đạt	77	Khá	84	Tốt	81	Tốt	
988	7	CĐ.DUO.K24A	2467202010007	Vương Văn Giang	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
989	8	CĐ.DUO.K24A	2467202010008	Sào Suy Gộ	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
990	9	CĐ.DUO.K24A	2467202010010	Trần Thị Ngọc Hiền	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
991	10	CĐ.DUO.K24A	2467202010011	Lò Thị Hiền	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
992	11	CĐ.DUO.K24A	2467202010012	Phạm Việt Hoàng	67	Trung bình	72	Khá	70	Khá	
993	12	CĐ.DUO.K24A	2467202010013	Lục Minh Huế	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
994	13	CĐ.DUO.K24A	2467202010015	Nguyễn Minh Huyền	62	Trung bình	84	Tốt	73	Khá	
995	14	CĐ.DUO.K24A	2467202010016	Kiều Gia Khánh	61	Trung bình	78	Khá	70	Khá	
996	15	CĐ.DUO.K24A	2467202010017	Nguyễn Nhật Linh	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
997	16	CĐ.DUO.K24A	2467202010018	Đặng Khánh Ly	81	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
998	17	CĐ.DUO.K24A	2467202010020	Ngô Thị Huyền My	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
999	18	CĐ.DUO.K24A	2467202010021	Nguyễn Bảo Nam	75	Khá	79	Khá	77	Khá	
1000	19	CĐ.DUO.K24A	2467202010022	Nguyễn Thị Khánh Ngân	71	Khá	80	Tốt	76	Khá	
1001	20	CĐ.DUO.K24A	2467202010025	Phan Bích Ngọc	88	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
1002	21	CĐ.DUO.K24A	2467202010028	Đỗ Minh Tùng	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1003	22	CĐ.DUO.K24A	2467202010029	Đỗ Thị Hải Yến	87	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
1004	23	CĐ.DUO.K24A	2467202010019	Phan Duy Mạnh	55	Trung bình	78	Khá	67	Trung bình	
	Lớp Cao đẳng Dược K24B: 23 sinh viên										
1005	1	CĐ.DUO.K24B	2467202010060	Lê Phương Anh	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1006	2	CĐ.DUO.K24B	2467202010030	Phạm Hồng Anh	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1007	3	CĐ.DUO.K24B	2467202010031	Hà Kiều Ánh	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1008	4	CĐ.DUO.K24B	2467202010032	Bùi Tiến Đạt	79	Khá	75	Khá	77	Khá	
1009	5	CĐ.DUO.K24B	2467202010033	Giàng Thị Giáo	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1010	6	CĐ.DUO.K24B	2467202010034	Tráng Thị Gió	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1011	7	CĐ.DUO.K24B	2467202010036	La Thị Thu Hồng	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1012	8	CĐ.DUO.K24B	2467202010037	Châu Xuân Hùng	82	Tốt	76	Khá	79	Khá	
1013	9	CĐ.DUO.K24B	2467202010038	Đỗ Thị Thanh Huyền	83	Tốt	92	Xuất sắc	88	Tốt	
1014	10	CĐ.DUO.K24B	2467202010039	Ma Thị Ké	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
1015	11	CĐ.DUO.K24B	2467202010040	Vàng Go Lan	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1016	12	CĐ.DUO.K24B	2467202010041	Cư Xuân Lờ	78	Khá	71	Khá	75	Khá	
1017	13	CĐ.DUO.K24B	2467202010042	Giàng A Lử	83	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
1018	14	CĐ.DUO.K24B	2467202010044	Giàng Xuân Quang	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1019	15	CĐ.DUO.K24B	2467202010045	Phạm Quang Thắng	79	Khá	81	Tốt	80	Tốt	
1020	16	CĐ.DUO.K24B	2467202010048	Hoàng Thị Thu	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1021	17	CĐ.DUO.K24B	2467202010049	Vũ Thiên Thư	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
1022	18	CĐ.DUO.K24B	2467202010050	Phan Hải Thương	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
1023	19	CĐ.DUO.K24B	2467202010051	Trần Thị Hoài Thương	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
1024	20	CĐ.DUO.K24B	2467202010052	Doãn Thu Trang	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1025	21	CĐ.DUO.K24B	2467202010053	Vàng Quang Vinh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1026	22	CĐ.DUO.K24B	2467202010054	Ma Thị Hồng Vy	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1027	23	CĐ.DUO.K24B	2467202010057	Đỗ Hoàng Yến	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Dược K25: 33 sinh viên										
1028	1	CĐ.DUO.K25	2567202010001	Đào Thị Quỳnh Anh	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1029	2	CĐ.DUO.K25	2567202010003	La Thị Ánh	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1030	3	CĐ.DUO.K25	2567202010004	Sùng A Biên	73	Khá	75	Khá	74	Khá	
1031	4	CĐ.DUO.K25	2567202010006	Lương Lê Thảo Chi	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1032	5	CĐ.DUO.K25	2567202010008	Lục Hương Giang	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1033	6	CĐ.DUO.K25	2567202010011	Hoàng Kim Huệ	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1034	7	CĐ.DUO.K25	2567202010013	Lý Thị Huôt	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1035	8	CĐ.DUO.K25	2567202010014	Đỗ Thị Ngọc Huyền	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1036	9	CĐ.DUO.K25	2567202010015	Mai Diệu Linh	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
1037	10	CĐ.DUO.K25	2567202010016	Trần Thị Mai Loan	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1038	11	CĐ.DUO.K25	2567202010017	Phùng Hải Long	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1039	12	CĐ.DUO.K25	2567202010020	Lương Hồng Ngát	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
1040	13	CĐ.DUO.K25	2567202010021	Lê Xuân Nguyên	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1041	14	CĐ.DUO.K25	2567202010022	Vương Long Mai Như	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1042	15	CĐ.DUO.K25	2567202010023	Nguyễn Thị Nhung	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
1043	16	CĐ.DUO.K25	2567202010024	Vũ Thị Nhung	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1044	17	CĐ.DUO.K25	2567202010026	Hoàng Thu Phương	73	Khá	85	Tốt	79	Khá	
1045	18	CĐ.DUO.K25	2567202010027	Sầm Thị Đan Phượng	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1046	19	CĐ.DUO.K25	2567202010030	Cư Thị Sử	70	Khá	81	Tốt	76	Khá	
1047	20	CĐ.DUO.K25	2567202010031	Trần Thị Như Tâm	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
1048	21	CĐ.DUO.K25	2567202010032	Vàng Thiên Tâm	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1049	22	CĐ.DUO.K25	2567202010033	Lường Thị Thảo	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1050	23	CĐ.DUO.K25	2567202010034	Phạm Thị Kim Thoa	85	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
1051	24	CĐ.DUO.K25	2567202010035	Đỗ Hoài Thu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1052	25	CĐ.DUO.K25	2567202010036	Vàng Thị Thu	77	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1053	26	CĐ.DUO.K25	2567202010038	Giảng Thị Thuý	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
1054	27	CĐ.DUO.K25	2567202010039	Lương Thị Thuý	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1055	28	CĐ.DUO.K25	2567202010040	Lê Thu Trang	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1056	29	CĐ.DUO.K25	2567202010041	Tạ Huyền Trang	81	Tốt	77	Khá	79	Khá	
1057	30	CĐ.DUO.K25	2567202010042	Trần Huyền Trang	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1058	31	CĐ.DUO.K25	2567202010043	Vũ Thị Ánh Tuyết	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1059	32	CĐ.DUO.K25	2567202010046	Giảng Ngọc Sơn	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1060	33	CĐ.DUO.K25	2567202010048	Sùng Thị Cờ	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24C: 41 sinh viên										
1061	1	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010080	Nguyễn Trương Đức Anh	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1062	2	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010081	Nguyễn Thị Vân Anh	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
1063	3	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010082	Trần Gia Kim Chi	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1064	4	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010083	Vương Kiều Chinh	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1065	5	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010084	Sùng Dính	72	Khá	80	Tốt	76	Khá	
1066	6	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010085	Chu Việt Dũng	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
1067	7	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010086	Nguyễn Thùy Dương	69	Trung bình	78	Khá	74	Khá	
1068	8	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010088	Thần Thu Hà	70	Khá	81	Tốt	76	Khá	
1069	9	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010089	Nguyễn Hoàng Hải	71	Khá	79	Khá	75	Khá	
1070	10	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010090	Lương Thu Hằng	75	Khá	74	Khá	75	Khá	
1071	11	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010091	Lâm Thị Hồng Hạnh	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1072	12	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010092	Phạm Thị Hiền	82	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
1073	13	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010093	Lương Đức Hình	69	Trung bình	71	Khá	70	Khá	
1074	14	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010094	Nguyễn Thị Thanh Hoa	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1075	15	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010096	Lư Thị Huệ	79	Khá	76	Khá	78	Khá	
1076	16	CĐ.ĐDU.K24C	2467202010047	Phạm Thanh Thảo	82	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
1077	17	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010098	Hoàng Thị Lan	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1078	18	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010099	Dương Thị Khánh Linh	82	Tốt	76	Khá	79	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1079	19	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010100	Phạm Mai Ly	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
1080	20	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010101	Nguyễn Hồng Minh	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1081	21	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010102	Vũ Nhất Nam	70	Khá	73	Khá	72	Khá	
1082	22	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010103	Lâm Mạnh Ngọc	70	Khá	78	Khá	74	Khá	
1083	23	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010104	Trịnh Xuân Phúc	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1084	24	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010105	Ma Đức Quảng	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
1085	25	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010106	Đỗ Lệ Quyên	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1086	26	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010107	Cư Sơn	70	Khá	74	Khá	72	Khá	
1087	27	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010109	Sùng Thảo	70	Khá	73	Khá	72	Khá	
1088	28	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010110	Phạm Thị Thanh Thảo	79	Khá	86	Tốt	83	Tốt	
1089	29	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010111	Trần Viết Thịnh	78	Khá	74	Khá	76	Khá	
1090	30	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010112	Triệu Thị Thu	80	Tốt	73	Khá	77	Khá	
1091	31	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010113	Nguyễn Thị Thu	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1092	32	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010114	Triệu Anh Thư	70	Khá	81	Tốt	76	Khá	
1093	33	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010115	Cư Thị Thương	70	Khá	77	Khá	74	Khá	
1094	34	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010116	Lù Văn Thủy	84	Tốt	90	Xuất sắc	87	Tốt	
1095	35	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010117	Nguyễn Kim Trinh	82	Tốt	79	Khá	81	Tốt	
1096	36	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010118	Nguyễn Đức Trường	67	Trung bình	68	Trung bình	68	Trung bình	
1097	37	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010119	Đặng Đức Trường	78	Khá	75	Khá	77	Khá	
1098	38	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010120	Mai Lâm Cẩm Tú	82	Tốt	79	Khá	81	Tốt	
1099	39	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010121	Nguyễn Trọng Tuấn	69	Trung bình	65	Trung bình	67	Trung bình	
1100	40	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010123	Giàng Văn	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
1101	41	CĐ.ĐDU.K24C	2467203010124	Giàng Thị Vắng	78	Khá	77	Khá	78	Khá	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24D: 41 sinh viên										
1102	1	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010125	Vàng Quế Anh	83	Tốt	91	Xuất sắc	87	Tốt	
1103	2	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010126	Trần Đặng Quỳnh Anh	74	Khá	91	Xuất sắc	83	Tốt	
1104	3	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010127	Châu Triệu Bảo	71	Khá	77	Khá	74	Khá	
1105	4	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010128	Hù Ngọc Chinh	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
1106	5	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010129	Trần Ngọc Duy	82	Tốt	92	Xuất sắc	87	Tốt	
1107	6	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010130	Vàng Kim Hà	73	Khá	85	Tốt	79	Khá	
1108	7	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010131	Trần Thị Ngọc Hằng	79	Khá	88	Tốt	84	Tốt	
1109	8	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010132	Hoàng Thị Thu Hằng	76	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
1110	9	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010133	Hoàng Thị Thanh Hằng	73	Khá	84	Tốt	79	Khá	
1111	10	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010134	Hoa Thị Hạnh	79	Khá	84	Tốt	82	Tốt	
1112	11	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010135	Phạm Thị Hiệu	73	Khá	83	Tốt	78	Khá	
1113	12	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010136	Trần Văn Khoa	74	Khá	81	Tốt	78	Khá	
1114	13	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010137	Sin Hương Lan	71	Khá	88	Tốt	80	Tốt	
1115	14	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010138	Lương Thị Nhật Lệ	82	Tốt	92	Xuất sắc	87	Tốt	
1116	15	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010139	Nguyễn Khánh Linh	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1117	16	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010140	Nguyễn Thị Loan	84	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
1118	17	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010141	Thên Thị Luận	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
1119	18	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010142	Hà Thị Luyến	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1120	19	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010143	Hoàng Khánh Ly	72	Khá	86	Tốt	79	Khá	
1121	20	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010144	Vàng Thị Mai	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
1122	21	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010145	Đặng Thị Mai	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1123	22	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010147	Nguyễn Hà My	80	Tốt	74	Khá	77	Khá	
1124	23	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010148	Hoàng Thị Quỳnh Nga	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1125	24	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010149	Vàng Thị Kim Ngân	62	Trung bình	77	Khá	70	Khá	
1126	25	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010150	Vàng Hồng Ngọc	65	Trung bình	74	Khá	70	Khá	
1127	26	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010151	Vàng Kim Ngọc	74	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
1128	27	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010153	Hoàng Thị Lan Nhung	87	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1129	28	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010154	Tô Trọng Ninh	75	Khá	77	Khá	76	Khá	
1130	29	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010156	Vàng Minh Phúc	62	Trung bình	81	Tốt	72	Khá	
1131	30	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010158	Đào Thị Phụng	79	Khá	84	Tốt	82	Tốt	
1132	31	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010159	Lương Thu Quỳnh	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1133	32	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010160	Vàng Như Quỳnh	84	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
1134	33	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010161	Hoàng Thị Say	70	Khá	76	Khá	73	Khá	
1135	34	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010167	Vi Hồng Thanh	75	Khá	82	Tốt	79	Khá	
1136	35	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010162	Cư Minh Sùng	74	Khá	88	Tốt	81	Tốt	
1137	36	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010163	Châu Anh Sênh	71	Khá	74	Khá	73	Khá	
1138	37	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010169	Lý Thị Thu	71	Khá	78	Khá	75	Khá	
1139	38	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010165	Bùi Trần Duy Thái	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1140	39	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010166	Cư Quyết Thắng	81	Tốt	75	Khá	78	Khá	
1141	40	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010171	Lý Thị Tuyết	88	Tốt	83	Tốt	86	Tốt	
1142	41	CĐ.ĐDU.K24D	2467203010168	Hồ Tân Thành	73	Khá	81	Tốt	77	Khá	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24E: 36 sinh viên										
1143	1	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010173	Nguyễn Thị Vân Anh	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1144	2	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010175	Lê Hồng Anh	75	Khá	78	Khá	77	Khá	
1145	3	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010176	Phạm Đức Anh	79	Khá	78	Khá	79	Khá	
1146	4	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010177	Linh Mạnh Cường	88	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1147	5	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010180	Trần Thị Đào	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1148	6	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010181	Đỗ Hương Giang	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1149	7	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010183	Pờ Thị Hà	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1150	8	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010184	Nông Bích Hạnh	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1151	9	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010186	Đào Thị Huyền	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1152	10	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010187	Bàn Thị Khuê	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
1153	11	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010188	Dương Hiểu Lam	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1154	12	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010189	Tải Thị Xuân Mai	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1155	13	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010190	Tân Quang Minh	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1156	14	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010191	Bùi Thu Minh	79	Khá	77	Khá	78	Khá	
1157	15	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010192	Đặng Thị Ngân	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1158	16	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010193	Nguyễn Ánh Ngọc	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1159	17	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010195	Hà Mạnh Quý	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1160	18	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010196	Bàn Thị Như Quỳnh	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1161	19	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010197	Sùng A Sáng	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
1162	20	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010198	Thào Thị Sanh	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1163	21	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010200	Châu Việt Thắng	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1164	22	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010202	Lý Thị Phương Thảo	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
1165	23	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010203	Hoàng Thị Kim Thêu	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1166	24	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010204	Vàng Trang Thu	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1167	25	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010206	Trần Đỗ Kiều Trang	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
1168	26	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010207	Vũ Thị Trang	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1169	27	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010208	Nguyễn Quang Trung	73	Khá	58	Trung bình	66	Trung bình	
1170	28	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010209	Hà Tuấn Trường	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
1171	29	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010210	Hoàng Anh Tú	87	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
1172	30	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010211	Đào Hoàng Tuyền	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1173	31	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010212	Đinh Thạch Vinh	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1174	32	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010213	Nguyễn Thành Vinh	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1175	33	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010214	Nguyễn Thị Xuân	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1176	34	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010215	Lương Thị Hải Yến	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1177	35	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010216	Trần Nguyệt Yến	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1178	36	CĐ.ĐDU.K24E	2467203010217	Đỗ Bích Ngọc	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25B: 42 sinh viên										
1179	1	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010040	Hà Thị Vân Anh	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1180	2	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010041	Nguyễn Thị Ngọc Bích	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1181	3	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010042	Sùng Chu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1182	4	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010043	Lường Thị Thanh Chúc	91	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
1183	5	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010044	Nguyễn Thanh Chúc	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
1184	6	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010045	Thào Thị Diễm	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1185	7	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010046	Phạm Minh Đức	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1186	8	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010047	Trần Việt Đức	80	Tốt	76	Khá	78	Khá	
1187	9	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010048	Bùi Hoàng Hải	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1188	10	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010049	Phạm Thị Nguyên Hạnh	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1189	11	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010050	Sầm Thị Hiền	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1190	12	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010051	Chu Việt Hùng	80	Tốt	76	Khá	78	Khá	
1191	13	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010052	Ngài Thị Linh Hương	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1192	14	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010054	Lý Thị Thanh Liêm	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1193	15	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010055	Hoàng Mai Linh	85	Tốt	76	Khá	81	Tốt	
1194	16	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010056	Phan Khánh Linh	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
1195	17	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010057	Lùng Thị Luyến	78	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
1196	18	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010058	Giảng Thị Ly	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1197	19	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010059	Long Thị Cẩm Ly	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1198	20	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010060	Sùng Mai	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1199	21	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010061	Hoàng Ngọc Nhi	81	Tốt	91	Xuất sắc	86	Tốt	
1200	22	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010063	Lù Mai Như	91	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
1201	23	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010064	Nguyễn Trần Hồng Nhung	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1202	24	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010065	Đặng Thị Quyên	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1203	25	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010066	Lầu Thị Sâu	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1204	26	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010067	Vàng Thị Sơ	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1205	27	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010068	Hầu Thị Sơn	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1206	28	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010069	Sùng Thị Thanh	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
1207	29	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010071	Lê Phương Thảo	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1208	30	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010072	Lương Thị Diệu Thúy	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1209	31	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010073	Chèo Thị Thủy	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
1210	32	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010074	Đặng Thị Thùy Trang	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1211	33	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010076	Lục Quốc Trường	81	Tốt	93	Xuất sắc	87	Tốt	
1212	34	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010078	La Thị Mỹ Uyên	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1213	35	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010079	Nguyễn Hồng Uyên	70	Khá	83	Tốt	77	Khá	
1214	36	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010080	Vùi Thị Vui	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1215	37	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010081	Lý Thị Xinh	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
1216	38	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010082	Lý Thị Xoan	83	Tốt	90	Xuất sắc	87	Tốt	
1217	39	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010083	Sùng Thị Xuân	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
1218	40	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010185	Hoàng Tùng	91	Xuất sắc	83	Tốt	87	Tốt	
1219	41	CĐ.ĐDU.K25B	2567202010010	Nguyễn Quỳnh Hoa	84	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1220	42	CĐ.ĐDU.K25B	2567203010182	Hoàng Thùy Dung	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25C: 41 sinh viên										
1221	1	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010084	Trần Việt Anh	74	Khá	82	Tốt	78	Khá	
1222	2	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010085	Tráng Vân Anh	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1223	3	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010086	Nguyễn Tuấn Anh	75	Khá	70	Khá	73	Khá	
1224	4	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010089	Trần Nguyệt Ánh	75	Khá	70	Khá	73	Khá	
1225	5	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010090	Vàng Văn Chiến	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1226	6	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010091	Phạm Quỳnh Chinh	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
1227	7	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010092	Lùng Thị Hoài Cúc	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
1228	8	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010093	Hà Hải Đăng	85	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
1229	9	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010094	Hù Đức Hữu	82	Tốt	75	Khá	79	Khá	
1230	10	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010095	Vàng Xí De	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1231	11	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010096	La Thùy Diệu	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
1232	12	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010098	Nguyễn Hoàng Đức	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1233	13	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010100	Hoàng Thị Kim Dung	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1234	14	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010102	Đoàn Mạnh Dũng	92	Xuất sắc	85	Tốt	89	Tốt	
1235	15	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010103	Phạm Thị Ánh Dương	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
1236	16	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010104	Tân Thị Duyên	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1237	17	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010106	Vũ Thị Thu Hà	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1238	18	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010107	Đỗ Thanh Hằng	75	Khá	70	Khá	73	Khá	
1239	19	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010108	Vùi Thị Hằng	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1240	20	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010109	Nguyễn Thành Hiệp	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1241	21	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010110	Nguyễn Thị Phương Hoa	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1242	22	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010112	Vũ Thu Hoài	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1243	23	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010113	Lý Thị Huệ	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
1244	24	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010115	Đặng Thị Hường	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1245	25	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010116	Phan Mạnh Huy	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
1246	26	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010117	Giàng Minh Huy	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
1247	27	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010118	Hà Thị Huyền	88	Tốt	95	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1248	28	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010119	Sin Thị Huyền	90	Xuất sắc	94	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1249	29	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010120	Nguyễn Thị Khánh	85	Tốt	70	Khá	78	Khá	
1250	30	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010121	Nguyễn Tuấn Khoa	85	Tốt	70	Khá	78	Khá	
1251	31	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010122	Nguyễn Nhật Lê	70	Khá	85	Tốt	78	Khá	
1252	32	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010124	Bùi Thùy Linh	92	Xuất sắc	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1253	33	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010125	Cao Hà Linh	92	Xuất sắc	95	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
1254	34	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010126	Hoàng Thị Linh	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1255	35	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010127	Lý Thu Linh	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1256	36	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010128	Đặng Tấn Lộc	72	Khá	80	Tốt	76	Khá	
1257	37	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010129	Ma Văn Lương	70	Khá	85	Tốt	78	Khá	
1258	38	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010130	Lò Hương Mai	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
1259	39	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010131	Nguyễn Xuân Mai	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1260	40	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010133	Vùi Thị Phan	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1261	41	CĐ.ĐDU.K25C	2567203010181	Trần Thanh Hải	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25D: 42 sinh viên										
1262	1	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010135	Phạm Thị Kim Anh	70	Khá	75	Khá	73	Khá	
1263	2	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010136	Trần Đỗ Khánh Chi	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1264	3	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010138	Phạm Thùy Giang	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1265	4	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010140	Lê Minh Hiếu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1266	5	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010141	Bàn Thị Hoa	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1267	6	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010142	Phạm Tuấn Hưng	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1268	7	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010143	Vù Thị Xuân Lưu	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
1269	8	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010144	Lương Quốc Mạnh	84	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
1270	9	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010145	Nguyễn Bảo Minh	84	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
1271	10	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010146	Vũ Bình Minh	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1272	11	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010147	Đào Ánh Ngọc	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1273	12	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010148	Vũ Thị Minh Ngọc	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
1274	13	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010149	Vương Quốc Ngọc	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
1275	14	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010150	Hoàng Thị Minh Nguyệt	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
1276	15	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010151	Đặng Thúy Nguyên	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1277	16	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010152	Nguyễn Hữu Nhật	80	Tốt	76	Khá	78	Khá	
1278	17	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010155	Triệu Mùi Phạm	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1279	18	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010156	Phùng Việt Phúc	71	Khá	71	Khá	71	Khá	
1280	19	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010157	Nguyễn Thị Bích Phương	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1281	20	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010158	Nguyễn Thu Quyên	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1282	21	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010159	Trần Như Quỳnh	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1283	22	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010160	Hoàng Thị Màu Sắc	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1284	23	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010161	Liu Thị Minh Tâm	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
1285	24	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010162	Nguyễn Thanh Thảo	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1286	25	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010163	Phạm Thị Thu Thảo	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
1287	26	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010164	Sùng Thị Thư	77	Khá	77	Khá	77	Khá	
1288	27	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010165	Nguyễn Hoàng Thương	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1289	28	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010166	Đào Thị Thủy	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1290	29	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010167	Hà Thị Thủy	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1291	30	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010168	Vàng Thị Thủy Tiên	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1292	31	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010169	Trịnh Ngọc Trà	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1293	32	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010170	Nguyễn Bảo Trâm	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1294	33	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010171	Phạm Thị Xuân Trang	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1295	34	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010172	Trần Tuyết Trinh	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
1296	35	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010173	Vàng Thị Kiều Trinh	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1297	36	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010174	Vương Thanh Trúc	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1298	37	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010177	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1299	38	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010178	Giàng A Vang	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1300	39	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010179	Sùng Thị Vu	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1301	40	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010180	Đỗ Thị Xuyên	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1302	41	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010190	Vũ Hạnh Nguyên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1303	42	CĐ.ĐDU.K25D	2567203010003	Phạm Thị Huyền	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K25.CLC: 25 sinh viên										
1304	1	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270002	Giàng Seo Chiến	81	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
1305	2	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270003	Lương Đức Chính	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1306	3	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270004	Hoàng Cao Chuẩn	92	Xuất sắc	95	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
1307	4	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270005	Phạm Văn Công	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1308	5	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270006	Lê Khắc Đạt	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1309	6	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270008	Đặng San Dũng	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1310	7	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270010	Nguyễn Hải Dương	88	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
1311	8	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270011	Nguyễn Đức Duy	75	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
1312	9	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270012	Nguyễn Minh Duy	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1313	10	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270013	Châu Đức Hải	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1314	11	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270015	Nguyễn Thế Hùng	93	Xuất sắc	84	Tốt	89	Tốt	
1315	12	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270016	Sầm Nhật Huy	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1316	13	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270017	Đỗ Văn Huỳnh	95	Xuất sắc	93	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
1317	14	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270018	Đỗ Xuân Khánh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1318	15	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270019	Lò Văn Lâm	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1319	16	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270020	Nguyễn Hồng Quân	75	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
1320	17	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270021	Nguyễn Mạnh Quân	84	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
1321	18	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270022	Nguyễn Anh Quân	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1322	19	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270024	Cao Vũ Sơn	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
1323	20	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270025	Lương Thành Tài	83	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
1324	21	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270026	Hoàng Ngọc Thuận	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1325	22	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270027	Nguyễn Thành Tú	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
1326	23	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270028	Trần Xuân Việt	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1327	24	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270029	Lưu Mạnh Vũ	94	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
1328	25	CĐ.ĐCN.K25.CLC	2565202270030	Giàng Seo Xía	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K25A: 43 sinh viên										
1329	1	CĐ.ĐCN.K25A	2562202060004	Hoàng Văn Kiên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1330	2	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270031	Chào Đức Anh	83	Tốt	88	Tốt	86	Tốt	
1331	3	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270032	Hoàng Thế Anh	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1332	4	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270035	Nguyễn Quốc Bảo	87	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
1333	5	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270036	Hoàng Quốc Chung	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
1334	6	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270038	Phạm Hùng Cường	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1335	7	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270039	Lê Minh Dương	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1336	8	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270040	Trần Thế Duy	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
1337	9	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270041	Lê Hồng Duy	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1338	10	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270042	Lò Văn Duyên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1339	11	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270044	Trương Văn Hải	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1340	12	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270045	Lữ Văn Hạnh	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
1341	13	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270046	Mùa A Hạnh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1342	14	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270047	Vàng Văn Hiền	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
1343	15	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270048	Hoàng Trung Hiếu	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
1344	16	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270049	Bàn Duy Hiếu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1345	17	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270050	Trần Quang Huy	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1346	18	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270051	Đồng Minh Khánh	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1347	19	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270052	Hoàng Văn Khánh	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
1348	20	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270053	Nông Đình Khiêm	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1349	21	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270054	Đào Thanh Lâm	80	Tốt	90	Xuất sắc	85	Tốt	
1350	22	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270055	Lò Văn Lượng	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1351	23	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270056	Đoàn Đức Mạnh	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
1352	24	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270057	Trịnh Quang Minh	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1353	25	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270058	Đào Văn Minh	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
1354	26	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270060	Hoàng Long Nhật	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1355	27	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270061	Lò Thế Quân	80	Tốt	90	Xuất sắc	85	Tốt	
1356	28	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270062	Má Dương Quyển	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
1357	29	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270063	Lù Đức Quyền	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1358	30	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270064	Chào Láo San	82	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
1359	31	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270065	Lò Văn Sú	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1360	32	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270066	Lý Trọng Tấn	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1361	33	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270067	Hoàng Quốc Thái	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1362	34	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270069	Hoàng Đức Thiện	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1363	35	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270070	Vàng A Tinh	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1364	36	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270071	Bàn Văn Toàn	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1365	37	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270073	Trần Bảo Trung	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
1366	38	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270074	Lê Anh Trường	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1367	39	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270076	Sùng Khải Tuấn	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1368	40	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270078	Đặng Tiến Xương	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1369	41	CĐ.ĐCN.K25A	2565202270181	Mê Văn Thương	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1370	42	CĐ.ĐCN.K25A	2565202050066	Vũ Mạnh Tường	60	Trung bình	80	Tốt	70	Khá	
1371	43	CĐ.ĐCN.K25A	2565202050061	Trần Văn Thắng	60	Trung bình	82	Tốt	71	Khá	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K25B: 47 sinh viên										
1372	1	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270007	Hoa Anh Đức	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1373	2	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270079	Tải Bình An	92	Xuất sắc	88	Tốt	90	Xuất sắc	
1374	3	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270080	La Tuấn Anh	75	Khá	77	Khá	76	Khá	
1375	4	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270082	Nguyễn Việt Anh	78	Khá	75	Khá	77	Khá	
1376	5	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270083	Trần Đức Anh	81	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1377	6	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270084	Lý Thanh Bình	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
1378	7	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270085	Vàng A Cầu	80	Tốt	72	Khá	76	Khá	
1379	8	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270086	phạm Quang Dân	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1380	9	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270087	Hoàng Tiến Đạt	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
1381	10	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270088	Nguyễn Tiến Đạt	92	Xuất sắc	88	Tốt	90	Xuất sắc	
1382	11	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270089	Ly Seo Đế	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1383	12	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270090	Má Minh Đức	82	Tốt	60	Trung bình	71	Khá	
1384	13	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270091	Trần Chí Dũng	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
1385	14	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270092	Nông Mạnh Dũng	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1386	15	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270094	Hoàng Bình Dương	90	Xuất sắc	82	Tốt	86	Tốt	
1387	16	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270095	Nông Tùng Dương	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1388	17	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270096	Lâm Văn Hải	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
1389	18	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270097	Vũ Việt Hiếu	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1390	19	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270100	Vũ Quang Hoàn	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
1391	20	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270102	Lý Văn Huyền	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1392	21	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270103	Nguyễn Đức Khải	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1393	22	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270104	Nguyễn Duy Khánh	94	Xuất sắc	80	Tốt	87	Tốt	
1394	23	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270105	Hoàng Đình Khi	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1395	24	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270106	Hoàng Đình Kỳ	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1396	25	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270107	Nguyễn Thành Long	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1397	26	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270108	Vàng Trung Lục	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
1398	27	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270109	Hoàng Đức Lương	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
1399	28	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270110	Lù Hiếu Mạnh	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1400	29	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270111	Giàng Seo Minh	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1401	30	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270112	Nguyễn Huy Phi	89	Tốt	62	Trung bình	76	Khá	
1402	31	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270113	Trần Ngọc Phong	95	Xuất sắc	82	Tốt	89	Tốt	
1403	32	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270114	Nguyễn Hoàng Phúc	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1404	33	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270115	Giang Minh Quang	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
1405	34	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270116	Trần Bảo Quốc	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
1406	35	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270117	Lự Phúc Quý	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1407	36	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270118	Tráng A Thắng	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1408	37	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270119	Hoàng Minh Thư	79	Khá	82	Tốt	81	Tốt	
1409	38	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270121	Phạm Văn Tùng	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1410	39	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270122	Nguyễn Thanh Tuyền	78	Khá	74	Khá	76	Khá	
1411	40	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270123	Phạm Long Vũ	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1412	41	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270171	Tàng Văn Học	84	Tốt	88	Tốt	86	Tốt	
1413	42	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270185	Nguyễn Văn Huy	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1414	43	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270186	Đinh Văn Than	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1415	44	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270188	Hoàng Văn Thọ	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1416	45	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270190	Vũ Việt Quốc	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
1417	46	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270199	Lò Văn Kiên	82	Tốt	79	Khá	81	Tốt	
1418	47	CĐ.ĐCN.K25B	2565202270195	Lưu Hoàng Phong			84	Tốt	84	Tốt	Nhập học T4/2026
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K25C: 43 sinh viên										
1419	1	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270023	Trần Đoàn Quý	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1420	2	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270009	Hà Vương Thạch Dương	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1421	3	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270126	La Hải Anh	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1422	4	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270127	Nguyễn Thiên Bình	82	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
1423	5	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270128	Vũ Văn Chiến	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
1424	6	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270129	Lư Văn Chúc	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
1425	7	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270130	Lê Văn Chung	84	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1426	8	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270131	Đỗ Tiến Đạt	75	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
1427	9	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270134	Sầm Quang Hà	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1428	10	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270135	Trần Quang Hậu	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1429	11	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270136	Hoàng Đức Hiệp	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1430	12	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270137	Phạm Văn Hiếu	81	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
1431	13	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270138	Nguyễn Xuân Hoàng	76	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
1432	14	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270139	Lê Quốc Hùng	83	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
1433	15	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270140	Cao Thanh Huy	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1434	16	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270141	Nguyễn Gia Huy	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1435	17	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270142	Phùng Thế Huy	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1436	18	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270143	Vàng A Kỳ	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
1437	19	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270144	Vàng Văn Lữ	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1438	20	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270145	La Thành Long	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
1439	21	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270146	Nguyễn Văn Ngọc	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
1440	22	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270147	Hoàng Trọng Nguyên	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1441	23	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270148	Vàng Văn Phúc	92	Xuất sắc	89	Tốt	91	Xuất sắc	
1442	24	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270149	La Văn Quang	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1443	25	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270150	La Văn Quang	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1444	26	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270152	Sùng A Thái	86	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
1445	27	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270153	Vương Đình Thái	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1446	28	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270154	Phạm Văn Thiện	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1447	29	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270155	Lý Hoàn Thiện	84	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1448	30	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270156	Nguyễn Công Toàn	84	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
1449	31	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270157	Ngô Mạnh Trường	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
1450	32	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270158	Nguyễn Thanh Trường	86	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
1451	33	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270159	Nguyễn Anh Tú	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
1452	34	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270160	Đoàn Anh Tú	92	Xuất sắc	89	Tốt	91	Xuất sắc	
1453	35	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270161	Lương Anh Tuấn	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1454	36	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270162	Phùng Minh Tuệ	82	Tốt	87	Tốt	85	Tốt	
1455	37	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270163	Vương Thanh Tùng	79	Khá	87	Tốt	83	Tốt	
1456	38	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270164	Lý Văn Tường	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
1457	39	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270165	Phà A Va	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
1458	40	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270166	Phạm Đức Việt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1459	41	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270167	Vì Quốc Việt	77	Khá	87	Tốt	82	Tốt	
1460	42	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270168	Nguyễn Anh Vũ	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1461	43	CĐ.ĐCN.K25C	2565202270169	Vàng A Vương	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K24.CLC: 19 sinh viên										
1462	1	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270001	Nguyễn Tuấn Anh	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1463	2	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270002	Tân Hữu Biên	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1464	3	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270003	Vũ Tiến Dũng	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1465	4	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270004	Trần Thế Dũng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1466	5	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270005	Đặng Khánh Hạ	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
1467	6	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270006	Nguyễn Trung Hiếu	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1468	7	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270007	Nguyễn Minh Hiếu	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
1469	8	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270009	Lê Việt Hoàng	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1470	9	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270010	Sin Bảo Khanh	83	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
1471	10	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270011	Vũ Nam Phương	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1472	11	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270012	Nguyễn Ngọc Quý	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1473	12	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270013	Đoàn Văn Quyền	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1474	13	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270014	Bàn Văn Quyền	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1475	14	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270015	Phàng A Sinh	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1476	15	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270016	Chào Láo Tả	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1477	16	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270017	Lư Ngọc Tân	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1478	17	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270019	Phan Tiến Thành	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
1479	18	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270020	Đặng Văn Vị	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1480	19	CĐ.ĐCN.K24.CLC	2465202270021	Trần Minh Vũ	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K24A: 31 sinh viên										
1481	1	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270022	Trương Tuấn Anh	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
1482	2	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270023	Hoàng Việt Anh	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
1483	3	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270024	Nguyễn Việt Anh	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
1484	4	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270025	Dương Việt Anh	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1485	5	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270026	Đặng Xuân Bắc	80	Tốt	70	Khá	75	Khá	
1486	6	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270027	Nguyễn Anh Dũng	92	Xuất sắc	85	Tốt	89	Tốt	
1487	7	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270028	Lương Mạnh Dũng	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1488	8	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270029	Bùi Trọng Đại	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1489	9	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270030	Phạm Hải Đăng	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1490	10	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270031	Phin Văn Định	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1491	11	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270032	Đỗ Minh Đức	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
1492	12	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270033	Ngô Quang Đức	83	Tốt	73	Khá	78	Khá	
1493	13	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270035	Nguyễn Hồng Hiệp	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1494	14	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270036	Nguyễn Thiêm Hoan	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1495	15	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270037	Nguyễn Huy Hoàng	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1496	16	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270038	Hoàng Gia Hoàng	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1497	17	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270039	Nguyễn Việt Hoàng	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1498	18	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270040	Giang Quốc Huy	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1499	19	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270041	Lê Quang Huy	80	Tốt	71	Khá	76	Khá	
1500	20	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270042	Nguyễn Văn Khánh	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1501	21	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270043	Nguyễn Nam Khánh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1502	22	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270044	Lục Văn Khuyên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1503	23	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270045	Lục Văn Kiên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1504	24	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270046	Hoàng Trung Lành	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1505	25	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270047	Linh Ái Lữ	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1506	26	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270048	Lê Duy Mạnh	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1507	27	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270049	Đỗ Văn Nam	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1508	28	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270050	Nguyễn Minh Quân	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1509	29	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270051	Giang Quốc Tấn	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1510	30	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270052	Đinh Quang Thắng	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
1511	31	CĐ.ĐCN.K24A	2465202270053	Lù Thanh Tùng	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K24B: 28 sinh viên										
1512	1	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270054	Sin Seo Bằng	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1513	2	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270055	Lường Văn Dân	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1514	3	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270056	Lý Suy Do	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1515	4	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270057	Vũ Hải Đăng	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1516	5	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270058	Trần Đức Hải	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1517	6	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270059	Sùng Mạnh Hùng	86	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
1518	7	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270060	Tòng Trung Khiển	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1519	8	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270061	Vương Phú Lộc	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1520	9	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270063	Nguyễn Hoài Nam	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1521	10	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270064	Dương Đình Nam	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1522	11	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270065	Nguyễn Duy Nam	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1523	12	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270066	Vàng Văn Phúc	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
1524	13	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270067	Lò Văn Phúc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1525	14	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270068	La Ngọc Quân	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1526	15	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270069	Trần Minh Quân	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1527	16	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270070	Trần Đại Quang	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1528	17	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270071	Hoàng Minh Quang	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1529	18	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270072	Phản Văn Quý	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1530	19	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270073	Phạm Văn Quyền	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1531	20	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270074	Phạm Đức Quyền	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1532	21	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270076	Vi Văn Sang	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1533	22	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270077	Triệu Đức Tài	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
1534	23	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270078	Nguyễn Văn Tân	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1535	24	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270079	Hoàng Xuân Thạch	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1536	25	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270080	Lương Văn Thái	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1537	26	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270081	Vàng A Thái	80	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
1538	27	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270082	Lò Anh Tuấn	80	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
1539	28	CĐ.ĐCN.K24B	2465202270085	Lương Công Vinh	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Điện Công nghiệp K24C: 23 sinh viên										
1540	1	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270087	Quảng Mạnh Cường	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1541	2	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270089	Cổ Hữu Đàm	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
1542	3	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270090	Nguyễn Huy Giáp	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
1543	4	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270092	Đặng Việt Hoàng	70	Khá	79	Khá	75	Khá	
1544	5	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270094	Hoàng Quang Huy	90	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
1545	6	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270096	Vi Trung Khánh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1546	7	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270097	Nguyễn Bảo Long	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
1547	8	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270098	Hoàng Quốc Lương	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1548	9	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270099	Lương Duy Nguyễn	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
1549	10	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270100	Hoàng Văn Phan	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1550	11	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270102	Trần Văn Quân	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1551	12	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270103	Hà Ngọc Quang	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
1552	13	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270105	Sùng Seo Thắng	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1553	14	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270106	Lù Văn Thoan	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1554	15	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270108	Lò Văn Trục	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1555	16	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270109	La Đức Trung	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1556	17	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270110	Đỗ Văn Trường	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1557	18	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270111	Phạm Ngọc Tú	83	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
1558	19	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270112	Trần Minh Tuyên	86	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
1559	20	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270113	Lự Văn Úy	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
1560	21	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270114	Lò Văn Xuân	93	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1561	22	CĐ.ĐCN.K24C	2465202270115	Bàn Hữu Xuân	91	Xuất sắc	86	Tốt	89	Tốt	
1562	23	CĐ.ĐCN.K24C	2467202010027	Hoàng Đình Quý	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25A: 37 sinh viên										
1563	1	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460023	Lù Quốc Lâm	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
1564	2	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460001	Phan Tuấn Bảo	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
1565	3	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460025	Lý Văn Lực	86	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
1566	4	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460015	Lò Văn Duy	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
1567	5	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460029	Pờ Chà Năm	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1568	6	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460008	Phạm Duy Cương	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1569	7	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460007	Vàng Quốc Chung	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1570	8	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460002	Giàng A Bình	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1571	9	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460009	Lù A Nù Da	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1572	10	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460013	Lý A Dung	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1573	11	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460026	Sùng A Mênh	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1574	12	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460032	Lò Văn Pỉnh	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1575	13	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460019	Vàng Phi Hùng	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1576	14	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460003	Pờ Lo Cà	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
1577	15	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460012	Vàng Hừ Đô	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
1578	16	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460018	Phùng Đức Huân	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
1579	17	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460004	Pờ Xế Cà	86	Tốt	79	Khá	83	Tốt	
1580	18	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460035	Giàng Quốc Tài	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1581	19	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460014	Nguyễn Quang Dũng	83	Tốt	71	Khá	77	Khá	
1582	20	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460010	Vũ Tiến Đạt	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
1583	21	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460042	Lý Phi Tư	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1584	22	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460017	Mạ Xuân Hậu	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1585	23	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460024	Khoàng Thái Linh	86	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
1586	24	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460038	Giàng A Tính	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1587	25	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460034	Hoàng Tà Sơn	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
1588	26	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460020	Bàn Quốc Hùng	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
1589	27	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460031	Lý Đình Phong	87	Tốt	77	Khá	82	Tốt	
1590	28	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460037	Lò Văn Thương	89	Tốt	82	Tốt	86	Tốt	
1591	29	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460021	Trương Gia Huy	79	Khá	78	Khá	79	Khá	
1592	30	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460022	Phản Đình Khương	80	Tốt	69	Trung bình	75	Khá	
1593	31	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460027	Hoàng Thanh Nam	81	Tốt	75	Khá	78	Khá	
1594	32	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460028	Lường Văn Nam	82	Tốt	74	Khá	78	Khá	
1595	33	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460030	Bàn Văn Nhi	69	Trung bình	77	Khá	73	Khá	
1596	34	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460041	Lý Quốc Trung	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
1597	35	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460043	Nông Quốc Tuấn	69	Trung bình	71	Khá	70	Khá	
1598	36	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460039	Thào Seo Trai	70	Khá	73	Khá	72	Khá	
1599	37	CĐ.VTĐ.K25A	2565202460016	Đặng Văn Hà	80	Tốt	74	Khá	77	Khá	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25B: 40 sinh viên										
1600	1	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460046	Cà Văn Công	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
1601	2	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460053	Khổng Nam Giang	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
1602	3	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460054	Lý Xuân Hải	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1603	4	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460058	Đào Văn Hùng	72	Khá	82	Tốt	77	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1604	5	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460059	Cà Văn Hữu	77	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1605	6	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460055	Thàn Hồng Hải	77	Khá	79	Khá	78	Khá	
1606	7	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460056	Nguyễn Huy Hoàng	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1607	8	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460051	Hoàng Vũ Duy	86	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1608	9	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460050	Vàng A Dũng	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1609	10	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460062	Phà Quốc Khánh	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1610	11	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460057	Vàng A Hồng	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
1611	12	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460064	Phà A Linh	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
1612	13	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460066	Lý Văn Long	77	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1613	14	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460069	Vừ Văn Minh	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
1614	15	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460060	Lù Đức Huy	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1615	16	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460061	Lò Văn Khánh	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
1616	17	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460071	Hầu A Nũ	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1617	18	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460081	Nguyễn Tiến Thành	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
1618	19	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460088	Giàng A Vũ	77	Khá	69	Trung bình	73	Khá	
1619	20	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460063	Lò Văn Khoa	72	Khá	82	Tốt	77	Khá	
1620	21	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460067	Long Bảo Lực	73	Khá	82	Tốt	78	Khá	
1621	22	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460068	Sùng A Minh	86	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
1622	23	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460065	Lý Đức Long	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
1623	24	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460072	Mùa A Phình	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1624	25	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460045	Lò Hoàng Bách	75	Khá	83	Tốt	79	Khá	
1625	26	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460047	Hoàng Văn Đông	66	Trung bình	79	Khá	73	Khá	
1626	27	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460049	Lò Văn Đức	75	Khá	78	Khá	77	Khá	
1627	28	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460074	Nguyễn Minh Quân	81	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1628	29	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460075	Phạm Đức Quân	70	Khá	79	Khá	75	Khá	
1629	30	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460077	Lò Văn Quỳnh	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
1630	31	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460078	Vàng A San	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1631	32	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460073	Vàng Văn Phong	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1632	33	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460076	Vàng A Quyền	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1633	34	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460083	Vàng Văn Thiệp	72	Khá	78	Khá	75	Khá	
1634	35	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460084	Hà Duy Tiến	78	Khá	69	Trung bình	74	Khá	
1635	36	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460085	Giàng A Trình	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
1636	37	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460079	Vương Ngọc Sơn	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
1637	38	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460048	Bàn Văn Đức	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1638	39	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460082	Giàng A Thi	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
1639	40	CĐ.VTĐ.K25B	2565202460086	Chu Chu Tường	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24A: 32 sinh viên										
1640	1	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460001	Hà Chu Việt Anh	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1641	2	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460002	Tân Xuân Bắc	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1642	3	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460003	Sầm Hải Bình	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1643	4	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460004	Tao Thanh Chi	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1644	5	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460005	Lù Minh Chung	73	Khá	80	Tốt	77	Khá	
1645	6	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460006	Ly Co Co	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1646	7	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460008	Sí Quốc Cường	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1647	8	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460009	Trần Mạnh Cường	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1648	9	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460010	Làng Văn Diện	84	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
1649	10	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460011	Hoàng Văn Dìn	82	Tốt	70	Khá	76	Khá	
1650	11	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460012	Lò Văn Dung	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
1651	12	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460014	Hoàng Ngọc Dương	56	Trung bình	75	Khá	66	Trung bình	
1652	13	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460015	Lò Văn Duy	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1653	14	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460016	Phản Văn Đăng	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
1654	15	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460017	Hoàng Mạnh Đoan	81	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1655	16	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460018	Giàng Trung Đông	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1656	17	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460019	Lò Văn Đức	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1657	18	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460020	Tao Văn Hải	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1658	19	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460021	Vàng Văn Hải	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1659	20	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460022	Lù Văn Hiệp	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1660	21	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460023	Vương Hải Hiệp	86	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
1661	22	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460024	Lý Minh Hiếu	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1662	23	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460025	Lục Việt Hoàng	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1663	24	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460026	Gì A Huấn	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1664	25	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460027	Tòng Việt Hưng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1665	26	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460028	Hà Duy Hưng	55	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
1666	27	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460029	Chim Văn Hùng	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
1667	28	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460030	Vương Quang Huy	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1668	29	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460031	Hoàng Quốc Huy	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
1669	30	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460032	Lò Văn Kèo	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1670	31	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460033	Vừ A Khoa	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1671	32	CĐ.VTĐ.K24A	2465202460034	Lò Văn Quý	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24B: 31 sinh viên										
1672	1	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460035	Lý Mạnh Cường	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1673	2	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460036	Nông Thị Diện	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1674	3	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460037	Vàng Thò Hừ	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
1675	4	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460038	Vàng Quốc Huy	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1676	5	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460039	Lý Bảo Huỳnh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1677	6	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460040	Pờ Thị Linh	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1678	7	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460041	Lò Văn Lộc	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1679	8	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460042	Tổng Văn Long	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
1680	9	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460043	Lù Văn Luân	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1681	10	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460044	Phan Đình Nguyên	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1682	11	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460045	Vàng Thị Như	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1683	12	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460046	Ly Thanh Phà	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1684	13	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460047	Vàng Văn Phi	90	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
1685	14	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460048	Chảo San Phin	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
1686	15	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460050	Lý Thị Phương	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1687	16	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460051	Phạm Đức Phương	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1688	17	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460052	Pờ Xú Pô	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1689	18	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460053	Hoàng Minh Quân	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1690	19	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460055	Lý Văn Quân	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1691	20	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460056	Vàng Văn Sở	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1692	21	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460057	Chim Văn Sơn	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1693	22	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460058	Vi Cao Sơn	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1694	23	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460059	Hoàng Mạnh Thắng	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1695	24	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460060	Đào Văn Thiêm	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
1696	25	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460061	Lù Văn Thọ	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1697	26	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460062	Nguyễn Xuân Thu	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1698	27	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460063	Lý Chà Tiệp	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
1699	28	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460064	La Quốc Toàn	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1700	29	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460066	Chào Văn Tuyển	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1701	30	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460067	Vàng Long Vũ	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
1702	31	CĐ.VTĐ.K24B	2465202460068	Hù Chà Vũ	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24C: 28 sinh viên										
1703	1	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460069	Sùng Quảng Bình	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
1704	2	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460071	Lục Thanh Đức	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1705	3	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460072	La Ngọc Khuyên	91	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
1706	4	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460073	Cử A Kỳ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1707	5	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460074	Mào Văn Lâm	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
1708	6	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460075	Lương Tùng Lâm	84	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
1709	7	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460076	La Đình Lập	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1710	8	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460077	Vàng A Lê	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1711	9	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460078	Hoàng Văn Long	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1712	10	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460079	Nguyễn Thành Long	60	Trung bình	75	Khá	68	Trung bình	
1713	11	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460080	Điều Chính Long	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
1714	12	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460081	Lù Đức Lương	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1715	13	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460082	Triệu Nguyên Minh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1716	14	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460083	Lò Văn Nguyên	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1717	15	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460084	Bàn Tiến Phúc	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
1718	16	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460086	Cao Ngọc Quý	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1719	17	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460088	Giàng A Sính	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1720	18	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460089	Mào Văn Thanh	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
1721	19	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460092	Phàng A Thành	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
1722	20	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460093	Hoàng Văn Thủy	70	Khá	75	Khá	73	Khá	
1723	21	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460094	Vàng Văn Toàn	90	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
1724	22	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460095	Lục Minh Tuấn	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1725	23	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460096	Phạm Anh Tuấn	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1726	24	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460097	Lò Vĩnh Tường	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
1727	25	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460098	Giàng A Viện	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1728	26	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460099	Thào Minh Viện	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1729	27	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460100	Lù Đức Việt	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
1730	28	CĐ.VTĐ.K24C	2465202460101	Lò Văn Xeng	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh K25A: 27 sinh viên										
1731	1	CĐ.KML.K25A	2565202050001	Nguyễn Việt Anh	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1732	2	CĐ.KML.K25A	2565202050002	Bàn Minh Chiến	87	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1733	3	CĐ.KML.K25A	2565202050004	Trần Thành Công	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1734	4	CĐ.KML.K25A	2565202050006	Vàng A Dưa	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1735	5	CĐ.KML.K25A	2565202050007	Lò Đức Duy	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1736	6	CĐ.KML.K25A	2565202050008	Trần Đức Giang	91	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1737	7	CĐ.KML.K25A	2565202050009	La Mạnh Hoàn	91	Xuất sắc	85	Tốt	88	Tốt	
1738	8	CĐ.KML.K25A	2565202050010	Lê Huy Hoàng	92	Xuất sắc	83	Tốt	88	Tốt	
1739	9	CĐ.KML.K25A	2565202050011	Đỗ Văn Huy	72	Khá	75	Khá	74	Khá	
1740	10	CĐ.KML.K25A	2565202050013	Phan Xuân Khải	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1741	11	CĐ.KML.K25A	2565202050015	Hoàng Nhật Lâm	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1742	12	CĐ.KML.K25A	2565202050016	Hoàng Vi Lâm	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
1743	13	CĐ.KML.K25A	2565202050017	Vi Hoàng Long	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
1744	14	CĐ.KML.K25A	2565202050018	Phạm Đức Mạnh	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1745	15	CĐ.KML.K25A	2565202050019	Vàng Thế Mạnh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1746	16	CĐ.KML.K25A	2565202050020	Hầu Seo Minh	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
1747	17	CĐ.KML.K25A	2565202050021	Hoàng Tường Minh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1748	18	CĐ.KML.K25A	2565202050022	Tao Văn Pầu	72	Khá	80	Tốt	76	Khá	
1749	19	CĐ.KML.K25A	2565202050023	Lý A Phú	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1750	20	CĐ.KML.K25A	2565202050024	Hoàng Trung Phước	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1751	21	CĐ.KML.K25A	2565202050025	Nguyễn Hồng Quân	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1752	22	CĐ.KML.K25A	2565202050026	Đặng Duy Quang	88	Tốt	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1753	23	CĐ.KML.K25A	2565202050027	Trần Tú Tài	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1754	24	CĐ.KML.K25A	2565202050028	Lò Anh Thái	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1755	25	CĐ.KML.K25A	2565202050030	Nguyễn Xuân Thái	81	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
1756	26	CĐ.KML.K25A	2565202050031	Tần Thanh Tiến	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
1757	27	CĐ.KML.K25A	2565202050033	Lương Văn Việt	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh K25B: 23 sinh viên										
1758	1	CĐ.KML.K25B	2565202050034	Phạm Duy Anh	89	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
1759	2	CĐ.KML.K25B	2565202050035	Nông Việt Bắc	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
1760	3	CĐ.KML.K25B	2565202050036	Ngài Xuân Chính	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1761	4	CĐ.KML.K25B	2565202050037	Lự Minh Chuân	60	Trung bình	86	Tốt	73	Khá	
1762	5	CĐ.KML.K25B	2565202050038	Hoàng Hải Đăng	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
1763	6	CĐ.KML.K25B	2565202050039	Phạm Văn Đoàn	85	Tốt	72	Khá	79	Khá	
1764	7	CĐ.KML.K25B	2565202050041	Mai Lưu Đức Doanh	62	Trung bình	72	Khá	67	Trung bình	
1765	8	CĐ.KML.K25B	2565202050042	Nguyễn Đình Đức	86	Tốt	72	Khá	79	Khá	
1766	9	CĐ.KML.K25B	2565202050043	Trần Văn Đức	86	Tốt	72	Khá	79	Khá	
1767	10	CĐ.KML.K25B	2565202050045	Dương Đức Hùng	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
1768	11	CĐ.KML.K25B	2565202050046	Hoàng Việt Hùng	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
1769	12	CĐ.KML.K25B	2565202050047	Nguyễn Quốc Hùng	89	Tốt	82	Tốt	86	Tốt	
1770	13	CĐ.KML.K25B	2565202050048	Lương Việt Hưng	65	Trung bình	80	Tốt	73	Khá	
1771	14	CĐ.KML.K25B	2565202050051	Hoàng Đình Luân	91	Xuất sắc	83	Tốt	87	Tốt	
1772	15	CĐ.KML.K25B	2565202050052	Lý Phương Nam	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
1773	16	CĐ.KML.K25B	2565202050053	Hoàng Anh Phúc	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1774	17	CĐ.KML.K25B	2565202050054	Chu Mạnh Quân	85	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
1775	18	CĐ.KML.K25B	2565202050056	Tao Văn Quyển	92	Xuất sắc	80	Tốt	86	Tốt	
1776	19	CĐ.KML.K25B	2565202050060	Phạm Tiến Thắng	45	Yếu	59	Trung bình	52	Trung bình	
1777	20	CĐ.KML.K25B	2565202050062	Dương Đình Thiếp	86	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
1778	21	CĐ.KML.K25B	2565202050063	Thào A Thường	60	Trung bình	78	Khá	69	Trung bình	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1779	22	CD.KML.K25B	2565202050065	Vũ Quốc Tuấn	90	Xuất sắc	80	Tốt	85	Tốt	
1780	23	CD.KML.K25B	2565202050069	Hoàng Văn Đạt	86	Tốt	69	Trung bình	78	Khá	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh K24A: 16 sinh viên										
1781	1	CD.KML.K24A	2465202050050	Trần Thái Bảo	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1782	2	CD.KML.K24A	2465202050018	Lương Thanh Hải	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1783	3	CD.KML.K24A	2465202050019	Phạm Thị Huê	82	Tốt	89	Tốt	86	Tốt	
1784	4	CD.KML.K24A	2465202050020	Hoàng Vũ Khải	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1785	5	CD.KML.K24A	2465202050027	Bùi Trung Kiên	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1786	6	CD.KML.K24A	2465202050028	Tần Minh Ngọc	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1787	7	CD.KML.K24A	2465202050029	Nguyễn Bảo Ngọc	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1788	8	CD.KML.K24A	2465202050031	Phùng Kim Ngọc	85	Tốt	90	Xuất sắc	88	Tốt	
1789	9	CD.KML.K24A	2465202050034	Hoàng Duy Nhất	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1790	10	CD.KML.K24A	2465202050035	Tần Minh Phát	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1791	11	CD.KML.K24A	2465202050036	Bàn Văn Phúc	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1792	12	CD.KML.K24A	2465202050039	Vũ Ngọc Quân	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1793	13	CD.KML.K24A	2465202050041	Hoàng Tiến Quân	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1794	14	CD.KML.K24A	2465202050044	Lý Ngọc Tuấn	82	Tốt	73	Khá	78	Khá	
1795	15	CD.KML.K24A	2465202050045	Hoàng Anh Tuấn	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1796	16	CD.KML.K24A	2465202050046	Đặng Quang Tuyên	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh K24B: 17 sinh viên										
1797	1	CD.KML.K24B	2465202050050	Hoàng Văn Đại	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
1798	2	CD.KML.K24B	2465202050018	La Việt Anh	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1799	3	CD.KML.K24B	2465202050019	Đào Việt Anh	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1800	4	CD.KML.K24B	2465202050020	Chu Nhật Bằng	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1801	5	CD.KML.K24B	2465202050027	Nguyễn Mạnh Hiệp	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1802	6	CD.KML.K24B	2465202050028	Nguyễn Bình Hiếu	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1803	7	CD.KML.K24B	2465202050029	Nguyễn Đức Hùng	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
1804	8	CD.KML.K24B	2465202050031	Nguyễn Quang Huy	69	Trung bình	73	Khá	71	Khá	
1805	9	CD.KML.K24B	2465202050034	Nguyễn Bảo Khương	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1806	10	CD.KML.K24B	2465202050035	Sê Văn Lai	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1807	11	CD.KML.K24B	2465202050036	Hoàng Xuân Mẫu	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1808	12	CD.KML.K24B	2465202050039	Bàn Tồn Nhi	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
1809	13	CD.KML.K24B	2465202050041	Vàng Anh Quân	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
1810	14	CD.KML.K24B	2465202050044	Vương Văn Trường	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1811	15	CD.KML.K24B	2465202050045	Lương Xuân Trường	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1812	16	CD.KML.K24B	2465202050046	Liềng Văn Tú	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1813	17	CD.KML.K24B	2465202050048	Trịnh Đức Vũ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Piano K24: 6 sinh viên										
1814	1	CD.PAN.K24	2462102210001	Cư Seo Dương	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1815	2	CD.PAN.K24	2462102210003	Đỗ Minh Hiếu	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1816	3	CD.PAN.K24	2462102210004	Chào A Náy	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
1817	4	CD.PAN.K24	2462102210006	H Nguyệt NIÊ	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1818	5	CD.PAN.K24	2462102210007	Đỗ Xuân Quyết	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1819	6	CD.PAN.K24	2462102210009	Vàng Seo Viên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K24: 9 sinh viên										

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1820	1	CĐ.TNH.K24	2462102250001	Mùi Văn Đô	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
1821	2	CĐ.TNH.K24	2462102250002	Thùng Thị Huyền	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1822	3	CĐ.TNH.K24	2462102250003	Phản Thị Khé	80	Tốt	92	Xuất sắc	86	Tốt	
1823	4	CĐ.TNH.K24	2462102250004	Chang Thị Mến	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1824	5	CĐ.TNH.K24	2462102250005	Hoàng Thị Thanh Ngọc	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1825	6	CĐ.TNH.K24	2462102250006	Lùng Thị Nhung	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1826	7	CĐ.TNH.K24	2462102250007	Lò Minh Phương	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1827	8	CĐ.TNH.K24	2462102250008	Đặng Văn Tiến	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1828	9	CĐ.TNH.K24	2462102250009	Pờ Trung Hiếu	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K24: 2 sinh viên										
1829	1	CĐ.HHO.K24	2462101030001	Nguyễn Thị Mai Anh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1830	2	CĐ.HHO.K24	2462101030002	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
	Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K25: 2 sinh viên										
1831	1	CĐ.DVM.K25	2562102130001	Trần Vũ Linh Chi	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1832	2	CĐ.DVM.K25	2562102130003	Hà Kim Tiệp	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K25: 7 sinh viên										
1833	1	CĐ.HHO.K25	2562101030001	Ma Thị Ca	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
1834	2	CĐ.HHO.K25	2562101030002	Cư Thị Chủ	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1835	3	CĐ.HHO.K25	2562101030003	Giàng Seo Chung	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1836	4	CĐ.HHO.K25	2562101030004	Trương Quý Đăng	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1837	5	CĐ.HHO.K25	2562101030005	Lù Văn Thiên	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1838	6	CĐ.HHO.K25	2562101030006	Gì A Trung	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1839	7	CĐ.HHO.K25	2562101030007	Giàng Seo Vàng	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K25: 17 sinh viên										
1840	1	CĐ.TNH.K25	2562102250001	Tráng Thị Bình	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1841	2	CĐ.TNH.K25	2562102250002	Nguyễn Thu Hiền	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
1842	3	CĐ.TNH.K25	2562102250004	Hoàng Thị Thanh Huyền	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1843	4	CĐ.TNH.K25	2562102250005	Quan Thị Kiều	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1844	5	CĐ.TNH.K25	2562102250006	Giàng Nghị Lan	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1845	6	CĐ.TNH.K25	2562102250008	Nguyễn Thị Mai Linh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1846	7	CĐ.TNH.K25	2562102250009	Lò Văn Ngọc	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1847	8	CĐ.TNH.K25	2562102250010	Trần Thị Yên Nhi	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1848	9	CĐ.TNH.K25	2562102250011	Lường Xuân Sơn	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1849	10	CĐ.TNH.K25	2562102250012	Tráng Thị Tanh	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1850	11	CĐ.TNH.K25	2562102250013	Đỗ Đức Thành	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1851	12	CĐ.TNH.K25	2562102250014	Nguyễn Thị Thu Thảo	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
1852	13	CĐ.TNH.K25	2562102250015	Nguyễn Anh Thư	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1853	14	CĐ.TNH.K25	2562102250016	Giàng Seo Tổ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1854	15	CĐ.TNH.K25	2562102250017	Hoàng Văn Toàn	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1855	16	CĐ.TNH.K25	2562102250018	Lù Thị Thùy Trang	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1856	17	CĐ.TNH.K25	2562102250019	Lò Thị Hồng Tươi	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
	Lớp Cao đẳng Piano K25: 3 sinh viên										
1857	1	CĐ.PAN.K25	2562102210002	Ly Gớ Phê	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1858	2	CĐ.PAN.K25	2562102210005	Vừ A Tăng	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1859	3	CĐ.PAN.K25	2562102210007	Tao Thị Su Uyn	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
		Lớp Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25: 3 sinh viên									
1860	1	CD.BNT.K25	2562102160001	Lê Ngọc Đoàn	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1861	2	CD.BNT.K25	2562102160002	Châu A Hồ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1862	3	CD.BNT.K25	2562102160003	Sần Giờ Lúy	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
		Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K25.5: 30 học sinh									
1863	1	TC.TTQ.K25.5	255220209001	Đinh Phan Anh	67	Trung bình	62	Trung bình	65	Trung bình	
1864	2	TC.TTQ.K25.5	255220209002	Lê Ngọc Anh	77	Khá	65	Trung bình	71	Khá	
1865	3	TC.TTQ.K25.5	255220209004	Lý Sinh Chanh	77	Khá	78	Khá	78	Khá	
1866	4	TC.TTQ.K25.5	255220209006	Giàng Thị Cu	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1867	5	TC.TTQ.K25.5	255220209007	Sùng Thị Kim Dinh	78	Khá	71	Khá	75	Khá	
1868	6	TC.TTQ.K25.5	255220209009	Nguyễn Phương Duyên	79	Khá	75	Khá	77	Khá	
1869	7	TC.TTQ.K25.5	255220209010	Tần Thị Hà	91	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
1870	8	TC.TTQ.K25.5	255220209013	Phạm Nguyễn Thu Hiền	82	Tốt	75	Khá	79	Khá	
1871	9	TC.TTQ.K25.5	255220209015	Hoàng Lan Hương	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1872	10	TC.TTQ.K25.5	255220209017	Nguyễn Thị Kim Linh	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1873	11	TC.TTQ.K25.5	255220209018	Triệu Thúy Linh	78	Khá	75	Khá	77	Khá	
1874	12	TC.TTQ.K25.5	255220209019	Giàng Thị Thanh Mai	75	Khá	71	Khá	73	Khá	
1875	13	TC.TTQ.K25.5	255220209020	Giàng Thị Máy	77	Khá	73	Khá	75	Khá	
1876	14	TC.TTQ.K25.5	255220209021	Triệu Mùi Mây	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
1877	15	TC.TTQ.K25.5	255220209022	Nguyễn Quang Minh	66	Trung bình	59	Trung bình	63	Trung bình	
1878	16	TC.TTQ.K25.5	255220209023	Lý Thùy Minh	90	Xuất sắc	96	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
1879	17	TC.TTQ.K25.5	255220209029	Hoàng Thị Thùy Nguyên	89	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
1880	18	TC.TTQ.K25.5	255220209030	Lèng Xuân Nguyệt	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1881	19	TC.TTQ.K25.5	255220209031	Hoàng Mai Nhi	78	Khá	73	Khá	76	Khá	
1882	20	TC.TTQ.K25.5	255220209033	Bàn Thu Phương	81	Tốt	77	Khá	79	Khá	
1883	21	TC.TTQ.K25.5	255220209034	Sùng Thị Sóng	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1884	22	TC.TTQ.K25.5	255220209036	Giàng Thị Tám	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
1885	23	TC.TTQ.K25.5	255220209037	Sùng Thị Tăng	71	Khá	68	Trung bình	70	Khá	
1886	24	TC.TTQ.K25.5	255220209039	Thào Thị Phương Thanh	78	Khá	69	Trung bình	74	Khá	
1887	25	TC.TTQ.K25.5	255220209040	Tần Thị Phương Thảo	71	Khá	83	Tốt	77	Khá	
1888	26	TC.TTQ.K25.5	255220209042	Hoàng Thị Thơ	80	Tốt	72	Khá	76	Khá	
1889	27	TC.TTQ.K25.5	255220209046	Phạm Thanh Trúc	80	Tốt	71	Khá	76	Khá	
1890	28	TC.TTQ.K25.5	255220209048	Giàng Thị Tùng	85	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
1891	29	TC.TTQ.K25.5	255220209049	Đàm Thị Tuyết	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1892	30	TC.TTQ.K25.5	255220209050	Lý Thị Phi Yến	83	Tốt	76	Khá	80	Tốt	
		Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5A: 19 học sinh									
1893	1	TC.COT.K24.5A	2455102160001	Nguyễn Văn Bàn	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1894	2	TC.COT.K24.5A	2455102160005	Lý Láo Ú Đồng	82	Tốt	86	Tốt	84	Tốt	
1895	3	TC.COT.K24.5A	2455102160006	Làng Hậu Giang	83	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
1896	4	TC.COT.K24.5A	2455102160008	Chào Ông Khé	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
1897	5	TC.COT.K24.5A	2455102160009	Đặng Văn Lai	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
1898	6	TC.COT.K24.5A	2455102160010	Trần Anh Lâm	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1899	7	TC.COT.K24.5A	2455102160011	Ly Văn Lìn	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1900	8	TC.COT.K24.5A	2455102160012	Lý Quốc Mạnh	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
1901	9	TC.COT.K24.5A	2455102160013	Thào A Mạnh	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1902	10	TC.COT.K24.5A	2455102160014	Đặng Văn Mạnh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1903	11	TC.COT.K24.5A	2455102160016	Nguyễn Minh Nhật	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1904	12	TC.COT.K24.5A	2455102160017	Lù Văn Quân	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1905	13	TC.COT.K24.5A	2455102160018	Châu A Sinh	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1906	14	TC.COT.K24.5A	2455102160019	Thào Seo Thành	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1907	15	TC.COT.K24.5A	2455102160021	Lý Văn Trương	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
1908	16	TC.COT.K24.5A	2455102160022	Hoàng Anh Tuấn	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1909	17	TC.COT.K24.5A	2455102160023	Hoàng Trí Vĩ	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
1910	18	TC.COT.K24.5A	2455102160024	Hoàng Thế Vinh	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1911	19	TC.COT.K24.5A	2455102160025	Đặng Quốc Vương	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5B: 16 học sinh										
1912	1	TC.COT.K24.5B	2455102160027	Giàng A Dơ	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1913	2	TC.COT.K24.5B	2455102160028	Hoàng Thành Đạt	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1914	3	TC.COT.K24.5B	2455102160029	Nguyễn Tiến Đạt	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
1915	4	TC.COT.K24.5B	2455102160031	Nguyễn Huy Hoàng	82	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
1916	5	TC.COT.K24.5B	2455102160032	Hứa Việt Hoàng	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
1917	6	TC.COT.K24.5B	2455102160033	Vàng Phi Hùng	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1918	7	TC.COT.K24.5B	2455102160034	Hà Duy Khương	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
1919	8	TC.COT.K24.5B	2455102160035	Nguyễn Đại Trung Nguyên	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
1920	9	TC.COT.K24.5B	2455102160036	Lý Sành Nhân	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
1921	10	TC.COT.K24.5B	2455102160040	Tần Kim Phùng	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
1922	11	TC.COT.K24.5B	2455102160042	Triệu Minh Quân	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1923	12	TC.COT.K24.5B	2455102160045	Tần Lữ Tá	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1924	13	TC.COT.K24.5B	2455102160046	Chảo Láo Tả	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
1925	14	TC.COT.K24.5B	2455102160048	Cổ Minh Thanh	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1926	15	TC.COT.K24.5B	2455102160049	Lù Đức Thành	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
1927	16	TC.COT.K24.5B	2455102160050	Lò Văn Tiến	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5A: 21 học sinh										
1928	1	TC.COT.K25.5A	2555102160001	Đặng Ngọc An	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1929	2	TC.COT.K25.5A	2555102160002	Hoàng Văn Đoàn	65	Trung bình	70	Khá	68	Trung bình	
1930	3	TC.COT.K25.5A	2555102160003	Giàng Seo Đường	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1931	4	TC.COT.K25.5A	2555102160004	Lê Khánh Duy	75	Khá	69	Trung bình	72	Khá	
1932	5	TC.COT.K25.5A	2555102160008	Cổ Đình Huy	65	Trung bình	70	Khá	68	Trung bình	
1933	6	TC.COT.K25.5A	2555102160011	Lê Ngọc Huy	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1934	7	TC.COT.K25.5A	2555102160012	Bàn Đặng Thanh Huyện	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1935	8	TC.COT.K25.5A	2555102160016	Giàng Tràng Ly	68	Trung bình	78	Khá	73	Khá	
1936	9	TC.COT.K25.5A	2555102160017	Đặng Hiệu Minh	68	Trung bình	68	Trung bình	68	Trung bình	
1937	10	TC.COT.K25.5A	2555102160018	Đỗ Trung Nguyên	68	Trung bình	80	Tốt	74	Khá	
1938	11	TC.COT.K25.5A	2555102160021	Lù Chính Quy	60	Trung bình	70	Khá	65	Trung bình	
1939	12	TC.COT.K25.5A	2555102160022	Chảo Láo San	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
1940	13	TC.COT.K25.5A	2555102160023	Chảo Văn Sinh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1941	14	TC.COT.K25.5A	2555102160025	Lữ Đức Thắng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1942	15	TC.COT.K25.5A	2555102160026	Lù Văn Thế	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
1943	16	TC.COT.K25.5A	2555102160028	Tài Trung Thiện	65	Trung bình	80	Tốt	73	Khá	
1944	17	TC.COT.K25.5A	2555102160029	Bàn Tiến Thọ	65	Trung bình	80	Tốt	73	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1945	18	TC.COT.K25.5A	2555102160030	Chào Xuân Tiến	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
1946	19	TC.COT.K25.5A	2555102160031	Đặng Phúc Phúc	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
1947	20	TC.COT.K25.5A	2555102160032	Lò Sành Tùng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
1948	21	TC.COT.K25.5A	2555102160034	Đỗ Văn Vững	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5B: 20 học sinh										
1949	1	TC.COT.K25.5B	2555102160035	Trần Đình Bách	65	Trung bình	77	Khá	71	Khá	
1950	2	TC.COT.K25.5B	2555102160036	Thần Văn Bằng	79	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
1951	3	TC.COT.K25.5B	2555102160037	Lương Gia Bảo	79	Khá	84	Tốt	82	Tốt	
1952	4	TC.COT.K25.5B	2555102160038	Nguyễn Minh Chiến	66	Trung bình	74	Khá	70	Khá	
1953	5	TC.COT.K25.5B	2555102160040	Giàng Seo Cường	84	Tốt	92	Xuất sắc	88	Tốt	
1954	6	TC.COT.K25.5B	2555102160041	Liều Văn Dãy	78	Khá	88	Tốt	83	Tốt	
1955	7	TC.COT.K25.5B	2555102160042	Sùng A Di	69	Trung bình	87	Tốt	78	Khá	
1956	8	TC.COT.K25.5B	2555102160043	Lý A Giàng	80	Tốt	90	Xuất sắc	85	Tốt	
1957	9	TC.COT.K25.5B	2555102160044	Triệu Công Hà	69	Trung bình	88	Tốt	79	Khá	
1958	10	TC.COT.K25.5B	2555102160045	Nguyễn Minh Hiếu	80	Tốt	94	Xuất sắc	87	Tốt	
1959	11	TC.COT.K25.5B	2555102160046	Lù Xuân Hiếu	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
1960	12	TC.COT.K25.5B	2555102160047	Chin Đức Hoàn	78	Khá	77	Khá	78	Khá	
1961	13	TC.COT.K25.5B	2555102160051	Nguyễn Văn Mười	77	Khá	88	Tốt	83	Tốt	
1962	14	TC.COT.K25.5B	2555102160054	Má A Phong	73	Khá	87	Tốt	80	Tốt	
1963	15	TC.COT.K25.5B	2555102160057	Sùng Văn Quý	70	Khá	78	Khá	74	Khá	
1964	16	TC.COT.K25.5B	2555102160058	Triệu Quý Thanh	69	Trung bình	80	Tốt	75	Khá	
1965	17	TC.COT.K25.5B	2555102160059	Lý Hữu Thọ	67	Trung bình	78	Khá	73	Khá	
1966	18	TC.COT.K25.5B	2555102160061	Vũ Sơn Tùng	72	Khá	80	Tốt	76	Khá	
1967	19	TC.COT.K25.5B	2555102160063	Trảng Văn Vinh	72	Khá	77	Khá	75	Khá	
1968	20	TC.COT.K25.5B	2555102160064	Sùng Khang Vũ	81	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.5: 11 học sinh										
1969	1	TC.HAN.K24.5	2455201230004	Vì Văn Đức	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
1970	2	TC.HAN.K24.5	2455201230006	La Hồng Kỳ	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
1971	3	TC.HAN.K24.5	2455201230007	Đinh Tiến Lợi	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1972	4	TC.HAN.K24.5	2455201230008	Triệu Văn Long	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
1973	5	TC.HAN.K24.5	2455201230009	Đào Hải Nam	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
1974	6	TC.HAN.K24.5	2455201230010	Hoàng Minh Nhẫn	85	Tốt	89	Tốt	87	Tốt	
1975	7	TC.HAN.K24.5	2455201230011	Hoàng Ông Sính	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
1976	8	TC.HAN.K24.5	2455201230012	Lục Minh Tiên	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
1977	9	TC.HAN.K24.5	2455201230001	Nguyễn Đình Bắc	82	Tốt	84	Tốt	83	Tốt	
1978	10	TC.HAN.K24.5	2455201230002	Vũ Tiến Dũng	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
1979	11	TC.HAN.K24.5	2455201230003	Triệu Anh Dũng	81	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
	Lớp Trung cấp Hàn K25.5: 23 học sinh										
1980	1	TC.HAN.K25.5	2555201230001	Lự Quốc Anh	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
1981	2	TC.HAN.K25.5	2555201230002	Vàng Xuân Bảo	77	Khá	79	Khá	78	Khá	
1982	3	TC.HAN.K25.5	2555201230003	Triệu Quang Bình	85	Tốt	77	Khá	81	Tốt	
1983	4	TC.HAN.K25.5	2555201230004	Đặng Quý Châu	78	Khá	88	Tốt	83	Tốt	
1984	5	TC.HAN.K25.5	2555201230005	Ma Văn Chu	82	Tốt	88	Tốt	85	Tốt	
1985	6	TC.HAN.K25.5	2555201230006	Đặng Quang Đức	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1986	7	TC.HAN.K25.5	2555201230008	Má A Hương	81	Tốt	77	Khá	79	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
1987	8	TC.HAN.K25.5	2555201230009	Phùng Đức Khánh	85	Tốt	77	Khá	81	Tốt	
1988	9	TC.HAN.K25.5	2555201230010	Vàng A Long	86	Tốt	76	Khá	81	Tốt	
1989	10	TC.HAN.K25.5	2555201230011	Vùi Thành Long	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
1990	11	TC.HAN.K25.5	2555201230012	Phùng Văn Minh	77	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
1991	12	TC.HAN.K25.5	2555201230013	Ngài Seo Nam	86	Tốt	76	Khá	81	Tốt	
1992	13	TC.HAN.K25.5	2555201230014	Đoàn Mạnh Nguyên	87	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
1993	14	TC.HAN.K25.5	2555201230015	Hoàng Quốc Nguyên	78	Khá	84	Tốt	81	Tốt	
1994	15	TC.HAN.K25.5	2555201230016	Vàng Ông Nhất	77	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
1995	16	TC.HAN.K25.5	2555201230018	Vàng Sèo Páo	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
1996	17	TC.HAN.K25.5	2555201230019	Sùng Ngọc Phong	77	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
1997	18	TC.HAN.K25.5	2555201230022	Sùng Văn Sơn	78	Khá	84	Tốt	81	Tốt	
1998	19	TC.HAN.K25.5	2555201230024	Trịnh Ngọc Thắng	88	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
1999	20	TC.HAN.K25.5	2555201230025	Châu Thành Tiên	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
2000	21	TC.HAN.K25.5	2555201230026	Trần Quốc Toàn	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
2001	22	TC.HAN.K25.5	2555201230027	Hoàng Anh Vũ	84	Tốt	76	Khá	80	Tốt	
2002	23	TC.HAN.K25.5	2555201230030	Nguyễn Hồng Phong	77	Khá	81	Tốt	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K25.5.CLC: 14 học sinh										
2003	1	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050001	Lý Thị Cá	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2004	2	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050003	Hầu Thị Chi	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2005	3	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050006	Lò Thị Ngọc Hà	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2006	4	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050007	Lù Thị Ngọc Khuyến	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
2007	5	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050008	Đặng Ngọc Linh	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2008	6	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050010	Trần Thị Cẩm Ly	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
2009	7	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050011	Tráng Thị Mai	87	Tốt	83	Tốt	85	Tốt	
2010	8	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050015	Tần Lở Mây	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2011	9	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050018	Tráng Thị Nguyễn	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2012	10	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050019	Lò Thị Phích	88	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
2013	11	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050049	Giảng Ngọc Sơn	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
2014	12	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050021	Tráng Thị Sông	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2015	13	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050023	Trần Ngọc Trâm	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2016	14	TC.NNK.K25.5.CLC	2558102050024	Nguyễn Thị Thùy Trúc	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K25.5: 18 học sinh										
2017	1	TC.NNK.K25.5	2558102050026	Nguyễn Hoài Anh	84	Tốt	90	Xuất sắc	87	Tốt	
2018	2	TC.NNK.K25.5	2558102050027	Chào Việt Anh	55	Trung bình	71	Khá	63	Trung bình	
2019	3	TC.NNK.K25.5	2558102050029	Triệu Gia Bảo	62	Trung bình	50	Trung bình	56	Trung bình	
2020	4	TC.NNK.K25.5	2558102050030	Hoàng Văn Thiên Bảo	71	Khá	79	Khá	75	Khá	
2021	5	TC.NNK.K25.5	2558102050005	Lương Hải Đăng	71	Khá	79	Khá	75	Khá	
2022	6	TC.NNK.K25.5	2558102050033	Hầu Thị Dờ	79	Khá	71	Khá	75	Khá	
2023	7	TC.NNK.K25.5	2558102050034	Tráng Thị Đông	71	Khá	71	Khá	71	Khá	
2024	8	TC.NNK.K25.5	2558102050037	Trịnh Phương Linh	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
2025	9	TC.NNK.K25.5	2558102050039	Trương Ngọc Mai	65	Trung bình	50	Trung bình	58	Trung bình	
2026	10	TC.NNK.K25.5	2558102050043	Sùng A Phổng	71	Khá	79	Khá	75	Khá	
2027	11	TC.NNK.K25.5	2558102050046	Nguyễn Quỳnh Sinh	79	Khá	71	Khá	75	Khá	
2028	12	TC.NNK.K25.5	2558102050020	Sùng Lan Sinh	79	Khá	71	Khá	75	Khá	
2029	13	TC.NNK.K25.5	2558102050047	Giảng Thị So	79	Khá	82	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2030	14	TC.NNK.K25.5	2558102050052	Nông Thị Bảo Thi	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
2031	15	TC.NNK.K25.5	2558102050053	Giàng Thị Thu	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
2032	16	TC.NNK.K25.5	2558102050054	Trần Huy Thực	50	Trung bình	71	Khá	61	Trung bình	
2033	17	TC.NNK.K25.5	2558102050058	Lương Anh Tú	52	Trung bình	50	Trung bình	51	Trung bình	
2034	18	TC.NNK.K25.5	2558102050062	Vàng Thị Xoa	79	Khá	79	Khá	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.5: 26 học sinh										
2035	1	TC.HDL.K25.5	2558101030002	Phản Mai Anh	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
2036	2	TC.HDL.K25.5	2553403020003	Đỗ Thị Thanh Yến	79	Khá	70	Khá	75	Khá	
2037	3	TC.HDL.K25.5	2558101030004	Vù A Chèo	79	Khá	76	Khá	78	Khá	
2038	4	TC.HDL.K25.5	2558101030005	Lý Tả Dầu	79	Khá	81	Tốt	80	Tốt	
2039	5	TC.HDL.K25.5	2558101030008	Phạm Mai Giang	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
2040	6	TC.HDL.K25.5	2558101030010	Trần Thị Thu Hằng	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2041	7	TC.HDL.K25.5	2558101030012	Giàng Mạnh Hùng	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
2042	8	TC.HDL.K25.5	2558101030013	Phản Thanh Huyền	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
2043	9	TC.HDL.K25.5	2558101030014	Chang Thị Ka	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2044	10	TC.HDL.K25.5	255810103016	Giàng A ký	69	Trung bình	69	Trung bình	69	Trung bình	
2045	11	TC.HDL.K25.5	2558101030017	Tài Huyền Lam	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
2046	12	TC.HDL.K25.5	2558101030020	Phùng Thị Loan	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
2047	13	TC.HDL.K25.5	2558101030022	Tần Lở Mây	84	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
2048	14	TC.HDL.K25.5	2558101030023	Vương Thảo My	88	Tốt	86	Tốt	87	Tốt	
2049	15	TC.HDL.K25.5	2558101030028	Vàng Seo Phiên	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2050	16	TC.HDL.K25.5	2558101030029	Tráng Seo Quang	78	Khá	73	Khá	76	Khá	
2051	17	TC.HDL.K25.5	2558101030030	Tráng Seo Quang	83	Tốt	73	Khá	78	Khá	
2052	18	TC.HDL.K25.5	2558101030031	Tráng Thị Say	89	Tốt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2053	19	TC.HDL.K25.5	2558101030032	Hoàng Thị Sín	79	Khá	81	Tốt	80	Tốt	
2054	20	TC.HDL.K25.5	2558101030034	Đặng Thị Tâm	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2055	21	TC.HDL.K25.5	2558101030036	Sùng Seo Tiễn	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2056	22	TC.HDL.K25.5	2558101030039	Bàn Ông Ton	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2057	23	TC.HDL.K25.5	2558101030042	Chảo Đức Việt	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2058	24	TC.HDL.K25.5	2558101030045	Nông Bảo Yến	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2059	25	TC.HDL.K25.5	2558101030046	Bàn Thị Xinh	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
2060	26	TC.HDL.K25.5	2558101030047	Trương Văn Phú	79	Khá	88	Tốt	84	Tốt	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K24.5.CLC: 12 học sinh										
2061	1	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050001	Sùng A Chanh	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
2062	2	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050002	Lù Thị Huyền Diệu	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2063	3	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050004	Đặng Thị Hiền	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
2064	4	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050005	Nguyễn Thị Hương	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
2065	5	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050007	Lý Xâm Luân	81	Tốt	50	Trung bình	66	Trung bình	
2066	6	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050012	Bàn Thị Pháy	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2067	7	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050013	Triệu Thị Pháy	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2068	8	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050014	Sùng Thị Phương	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
2069	9	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050015	Hạng Thị Súa	89	Tốt	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2070	10	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050016	Vàng Thị Sỷ	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
2071	11	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050017	Vàng Láo Tả	70	Khá	50	Trung bình	60	Trung bình	
2072	12	TC.NNK.K24.5.CLC	2458102050018	Vàng Thị Thanh Thảo	80	Tốt	50	Trung bình	65	Trung bình	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
	Lớp Trung cấp Thú y K25: 1 học sinh										
2073	1	TC.THY.K25	2556401010002	Đào Thu Hương	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
	Lớp Trung cấp Điện dân dụng K25.5: 10 học sinh										
2074	1	TC.ĐDD.K25.5	2555202260002	Lành Văn Cường	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2075	2	TC.ĐDD.K25.5	2555202260016	Vũ Thanh Tuyền	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
2076	3	TC.ĐDD.K25.5	2555202260003	Lương Văn Đạt	74	Khá	79	Khá	77	Khá	
2077	4	TC.ĐDD.K25.5	2555202260004	Thào Văn Dũ	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2078	5	TC.ĐDD.K25.5	2555202260007	Cao Sỹ Hùng	77	Khá	69	Trung bình	73	Khá	
2079	6	TC.ĐDD.K25.5	2555202260008	Phan Văn Khiêm	56	Trung bình	55	Trung bình	56	Trung bình	
2080	7	TC.ĐDD.K25.5	2555202260009	Hằng Tiên Phong	70	Khá	85	Tốt	78	Khá	
2081	8	TC.ĐDD.K25.5	2555202260013	Lý Đình Thiên	56	Trung bình	69	Trung bình	63	Trung bình	
2082	9	TC.ĐDD.K25.5	2555202260015	Triệu Khánh Toàn	73	Khá	69	Trung bình	71	Khá	
2083	10	TC.ĐDD.K25.5	2555202260021	Phạm Đức Thiện	72	Khá	82	Tốt	77	Khá	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh K24.5: 9 học sinh										
2084	1	TC.KML.K24.5	2455202050001	Nguyễn Lê Hải Đăng	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2085	2	TC.KML.K24.5	2455202050003	Hoàng Trọng Hiếu	76	Khá	81	Tốt	79	Khá	
2086	3	TC.KML.K24.5	2455202050004	Giàng A Minh	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2087	4	TC.KML.K24.5	2455202050005	Phạm Quang Nhẫn	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2088	5	TC.KML.K24.5	2455202050008	Đào Việt Quang	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2089	6	TC.KML.K24.5	2455202050010	Giàng A Thái	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2090	7	TC.KML.K24.5	2455202050011	Phùng Ông Ton	81	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2091	8	TC.KML.K24.5	2455202050013	Giàng Công Vinh	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2092	9	TC.KML.K24.5	2455202050012	Lý Minh Trí	76	Khá	81	Tốt	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh K25.5: 13 học sinh										
2093	1	TC.KML.K25.5	2555202050001	Trần Quang Anh	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
2094	2	TC.KML.K25.5	2555202050002	Triệu Quý Bảo	52	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
2095	3	TC.KML.K25.5	2555202050007	Hoàng Đức Đoàn	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2096	4	TC.KML.K25.5	2555202050012	Điền Quang Lương	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
2097	5	TC.KML.K25.5	2555202050016	Đặng Nhất Phương	75	Khá	71	Khá	73	Khá	
2098	6	TC.KML.K25.5	2555202050018	Lê Xuân Thái	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2099	7	TC.KML.K25.5	2555202050019	Lý Ngọc Thiện	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2100	8	TC.KML.K25.5	2555202050020	Vũ Minh Tiến	51	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
2101	9	TC.KML.K25.5	2555202050021	Chào Ông Ton	74	Khá	71	Khá	73	Khá	
2102	10	TC.KML.K25.5	2555202050022	Đặng Quốc Trung	81	Tốt	73	Khá	77	Khá	
2103	11	TC.KML.K25.5	2555202050024	Trần Xuân Trường	82	Tốt	71	Khá	77	Khá	
2104	12	TC.KML.K25.5	2555202050028	Trịnh Minh Sơn	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
2105	13	TC.KML.K25.5	2555202050027	Vàng Đình Vương	53	Trung bình	70	Khá	62	Trung bình	
	Lớp Trung cấp Điện Công nghiệp K25.5: 13 học sinh										
2106	1	TC.ĐCN.K25.5	2555202270003	Lê Chí Đông	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2107	2	TC.ĐCN.K25.5	2555202270004	Vũ Đức Duy	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2108	3	TC.ĐCN.K25.5	2555202270005	Hà Ngọc Hoan	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2109	4	TC.ĐCN.K25.5	2555202270007	Nguyễn Văn Nguyễn	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2110	5	TC.ĐCN.K25.5	2555202270008	Đặng Văn Phương	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2111	6	TC.ĐCN.K25.5	2555202270010	Chào Mùi Quyên	87	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2112	7	TC.ĐCN.K25.5	2555202270011	Phạm Anh Quyền	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2113	8	TC.ĐCN.K25.5	2555202270012	Lý Lão Tả	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2114	9	TC.ĐCN.K25.5	2555202270013	Nguyễn Trọng Tấn	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2115	10	TC.ĐCN.K25.5	2555202270015	Nguyễn Thế Toán	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2116	11	TC.ĐCN.K25.5	2555202270016	Nguyễn Thành Trung	81	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2117	12	TC.ĐCN.K25.5	2555202270017	Nguyễn Ngọc Tú	80	Tốt	78	Khá	79	Khá	
2118	13	TC.ĐCN.K25.5	2555202270020	Mạ Gia Huy	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Trung cấp Điện Công nghiệp K24.5: 20 học sinh										
2119	1	TC.ĐCN.K24.5	2455202270003	Đào Duy Bình	87	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
2120	2	TC.ĐCN.K24.5	2455202270005	Hoàng Đình Dũng	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
2121	3	TC.ĐCN.K24.5	2455202270006	Đặng Văn Dũng	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
2122	4	TC.ĐCN.K24.5	2455202270004	Ly Seo Chúng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2123	5	TC.ĐCN.K24.5	2455202270007	Mã Đình Dung	80	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
2124	6	TC.ĐCN.K24.5	2455202270008	Lý Thanh Duy	80	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
2125	7	TC.ĐCN.K24.5	2455202270009	Nguyễn Hải Đăng	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
2126	8	TC.ĐCN.K24.5	2455202270010	Lương Hồng Đức	75	Khá	76	Khá	76	Khá	
2127	9	TC.ĐCN.K24.5	2455202270011	Trần Minh Đức	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2128	10	TC.ĐCN.K24.5	2455202270016	Sê Công Huy	70	Khá	78	Khá	74	Khá	
2129	11	TC.ĐCN.K24.5	2455202270018	Triệu Văn Khánh	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2130	12	TC.ĐCN.K24.5	2455202270019	Phản Ông Lố	80	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
2131	13	TC.ĐCN.K24.5	2455202270020	Lý Minh Nghĩa	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2132	14	TC.ĐCN.K24.5	2455202270021	Lù Thái Ngọc	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
2133	15	TC.ĐCN.K24.5	2455202270023	Vũ Minh Quân	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2134	16	TC.ĐCN.K24.5	2455202270017	Phạm Văn Huy	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2135	17	TC.ĐCN.K24.5	2455202270026	Hoàng Tiến Thành	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2136	18	TC.ĐCN.K24.5	2455202270027	Tài Văn Thông	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
2137	19	TC.ĐCN.K24.5	2455202270028	Nguyễn Khánh Toàn	80	Tốt	86	Tốt	83	Tốt	
2138	20	TC.ĐCN.K24.5	2455202270024	Vàng Văn Thái	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
	Lớp Trung cấp Vận hành nhà máy thủy điện K25.5: 17 học sinh										
2139	1	TC.VTĐ.K25.5	2555202460001	Phà A Cánh	55	Trung bình	75	Khá	65	Trung bình	
2140	2	TC.VTĐ.K25.5	2555202460003	Lồ Tả Chiêu	56	Trung bình	70	Khá	63	Trung bình	
2141	3	TC.VTĐ.K25.5	2555202460004	Phà A Đay	59	Trung bình	75	Khá	67	Trung bình	
2142	4	TC.VTĐ.K25.5	2555202460005	Giàng A Đế	83	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
2143	5	TC.VTĐ.K25.5	2555202460006	Nguyễn Bá Dương	51	Trung bình	70	Khá	61	Trung bình	
2144	6	TC.VTĐ.K25.5	2555202460007	Giàng Thị Hà	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
2145	7	TC.VTĐ.K25.5	2555202460008	Giàng A Khương	76	Khá	70	Khá	73	Khá	
2146	8	TC.VTĐ.K25.5	2555202460009	Giàng Thị Mừng	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
2147	9	TC.VTĐ.K25.5	2555202460010	Mào Văn Ngân	73	Khá	70	Khá	72	Khá	
2148	10	TC.VTĐ.K25.5	2555202460011	Giàng A Nhừ	80	Tốt	89	Tốt	85	Tốt	
2149	11	TC.VTĐ.K25.5	2555202460012	Phà A Sênh	61	Trung bình	79	Khá	70	Khá	
2150	12	TC.VTĐ.K25.5	2555202460013	Đào Văn Thuận	51	Trung bình	79	Khá	65	Trung bình	
2151	13	TC.VTĐ.K25.5	2555202460015	Giàng Thị Tươi	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
2152	14	TC.VTĐ.K25.5	2555202460016	Giàng A Vi	80	Tốt	79	Khá	80	Tốt	
2153	15	TC.VTĐ.K25.5	2555202460017	Trần Quang Vinh	78	Khá	70	Khá	74	Khá	
2154	16	TC.VTĐ.K25.5	2555202460018	Phà A Xã	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2155	17	TC.VTĐ.K25.5	2555202460019	Phà Thị Xía	86	Tốt	79	Khá	83	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
	Lớp Trung cấp Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian dân tộc K25.5:										
2156	1	TC.NBM.K25.5	2552102070004	Nguyễn Hà Linh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2157	2	TC.NBM.K25.5	2552102070001	Lường Tuấn Anh	85	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
2158	3	TC.NBM.K25.5	2552102070002	Tòng Thị Ngọc Hân	87	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
2159	4	TC.NBM.K25.5	2552102070005	Hà Bảo Long	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2160	5	TC.NBM.K25.5	2552102070006	Lý Hà Mi	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2161	6	TC.NBM.K25.5	2552102070008	Hà Thảo Nguyên	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2162	7	TC.NBM.K25.5	2552102070009	Hoàng Thảo Nhi	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2163	8	TC.NBM.K25.5	2552102070011	Tòng Thị Thúy Oanh	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2164	9	TC.NBM.K25.5	2552102070012	Thào Thị Sa	90	Xuất sắc	82	Tốt	86	Tốt	
2165	10	TC.NBM.K25.5	2552102070013	Lò Nguyệt Thắm	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2166	11	TC.NBM.K25.5	2552102070015	Tòng Quốc Tuấn	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
2167	12	TC.NBM.K25.5	2552102070016	Hà Minh Tuyền	91	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
	Lớp Trung cấp Hội họa K25.5: 9 học sinh										
2168	1	TC.HHO.K25.5	2552101030001	Lã Hoàng Đạt	83	Tốt	68	Trung bình	76	Khá	
2169	2	TC.HHO.K25.5	2552101030003	Vàng Văn Hải	83	Tốt	68	Trung bình	76	Khá	
2170	3	TC.HHO.K25.5	2552101030004	Nguyễn Văn Hải	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2171	4	TC.HHO.K25.5	2552101030005	Lù Đức Huy	83	Tốt	68	Trung bình	76	Khá	
2172	5	TC.HHO.K25.5	2552101030006	Hoàng Hải Nam	83	Tốt	68	Trung bình	76	Khá	
2173	6	TC.HHO.K25.5	2552101030007	Phùng Thị Sáng	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2174	7	TC.HHO.K25.5	2552101030008	Mạ Thị Thu Thanh	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2175	8	TC.HHO.K25.5	2552101030009	Ly Seo Thành	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2176	9	TC.HHO.K25.5	2552101030010	Lê Nguyễn Thu Trang	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
	Lớp Trung cấp Thanh nhạc K25.5: 8 học sinh										
2177	1	TC.TNH.K25.5	2552102250002	Giàng Thị Gánh	75	Khá	78	Khá	77	Khá	
2178	2	TC.TNH.K25.5	2552102250003	Hầu Thị Khu	75	Khá	79	Khá	77	Khá	
2179	3	TC.TNH.K25.5	2552102250004	Tân Phương Phương	76	Khá	80	Tốt	78	Khá	
2180	4	TC.TNH.K25.5	2552102250005	Vàng Thị Sâm	88	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
2181	5	TC.TNH.K25.5	2552102250006	Lò Tuấn Tú	76	Khá	70	Khá	73	Khá	
2182	6	TC.TNH.K25.5	2552102250007	Giàng Ngọc Tuyền	77	Khá	77	Khá	77	Khá	
2183	7	TC.TNH.K25.5	2552102250008	Lò Thị Vân	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
2184	8	TC.TNH.K25.5	2552102250009	Nguyễn Lê Khánh Vy	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Organ K25.5: 14 học sinh										
2185	1	TC.ORG.K25.5	2552102240001	Sùng Văn Anh	76	Khá	68	Trung bình	72	Khá	
2186	2	TC.ORG.K25.5	2552102240002	Lù Văn Đoàn	74	Khá	68	Trung bình	71	Khá	
2187	3	TC.ORG.K25.5	2552102240003	Vàng Thị Dung	73	Khá	68	Trung bình	71	Khá	
2188	4	TC.ORG.K25.5	2552102240005	Thào Văn Hào	74	Khá	68	Trung bình	71	Khá	
2189	5	TC.ORG.K25.5	2552102240006	Giàng Công Minh	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
2190	6	TC.ORG.K25.5	2552102240007	Giàng A Phính	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2191	7	TC.ORG.K25.5	2552102240008	Ly Seo Phử	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2192	8	TC.ORG.K25.5	2552102240009	Kim Thùy Trúc Quỳnh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2193	9	TC.ORG.K25.5	2552102240010	Thào Thị Rùa	79	Khá	68	Trung bình	74	Khá	
2194	10	TC.ORG.K25.5	2552102240011	Ngải Seo Sênh	75	Khá	68	Trung bình	72	Khá	
2195	11	TC.ORG.K25.5	2552102240012	Giàng Seo Thắng	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2196	12	TC.ORG.K25.5	2552102240013	Ly Seo Thành	78	Khá	78	Khá	78	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2197	13	TC.ORG.K25.5	2552102240014	Thào Seo Thành	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2198	14	TC.ORG.K25.5	2552102250001	Trang Tuấn Anh	72	Khá	78	Khá	75	Khá	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25.5: 2 học sinh										
2199	1	TC.BNT.K25.5	2552102160001	Ma Văn Đông	77	Khá	79	Khá	78	Khá	
2200	2	TC.BNT.K25.5	2552102160003	Vàng Thị Pằng	75	Khá	79	Khá	77	Khá	
	Lớp Trung cấp Nghệ thuật biểu diễn Múa dân gian dân tộc K24.5:										
2201	1	TC.NBM.K24.5	2452102070001	Vũ Hoàng Anh	84	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
2202	2	TC.NBM.K24.5	2452102070003	Lò Nguyệt Ánh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2203	3	TC.NBM.K24.5	2452102070004	Lò Thị Hồng Diệp	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2204	4	TC.NBM.K24.5	2452102070005	Soi Thị Hào Diệu	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2205	5	TC.NBM.K24.5	2452102070008	Vì Thị Hương Giang	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2206	6	TC.NBM.K24.5	2452102070009	Lò Thị Hạnh	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2207	7	TC.NBM.K24.5	2452102070010	Lường Văn Khải	86	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
2208	8	TC.NBM.K24.5	2452102070013	Lò Thị Khánh Ly	83	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2209	9	TC.NBM.K24.5	2452102070014	Giàng Thị Phượng	84	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2210	10	TC.NBM.K24.5	2452102070016	Ngô Thùy Trâm	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K24.5: 2 học sinh										
2211	1	TC.BNT.K24.5	2451102160001	Đỗ Thành Công	85	Tốt	91	Xuất sắc	88	Tốt	
2212	2	TC.BNT.K24.5	2452102160002	Sùng Trung Hiếu	82	Tốt	77	Khá	80	Tốt	
	Lớp Trung cấp Organ K24.5: 6 học sinh										
2213	1	TC.ORG.K24.5	2452102240002	Triệu Quý Châu	73	Khá	75	Khá	74	Khá	
2214	2	TC.ORG.K24.5	2452102240003	Tráng Thị Dờ	76	Khá	71	Khá	74	Khá	
2215	3	TC.ORG.K24.5	2451102240004	Lù A Dũng	75	Khá	77	Khá	76	Khá	
2216	4	TC.ORG.K24.5	2452102240005	Đặng Thuý Mai	88	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
2217	5	TC.ORG.K24.5	2452102240006	Giàng Hoàn Thành	73	Khá	70	Khá	72	Khá	
2218	6	TC.ORG.K24.5	2452102240007	Ma Hoà Vàng	73	Khá	75	Khá	74	Khá	
	Lớp Trung cấp Thanh nhạc K24.5: 6 học sinh										
2219	1	TC.TNH.K24.5	2452102250001	Hoàng Thị Linh Đan	70	Khá	69	Trung bình	70	Khá	
2220	2	TC.TNH.K24.5	2452102250003	Nguyễn Thị Ngọc Hà	92	Xuất sắc	85	Tốt	89	Tốt	
2221	3	TC.TNH.K24.5	2452102250004	Lự Thị Thu Hiền	77	Khá	69	Trung bình	73	Khá	
2222	4	TC.TNH.K24.5	2452102250005	Vàng Thị Hoa	76	Khá	71	Khá	74	Khá	
2223	5	TC.TNH.K24.5	2452102250006	Sùng Thị Thu Hương	75	Khá	67	Trung bình	71	Khá	
2224	6	TC.TNH.K24.5	2452102250008	Lục Thị Yến Nhi	50	Trung bình	60	Trung bình	55	Trung bình	
	Lớp Trung cấp Hội họa K24.5: 10 học sinh										
2225	1	TC.HHO.K24.5	2452101030001	Đặng Long An	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2226	2	TC.HHO.K24.5	2452101030002	Nguyễn Minh Anh	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
2227	3	TC.HHO.K24.5	2452101030003	Sùng Seo Châu	77	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2228	4	TC.HHO.K24.5	2452101030004	Vàng Seo Giang	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2229	5	TC.HHO.K24.5	2452101030007	Đỗ Đặng Khánh Linh	75	Khá	87	Tốt	81	Tốt	
2230	6	TC.HHO.K24.5	2452101030008	Chảo Văn Lực	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2231	7	TC.HHO.K24.5	2452101030009	Chảo Tà Mỷ	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2232	8	TC.HHO.K24.5	2452101030010	Đỗ Thị Na	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2233	9	TC.HHO.K24.5	2452101030011	Hoàng Gia Phong	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2234	10	TC.HHO.K24.5	2452101030012	Tráng Thín Sơn	90	Xuất sắc	87	Tốt	89	Tốt	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.7: 20 học sinh										

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2235	1	TC.HDL.K25.7	2558101030050	Sùng A Bảo	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2236	2	TC.HDL.K25.7	2558101030051	Giàng A Cáng	73	Khá	73	Khá	73	Khá	
2237	3	TC.HDL.K25.7	2558101030053	Hạng Thị Cha	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2238	4	TC.HDL.K25.7	2558101030054	Thào Thị Chú	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2239	5	TC.HDL.K25.7	2558101030055	Hạng A Dế	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2240	6	TC.HDL.K25.7	2558101030058	Lý Thị Gồng	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2241	7	TC.HDL.K25.7	2558101030061	Giàng Thị Mão	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2242	8	TC.HDL.K25.7	2558101030062	Giàng Thị Mú	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2243	9	TC.HDL.K25.7	2558101030064	Giàng A Phủng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2244	10	TC.HDL.K25.7	2558101030065	Châu Thị Sáy	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2245	11	TC.HDL.K25.7	2558101030068	Hạng Minh Sinh	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2246	12	TC.HDL.K25.7	2558101030070	Lò Thị Sông	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2247	13	TC.HDL.K25.7	2558101030071	Lý A Sỷ	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2248	14	TC.HDL.K25.7	2558101030072	Sùng A Thắng	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2249	15	TC.HDL.K25.7	2558101030073	Giàng A Thanh	77	Khá	77	Khá	77	Khá	
2250	16	TC.HDL.K25.7	2558101030074	Lý A Tính	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2251	17	TC.HDL.K25.7	2558101030075	Lê Quốc Triệu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2252	18	TC.HDL.K25.7	2558101030076	Lý Thị Vang	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2253	19	TC.HDL.K25.7	2558101030077	Lý Thị Vu	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2254	20	TC.HDL.K25.7	2558101030078	Nguyễn Xuân Bảo Yên	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K25.7A: 31 học sinh										
2255	1	TC.NNK.K25.7A	2558102050070	Sùng Thị A	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2256	2	TC.NNK.K25.7A	2558102050071	Lý Thúy Bâu	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
2257	3	TC.NNK.K25.7A	2558102050072	Vàng Văn Câu	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2258	4	TC.NNK.K25.7A	2558102050073	Vàng A Châu	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2259	5	TC.NNK.K25.7A	2558102050074	Giàng Thị Chư	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2260	6	TC.NNK.K25.7A	2558102050075	Vàng A Chừ	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2261	7	TC.NNK.K25.7A	2558102050076	Hạng A Chừ	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2262	8	TC.NNK.K25.7A	2558102050077	Lò A Cờ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2263	9	TC.NNK.K25.7A	2558102050078	Hạng Thị Dí	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2264	10	TC.NNK.K25.7A	2558102050079	Vàng Thị Dinh	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2265	11	TC.NNK.K25.7A	2558102050080	Lò Thị Dờ	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2266	12	TC.NNK.K25.7A	2558102050081	Lò A Vạn Đông	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2267	13	TC.NNK.K25.7A	2558102050082	Hạng Thị Dung	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2268	14	TC.NNK.K25.7A	2558102050084	Lò A Hà	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2269	15	TC.NNK.K25.7A	2558102050085	Lý A Hà	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2270	16	TC.NNK.K25.7A	2558102050086	Lò A Hải	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2271	17	TC.NNK.K25.7A	2558102050087	Lò A Hạnh	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
2272	18	TC.NNK.K25.7A	2558102050090	Giàng Việt Long	73	Khá	73	Khá	73	Khá	
2273	19	TC.NNK.K25.7A	2558102050091	Thào A Lừ	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2274	20	TC.NNK.K25.7A	2558102050092	Hạng A Minh	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2275	21	TC.NNK.K25.7A	2558102050093	Thào A Nam	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2276	22	TC.NNK.K25.7A	2558102050094	Lò A Pao	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2277	23	TC.NNK.K25.7A	2558102050095	Vàng A Sài	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2278	24	TC.NNK.K25.7A	2558102050096	Giàng A Sang	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2279	25	TC.NNK.K25.7A	2558102050098	Lò A Thắng	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2280	26	TC.NNK.K25.7A	2558102050099	Lò A Thông	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2281	27	TC.NNK.K25.7A	2558102050100	Lò A Tình	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2282	28	TC.NNK.K25.7A	2558102050101	Lò A Tình	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2283	29	TC.NNK.K25.7A	2558102050102	Thào A Tra	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2284	30	TC.NNK.K25.7A	2558102050103	Vù Anh Tú	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2285	31	TC.NNK.K25.7A	2558102050104	Lò A Vang	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K25.7B: 23 học sinh										
2286	1	TC.NNK.K25.7B	2558102050105	Vàng Thị A	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2287	2	TC.NNK.K25.7B	2558102050106	Lý Thị Bâu	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2288	3	TC.NNK.K25.7B	2558102050107	Má Thị Cà	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2289	4	TC.NNK.K25.7B	2558102050108	Hạng A Chơ	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2290	5	TC.NNK.K25.7B	2558102050109	Lý A Chung	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2291	6	TC.NNK.K25.7B	2558102050110	Giàng A Giồng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2292	7	TC.NNK.K25.7B	2558102050111	Châu A Hình	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2293	8	TC.NNK.K25.7B	2558102050112	Châu A Hòa	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2294	9	TC.NNK.K25.7B	2558102050113	Lò A Khu	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2295	10	TC.NNK.K25.7B	2558102050114	Vàng A Lề	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2296	11	TC.NNK.K25.7B	2558102050116	Hạng A Lừ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2297	12	TC.NNK.K25.7B	2558102050117	Má Thị Ly	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2298	13	TC.NNK.K25.7B	2558102050120	Hạng A Páo	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2299	14	TC.NNK.K25.7B	2558102050121	Giàng A Pe	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2300	15	TC.NNK.K25.7B	2558102050123	Lò A Phong	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2301	16	TC.NNK.K25.7B	2558102050124	Hạng A Phúc	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2302	17	TC.NNK.K25.7B	2558102050126	Lý A Sáu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2303	18	TC.NNK.K25.7B	2558102050128	Nguyễn Mai Trang	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2304	19	TC.NNK.K25.7B	2558102050129	Giàng A Tùng	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2305	20	TC.NNK.K25.7B	2558102050130	Hạng A Vàng	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2306	21	TC.NNK.K25.7B	2558102050131	Trần Tuấn Việt	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2307	22	TC.NNK.K25.7B	2558102050133	Thào Thị Xáy	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2308	23	TC.NNK.K25.7B	2558102050134	Má Thị Xua	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.6: 15 học sinh										
2309	1	TC.HAN.K24.6	2455201230069	Vàng Tuấn Anh	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2310	2	TC.HAN.K24.6	2455201230071	Ly Công Bình	76	Khá	72	Khá	74	Khá	
2311	3	TC.HAN.K24.6	2455201230072	Trương Chấn Chung	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	
2312	4	TC.HAN.K24.6	2455201230073	Sùng Thị Dìn	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2313	5	TC.HAN.K24.6	2455201230080	Tráng Thính Hiếu	82	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2314	6	TC.HAN.K24.6	2455201230081	Sùng Thị Hoa	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
2315	7	TC.HAN.K24.6	2455201230084	Thào Dền Lợi	78	Khá	76	Khá	77	Khá	
2316	8	TC.HAN.K24.6	2455201230085	Phản Thanh Long	73	Khá	71	Khá	72	Khá	
2317	9	TC.HAN.K24.6	2455201230086	Tráng Thín Mai	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2318	10	TC.HAN.K24.6	2455201230087	Hoàng Duy Mạnh	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
2319	11	TC.HAN.K24.6	2455201230088	Ly Xuân Minh	71	Khá	73	Khá	72	Khá	
2320	12	TC.HAN.K24.6	2455201230091	Vàng Thị Pằng	81	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
2321	13	TC.HAN.K24.6	2455201230099	Vùi Dung Thanh	80	Tốt	84	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2322	14	TC.HAN.K24.6	2455201230101	Vàng Mạnh Thành	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
2323	15	TC.HAN.K24.6	2455201230102	Thào Văn Thương	79	Khá	78	Khá	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.4: 35 học sinh										
2324	1	TC.HAN.K24.4	2455201230015	Giàng Seo Chư	71	Khá	74	Khá	73	Khá	
2325	2	TC.HAN.K24.4	2455201230018	Triệu Chòi Nhất	81	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
2326	3	TC.HAN.K24.4	2455201230019	Thào Seo Phừ	70	Khá	65	Trung bình	68	Trung bình	
2327	4	TC.HAN.K24.4	2455201230023	Thào Seo Sính	77	Khá	55	Trung bình	66	Trung bình	
2328	5	TC.HAN.K24.4	2455201230026	Giàng Minh Tiến	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
2329	6	TC.HAN.K24.4	2455201230031	Giàng Seo Dìn	71	Khá	75	Khá	73	Khá	
2330	7	TC.HAN.K24.4	2455201230034	Giàng Seo Hải	70	Khá	55	Trung bình	63	Trung bình	
2331	8	TC.HAN.K24.4	2455201230035	Sùng Seo Hằng	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2332	9	TC.HAN.K24.4	2455201230036	Châu Seo Hường	77	Khá	55	Trung bình	66	Trung bình	
2333	10	TC.HAN.K24.4	2455201230037	Vàng Đức Khánh	70	Khá	75	Khá	73	Khá	
2334	11	TC.HAN.K24.4	2455201230038	Giàng Seo Lô	79	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
2335	12	TC.HAN.K24.4	2455201230040	Sần Văn Lực	70	Khá	43	Yếu	57	Trung bình	
2336	13	TC.HAN.K24.4	2455201230041	Giàng Seo Páo	86	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2337	14	TC.HAN.K24.4	2455201230042	Vàng Seo Phừ	70	Khá	72	Khá	71	Khá	
2338	15	TC.HAN.K24.4	2455201230043	Ly Seo Quan	86	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
2339	16	TC.HAN.K24.4	2455201230044	Vù Seo Sang	70	Khá	68	Trung bình	69	Trung bình	
2340	17	TC.HAN.K24.4	2455201230045	Lèng Sào Tấn	71	Khá	68	Trung bình	70	Khá	
2341	18	TC.HAN.K24.4	2455201230046	Giàng Seo Tâu	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2342	19	TC.HAN.K24.4	2455201230047	Lâm A Thăng	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2343	20	TC.HAN.K24.4	2455201230048	Giàng Seo Thắng	71	Khá	65	Trung bình	68	Trung bình	
2344	21	TC.HAN.K24.4	2455201230049	Ma Seo Thao	71	Khá	67	Trung bình	69	Trung bình	
2345	22	TC.HAN.K24.4	2455201230050	Triệu Quý Tiến	71	Khá	74	Khá	73	Khá	
2346	23	TC.HAN.K24.4	2455201230051	Vù Seo Tinh	71	Khá	73	Khá	72	Khá	
2347	24	TC.HAN.K24.4	2455201230053	Cháng Mí Vàng	86	Tốt	89	Tốt	88	Tốt	
2348	25	TC.HAN.K24.4	2455201230056	Vàng Seo Hà	70	Khá	67	Trung bình	69	Trung bình	
2349	26	TC.HAN.K24.4	2455201230057	Vàng Văn Long	86	Tốt	70	Khá	78	Khá	
2350	27	TC.HAN.K24.4	2455201230058	Châu Seo Phúc	86	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
2351	28	TC.HAN.K24.4	2455201230059	Sin A Sầu	71	Khá	68	Trung bình	70	Khá	
2352	29	TC.HAN.K24.4	2455201230060	Hàng Seo Sèng	71	Khá	67	Trung bình	69	Trung bình	
2353	30	TC.HAN.K24.4	2455201230061	Giàng Ngọc Trường Sơn	70	Khá	68	Trung bình	69	Trung bình	
2354	31	TC.HAN.K24.4	2455201230062	Lò Seo Xénh	86	Tốt	85	Tốt	86	Tốt	
2355	32	TC.HAN.K24.4	2455201230063	Trương Minh Hiếu	86	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
2356	33	TC.HAN.K24.4	2455201230066	Giàng Seo Thắng	71	Khá	58	Trung bình	65	Trung bình	
2357	34	TC.HAN.K24.4	2455201230067	Lèng Văn Thắng	71	Khá	74	Khá	73	Khá	
2358	35	TC.HAN.K24.4	2455201230068	Triệu Văn Vây	71	Khá	68	Trung bình	70	Khá	
	Lớp Trung cấp Hàn K25.4: 28 học sinh										
2359	1	TC.HAN.K25.4	2555201230040	Ly Seo Công	79	Khá	70	Khá	75	Khá	
2360	2	TC.HAN.K25.4	2555201230041	Ma Anh Cùi	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2361	3	TC.HAN.K25.4	2555201230042	Tần Seo Cường	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2362	4	TC.HAN.K25.4	2555201230043	Sùng Seo Chín	70	Khá	65	Trung bình	68	Trung bình	
2363	5	TC.HAN.K25.4	2555201230044	Vàng Quang Dũng	85	Tốt	75	Khá	80	Tốt	
2364	6	TC.HAN.K25.4	2555201230045	Châu Seo Duy	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2365	7	TC.HAN.K25.4	2555201230046	Ma Văn Hải	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2366	8	TC.HAN.K25.4	2555201230047	Thào Seo Hồ	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2367	9	TC.HAN.K25.4	2555201230048	Trương Văn Hòa	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2368	10	TC.HAN.K25.4	2555201230049	Vàng A Kiên	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2369	11	TC.HAN.K25.4	2555201230050	Sùng A Lai	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2370	12	TC.HAN.K25.4	2555201230051	Lý Lê Lợi	75	Khá	70	Khá	73	Khá	
2371	13	TC.HAN.K25.4	2555201230052	Thào Seo Long	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2372	14	TC.HAN.K25.4	2555201230053	Lý Văn Minh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2373	15	TC.HAN.K25.4	2555201230054	Sùng A Mùa	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2374	16	TC.HAN.K25.4	2555201230056	Vàng Văn Nam	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2375	17	TC.HAN.K25.4	2555201230057	Ngô Văn Nhẫn	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2376	18	TC.HAN.K25.4	2555201230058	Vàng Seo Phà	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2377	19	TC.HAN.K25.4	2555201230059	Thào Seo Phái	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2378	20	TC.HAN.K25.4	2555201230060	Vàng Seo Phong	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2379	21	TC.HAN.K25.4	2555201230061	Giàng Seo Phổng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2380	22	TC.HAN.K25.4	2555201230062	Vàng Seo Phừ	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2381	23	TC.HAN.K25.4	2555201230063	Vàng Seo Quáng	72	Khá	70	Khá	71	Khá	
2382	24	TC.HAN.K25.4	2555201230064	Tráng Seo Sần	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2383	25	TC.HAN.K25.4	2555201230065	Sùng Seo Sanh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2384	26	TC.HAN.K25.4	2555201230066	Hàng Seo Say	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2385	27	TC.HAN.K25.4	2555201230067	Sùng Seo Sêng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2386	28	TC.HAN.K25.4	2555201230071	Giàng Seo Tuấn	60	Trung bình	80	Tốt	70	Khá	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn K24.4: 41 học sinh										
2387	1	TC.NNK.K24.4	2458102050099	Giàng Thị Cánh	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2388	2	TC.NNK.K24.4	2458102050100	Cử Thị Chùa	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2389	3	TC.NNK.K24.4	2458102050101	Vàng Thị Kim Dung	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2390	4	TC.NNK.K24.4	2458102050103	Lâm Phương Linh	78	Khá	75	Khá	77	Khá	
2391	5	TC.NNK.K24.4	2458102050104	Lò Seo Măng	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2392	6	TC.NNK.K24.4	2458102050105	Vàng Thị Ngát	72	Khá	70	Khá	71	Khá	
2393	7	TC.NNK.K24.4	2458102050106	Vàng Thị Thanh Phương	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2394	8	TC.NNK.K24.4	2458102050107	Sùng Seo Sanh	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2395	9	TC.NNK.K24.4	2458102050109	Trương Việt Thành	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2396	10	TC.NNK.K24.4	2458102050110	Vù Xuân Trắng	70	Khá	75	Khá	73	Khá	
2397	11	TC.NNK.K24.4	2458102050112	Ma Thị Lan Anh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2398	12	TC.NNK.K24.4	2458102050113	Cử Thị Châu	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2399	13	TC.NNK.K24.4	2458102050114	Lục Tứ Chức	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2400	14	TC.NNK.K24.4	2458102050115	Vàng Tiến Đạt	60	Trung bình	60	Trung bình	60	Trung bình	
2401	15	TC.NNK.K24.4	2458102050116	Lùng Văn Đình	75	Khá	62	Trung bình	69	Trung bình	
2402	16	TC.NNK.K24.4	2458102050118	Hoàng Thị Gương	82	Tốt	75	Khá	79	Khá	
2403	17	TC.NNK.K24.4	2458102050119	Thên Thị Hạnh	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2404	18	TC.NNK.K24.4	2458102050120	Triệu Xuân Hiếu	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2405	19	TC.NNK.K24.4	2458102050121	Lý Việt Hiếu	75	Khá	60	Trung bình	68	Trung bình	
2406	20	TC.NNK.K24.4	2458102050123	Thào Seo Hồng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2407	21	TC.NNK.K24.4	2458102050124	Nguyễn Hữu Hưng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2408	22	TC.NNK.K24.4	2458102050126	Hoàng Thị Loan	78	Khá	78	Khá	78	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2409	23	TC.NNK.K24.4	2458102050127	Triệu Quang Lực	65	Trung bình	60	Trung bình	63	Trung bình	
2410	24	TC.NNK.K24.4	2458102050128	Lù Thị Mai	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2411	25	TC.NNK.K24.4	2458102050129	Triệu Phúc Quang	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2412	26	TC.NNK.K24.4	2458102050131	Sùng Thị Sờ	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2413	27	TC.NNK.K24.4	2458102050132	Lềng Văn Thiều	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
2414	28	TC.NNK.K24.4	2458102050133	Giàng A Tính	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2415	29	TC.NNK.K24.4	2458102050134	Liều Văn Tinh	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2416	30	TC.NNK.K24.4	2458102050137	Giàng Seo Viên	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2417	31	TC.NNK.K24.4	2458102050138	Lý Văn Cường	60	Trung bình	60	Trung bình	60	Trung bình	
2418	32	TC.NNK.K24.4	2458102050139	Giàng Seo Cường	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2419	33	TC.NNK.K24.4	2458102050140	Ma Seo Đông	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2420	34	TC.NNK.K24.4	2458102050141	Sùng Seo Giàng	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2421	35	TC.NNK.K24.4	2458102050142	Lù Thị Hiếu	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2422	36	TC.NNK.K24.4	2458102050144	Lù Thị Lưu	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2423	37	TC.NNK.K24.4	2458102050145	Vàng Thị Như	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2424	38	TC.NNK.K24.4	2458102050147	Giàng A Sử	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2425	39	TC.NNK.K24.4	2458102050149	Thào Văn Vần	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2426	40	TC.NNK.K24.4	2458102050150	Triệu Tài Lợi	72	Khá	70	Khá	71	Khá	
2427	41	TC.NNK.K24.4	2458102050151	Phạm Anh Thư	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.4: 33 học sinh										
2428	1	TC.KXD K24.4	2455802010116	Vù Seo Hành	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2429	2	TC.KXD K24.4	2455802010117	Vàng Văn Hoàng	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2430	3	TC.KXD K24.4	2455802010119	Ly Seo Long	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2431	4	TC.KXD K24.4	2455802010120	Vù Văn Minh	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2432	5	TC.KXD K24.4	2455802010121	Giàng Seo Phùng	90	Xuất sắc	81	Tốt	86	Tốt	
2433	6	TC.KXD K24.4	2455802010124	Vàng Seo Vàng	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2434	7	TC.KXD K24.4	2455802010126	Ly Văn Chiến	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2435	8	TC.KXD K24.4	2455802010128	Giàng Thị Cờ	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2436	9	TC.KXD K24.4	2455802010130	Ma Seo Đông	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2437	10	TC.KXD K24.4	2455802010131	Giàng Seo Hải	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
2438	11	TC.KXD K24.4	2455802010132	Ly Hùng Hải	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2439	12	TC.KXD K24.4	2455802010133	Vàng Thị Huyền	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2440	13	TC.KXD K24.4	2455802010134	Thào Quốc Khánh	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2441	14	TC.KXD K24.4	2455802010135	Vàng Quốc Khánh	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2442	15	TC.KXD K24.4	2455802010138	Giàng A Nhè	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2443	16	TC.KXD K24.4	2455802010139	Vàng Thị Nhung	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2444	17	TC.KXD K24.4	2455802010140	Lồ Seo Nô	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2445	18	TC.KXD K24.4	2455802010143	Giàng Seo Phong	84	Tốt	84	Tốt	84	Tốt	
2446	19	TC.KXD K24.4	2455802010144	Giàng Seo Phong	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
2447	20	TC.KXD K24.4	2455802010146	Giàng Seo Sà	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2448	21	TC.KXD K24.4	2455802010147	Sùng Seo Sủ	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2449	22	TC.KXD K24.4	2455802010151	Sùng Văn Thực	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2450	23	TC.KXD K24.4	2455802010152	Ly Văn Tiên	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2451	24	TC.KXD K24.4	2455802010154	Cư Seo Vần	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2452	25	TC.KXD K24.4	2455802010155	Tráng Seo Chô	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2453	26	TC.KXD K24.4	2455802010156	Giàng Cùi Thu Hà	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2454	27	TC.KXD K24.4	2455802010157	Thào Seo Hòa	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2455	28	TC.KXD K24.4	2455802010158	Vàng A Khánh	87	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2456	29	TC.KXD K24.4	2455802010159	Ma Seo Khóa	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2457	30	TC.KXD K24.4	2455802010162	Hoàng Văn Thức	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2458	31	TC.KXD K24.4	2455802010163	Tráng A Tú	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
2459	32	TC.KXD K24.4	2455802010164	Thào Thị Hồng Yên	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2460	33	TC.KXD K24.4	2455802010166	Giàng Seo Phú	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.4: 41 học sinh										
2461	1	TC.NCC.K24.4	2456201310045	Sùng Seo Giồng	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2462	2	TC.NCC.K24.4	2456201310046	Thào Thị Phương Lan	96	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2463	3	TC.NCC.K24.4	2456201310047	Giàng Seo Nguyên	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2464	4	TC.NCC.K24.4	2456201310048	Giàng Sĩ Phương	96	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2465	5	TC.NCC.K24.4	2456201310049	Vàng Seo Sà	96	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2466	6	TC.NCC.K24.4	2456201310050	Giàng Seo Sánh	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2467	7	TC.NCC.K24.4	2456201310052	Lý Thị Tha	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
2468	8	TC.NCC.K24.4	2456201310053	Giàng Văn Thành	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2469	9	TC.NCC.K24.4	2456201310054	Thào Khải Thịnh	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2470	10	TC.NCC.K24.4	2456201310055	Vù Xuân Trường	78	Khá	76	Khá	77	Khá	
2471	11	TC.NCC.K24.4	2456201310056	Thào A Vàng	76	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
2472	12	TC.NCC.K24.4	2456201310057	Hầu Seo Áo	90	Xuất sắc	80	Tốt	85	Tốt	
2473	13	TC.NCC.K24.4	2456201310058	Giàng Seo Chơ	82	Tốt	80	Tốt	81	Tốt	
2474	14	TC.NCC.K24.4	2456201310059	Lâm Thị Chuyển	96	Xuất sắc	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2475	15	TC.NCC.K24.4	2456201310063	Lý Thị Dín	92	Xuất sắc	88	Tốt	90	Xuất sắc	
2476	16	TC.NCC.K24.4	2456201310065	Vàng Seo Dung	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2477	17	TC.NCC.K24.4	2456201310066	Vàng Seo Đông	89	Tốt	85	Tốt	87	Tốt	
2478	18	TC.NCC.K24.4	2456201310068	Hoàng Văn Hiếu	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
2479	19	TC.NCC.K24.4	2456201310070	Giàng Sào Hội	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
2480	20	TC.NCC.K24.4	2456201310071	Sần Xuân Khánh	85	Tốt	76	Khá	81	Tốt	
2481	21	TC.NCC.K24.4	2456201310072	Lý Thị Lan	92	Xuất sắc	88	Tốt	90	Xuất sắc	
2482	22	TC.NCC.K24.4	2456201310073	Thào Minh Lữ	96	Xuất sắc	82	Tốt	89	Tốt	
2483	23	TC.NCC.K24.4	2456201310075	Cư Văn Nam	94	Xuất sắc	80	Tốt	87	Tốt	
2484	24	TC.NCC.K24.4	2456201310076	Thào Thị Nga	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
2485	25	TC.NCC.K24.4	2456201310077	Giàng Văn Phong	94	Xuất sắc	80	Tốt	87	Tốt	
2486	26	TC.NCC.K24.4	2456201310079	Vàng Seo Sáng	70	Khá	83	Tốt	77	Khá	
2487	27	TC.NCC.K24.4	2456201310081	Sùng A Sơn	90	Xuất sắc	93	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
2488	28	TC.NCC.K24.4	2456201310083	Vàng Seo Thành	96	Xuất sắc	82	Tốt	89	Tốt	
2489	29	TC.NCC.K24.4	2456201310085	Giàng Seo Trùa	78	Khá	83	Tốt	81	Tốt	
2490	30	TC.NCC.K24.4	2456201310087	Vàng Anh Tuấn	87	Tốt	91	Xuất sắc	89	Tốt	
2491	31	TC.NCC.K24.4	2456201310088	Giàng Quang Vinh	92	Xuất sắc	93	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2492	32	TC.NCC.K24.4	2456201310090	Thào Thái Bình	89	Tốt	80	Tốt	85	Tốt	
2493	33	TC.NCC.K24.4	2456201310091	Vù Seo Chính	90	Xuất sắc	80	Tốt	85	Tốt	
2494	34	TC.NCC.K24.4	2456201310092	Sùng Thị Hàng	96	Xuất sắc	80	Tốt	88	Tốt	
2495	35	TC.NCC.K24.4	2456201310093	Vù Seo Hiền	95	Xuất sắc	80	Tốt	88	Tốt	
2496	36	TC.NCC.K24.4	2456201310094	Giàng Thị Liên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2497	37	TC.NCC.K24.4	2456201310095	Lý Thị Ly	96	Xuất sắc	87	Tốt	92	Xuất sắc	
2498	38	TC.NCC.K24.4	2456201310096	Vàng Văn Mạnh	92	Xuất sắc	87	Tốt	90	Xuất sắc	
2499	39	TC.NCC.K24.4	2456201310097	Lý A Quang	87	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2500	40	TC.NCC.K24.4	2456201310098	Giàng Seo Thầy	88	Tốt	78	Khá	83	Tốt	
2501	41	TC.NCC.K24.4	2456201310099	Vàng Seo Thiên	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6A: 23 học sinh										
2502	1	TC.KXD.K24.6A	2455802010041	Hoàng Kỳ Anh	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2503	2	TC.KXD.K24.6A	2455802010045	Ma Cồ Diu	79	Khá	76	Khá	78	Khá	
2504	3	TC.KXD.K24.6A	2455802010048	Tráng Quán Dũng	79	Khá	74	Khá	77	Khá	
2505	4	TC.KXD.K24.6A	2455802010049	Giàng Quảng Dũng	79	Khá	76	Khá	78	Khá	
2506	5	TC.KXD.K24.6A	2455802010050	Vàng Chấn Duy	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2507	6	TC.KXD.K24.6A	2455802010052	Nghề Thùy Duyên	88	Tốt	76	Khá	82	Tốt	
2508	7	TC.KXD.K24.6A	2455802010054	Lù Thị Hành	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
2509	8	TC.KXD.K24.6A	2455802010055	Vàng Đức Hiệp	79	Khá	70	Khá	75	Khá	
2510	9	TC.KXD.K24.6A	2455802010057	Phan Minh Học	79	Khá	88	Tốt	84	Tốt	
2511	10	TC.KXD.K24.6A	2455802010058	Giàng Sào Hương	89	Tốt	76	Khá	83	Tốt	
2512	11	TC.KXD.K24.6A	2455802010061	Lù Thị Tuyết Khoa	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2513	12	TC.KXD.K24.6A	2455802010062	Lù Thị Khôi	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2514	13	TC.KXD.K24.6A	2455802010063	Lù Hoàng Lập	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2515	14	TC.KXD.K24.6A	2455802010064	Phu Văn Liêm	78	Khá	88	Tốt	83	Tốt	
2516	15	TC.KXD.K24.6A	2455802010066	Hoàng Quang Minh	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	
2517	16	TC.KXD.K24.6A	2455802010068	Tráng Thị Mỹ	78	Khá	74	Khá	76	Khá	
2518	17	TC.KXD.K24.6A	2455802010069	Lùng Tiến Nhân	78	Khá	88	Tốt	83	Tốt	
2519	18	TC.KXD.K24.6A	2455802010071	Ly Kiều Oanh	89	Tốt	77	Khá	83	Tốt	
2520	19	TC.KXD.K24.6A	2455802010073	Ma Seo Phong	90	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	
2521	20	TC.KXD.K24.6A	2455802010074	Giàng Seo Phử	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2522	21	TC.KXD.K24.6A	2455802010075	Giàng Seo Pin	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
2523	22	TC.KXD.K24.6A	2455802010076	Thần Sử Quyết	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
2524	23	TC.KXD.K24.6A	2455802010077	Ma Văn Quyết	89	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6B: 20 học sinh										
2525	1	TC.KXD.K24.6B	2455802010078	Sùng Văn Bình	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
2526	2	TC.KXD.K24.6B	2455802010079	Sì Xuân Hiếu	88	Tốt	90	Xuất sắc	89	Tốt	
2527	3	TC.KXD.K24.6B	2455802010081	Ly Xuân Nhà	90	Xuất sắc	74	Khá	82	Tốt	
2528	4	TC.KXD.K24.6B	2455802010083	Tráng Thín Phà	89	Tốt	76	Khá	83	Tốt	
2529	5	TC.KXD.K24.6B	2455802010084	Tráng Văn Quân	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
2530	6	TC.KXD.K24.6B	2455802010085	Tráng Phùng Quyền	90	Xuất sắc	76	Khá	83	Tốt	
2531	7	TC.KXD.K24.6B	2455802010087	Sì Dương Quỳnh	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
2532	8	TC.KXD.K24.6B	2455802010088	Tráng Seo Sài	90	Xuất sắc	70	Khá	80	Tốt	
2533	9	TC.KXD.K24.6B	2455802010089	Thào Văn Sèng	79	Khá	78	Khá	79	Khá	
2534	10	TC.KXD.K24.6B	2455802010090	Cư A Sủ	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
2535	11	TC.KXD.K24.6B	2455802010091	Cư Chấn Sùng	90	Xuất sắc	86	Tốt	88	Tốt	
2536	12	TC.KXD.K24.6B	2455802010094	Tráng Thị Thanh	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
2537	13	TC.KXD.K24.6B	2455802010096	Sùng Duyên Thành	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2538	14	TC.KXD.K24.6B	2455802010098	Vàng Văn Thành	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
2539	15	TC.KXD.K24.6B	2455802010099	Thào Thủy	78	Khá	85	Tốt	82	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2540	16	TC.KXD.K24.6B	2455802010100	Ly Văn Tiến	78	Khá	90	Xuất sắc	84	Tốt	
2541	17	TC.KXD.K24.6B	2455802010101	Sùng Thanh Toàn	89	Tốt	58	Trung bình	74	Khá	
2542	18	TC.KXD.K24.6B	2455802010103	Phản Thị Huyền Trang	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2543	19	TC.KXD.K24.6B	2455802010104	Sùng A Tuấn	90	Xuất sắc	89	Tốt	90	Xuất sắc	
2544	20	TC.KXD.K24.6B	2455802010105	Ly Thị Tươi	90	Xuất sắc	84	Tốt	87	Tốt	
	Lớp Trung cấp Thú y K24.6: 13 học sinh										
2545	1	TC.THY.K24.6	2456401010001	Vàng Chí Bình	72	Khá	81	Tốt	77	Khá	
2546	2	TC.THY.K24.6	2456401010004	Tráng Khải Chấn	75	Khá	82	Tốt	79	Khá	
2547	3	TC.THY.K24.6	2456401010005	Ly Seo Châu	92	Xuất sắc	96	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
2548	4	TC.THY.K24.6	2456401010006	Giàng Thị Chư	95	Xuất sắc	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
2549	5	TC.THY.K24.6	2456401010008	Thào Thị Dương	98	Xuất sắc	97	Xuất sắc	98	Xuất sắc	
2550	6	TC.THY.K24.6	2456401010011	Sùng Thị Hoa	70	Khá	82	Tốt	76	Khá	
2551	7	TC.THY.K24.6	2456401010015	Hoàng Duy Lực	75	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
2552	8	TC.THY.K24.6	2456401010016	Thào Khải Lương	71	Khá	83	Tốt	77	Khá	
2553	9	TC.THY.K24.6	2456401010018	Lý Duy Mạnh	74	Khá	86	Tốt	80	Tốt	
2554	10	TC.THY.K24.6	2456401010020	Lù Sùn Ôn	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
2555	11	TC.THY.K24.6	2456401010021	Tráng Thín Quang	73	Khá	82	Tốt	78	Khá	
2556	12	TC.THY.K24.6	2456401010028	Sùng Văn Trường	75	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
2557	13	TC.THY.K24.6	2456401010031	Thào Thị Dung Xoa	73	Khá	85	Tốt	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Điện nước K24.6: 19 học sinh										
2558	1	TC.ĐNU.K24.6	2455802120001	Ma Hồng Chiến	94	Xuất sắc	96	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2559	2	TC.ĐNU.K24.6	2455802120002	Sùng Chí Cường	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2560	3	TC.ĐNU.K24.6	2455802120003	Vàng Xuân Cường	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
2561	4	TC.ĐNU.K24.6	2455802120004	Thào Dín	95	Xuất sắc	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
2562	5	TC.ĐNU.K24.6	2455802120006	Thào Thị Giang	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
2563	6	TC.ĐNU.K24.6	2455802120007	Tráng Seo Hằng	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2564	7	TC.ĐNU.K24.6	2455802120008	Giàng Thị Hiên	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2565	8	TC.ĐNU.K24.6	2455802120009	Châu Trung Hiếu	78	Khá	84	Tốt	81	Tốt	
2566	9	TC.ĐNU.K24.6	2455802120010	Hoàng Thu Hoài	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
2567	10	TC.ĐNU.K24.6	2455802120011	Giàng Mạnh Hồng	77	Khá	86	Tốt	82	Tốt	
2568	11	TC.ĐNU.K24.6	2455802120013	Lùng Chung Lanh	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
2569	12	TC.ĐNU.K24.6	2455802120018	Pờ Tà Nguyệt	76	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
2570	13	TC.ĐNU.K24.6	2455802120019	Châu A Phìn	86	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
2571	14	TC.ĐNU.K24.6	2455802120020	Giàng A Sài	75	Khá	73	Khá	74	Khá	
2572	15	TC.ĐNU.K24.6	2455802120022	Thào Văn Sơn	73	Khá	95	Xuất sắc	84	Tốt	
2573	16	TC.ĐNU.K24.6	2455802120023	Giàng Văn Thắng	91	Xuất sắc	94	Xuất sắc	93	Xuất sắc	
2574	17	TC.ĐNU.K24.6	2455802120024	Giàng Thanh	92	Xuất sắc	78	Khá	85	Tốt	
2575	18	TC.ĐNU.K24.6	2455802120025	Lò Sào Thề	93	Xuất sắc	96	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2576	19	TC.ĐNU.K24.6	2455802120028	Giàng Sào Tờ	75	Khá	79	Khá	77	Khá	
	Lớp Trung cấp Điện nước K25.6: 24 học sinh										
2577	1	TC.ĐNU.K25.6	2555802120001	Sùng Dìn Bình	72	Khá	81	Tốt	77	Khá	
2578	2	TC.ĐNU.K25.6	2555802120002	Lò Khải Chống	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
2579	3	TC.ĐNU.K25.6	2555802120003	Vàng Seo Chứ	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2580	4	TC.ĐNU.K25.6	2555802120005	Sin Văn Đô	78	Khá	82	Tốt	80	Tốt	
2581	5	TC.ĐNU.K25.6	2555802120006	Lò Seo Đường	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2582	6	TC.ĐNU.K25.6	2555802120007	Sùng Văn Hải	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2583	7	TC.ĐNU.K25.6	2555802120008	Ly Văn Hải	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2584	8	TC.ĐNU.K25.6	2555802120009	Ly Thín Hồng	81	Tốt	81	Tốt	81	Tốt	
2585	9	TC.ĐNU.K25.6	2555802120010	Ly Văn Hồng	76	Khá	76	Khá	76	Khá	
2586	10	TC.ĐNU.K25.6	2555802120011	Vàng Phà Kháng	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
2587	11	TC.ĐNU.K25.6	2555802120013	Lùng Duyên Liêm	75	Khá	73	Khá	74	Khá	
2588	12	TC.ĐNU.K25.6	2555802120014	Thào Seo Long	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	96	Xuất sắc	
2589	13	TC.ĐNU.K25.6	2555802120015	Tần Văn Minh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2590	14	TC.ĐNU.K25.6	2555802120016	Phùng Thế Nam	70	Khá	95	Xuất sắc	83	Tốt	
2591	15	TC.ĐNU.K25.6	2555802120018	Ly Seo Pao	71	Khá	71	Khá	71	Khá	
2592	16	TC.ĐNU.K25.6	2555802120019	Lù Viễn Phong	74	Khá	84	Tốt	79	Khá	
2593	17	TC.ĐNU.K25.6	2555802120020	Thào Quang Phú	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
2594	18	TC.ĐNU.K25.6	2555802120021	Giàng Seo Sềng	73	Khá	75	Khá	74	Khá	
2595	19	TC.ĐNU.K25.6	2555802120022	Tráng Mìn Sơn	97	Xuất sắc	97	Xuất sắc	97	Xuất sắc	
2596	20	TC.ĐNU.K25.6	2555802120023	Sùng Xuân Sơn	75	Khá	78	Khá	77	Khá	
2597	21	TC.ĐNU.K25.6	2555802120024	Ly Sín Thảng	73	Khá	76	Khá	75	Khá	
2598	22	TC.ĐNU.K25.6	2555802120025	Thào Văn Thảng	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
2599	23	TC.ĐNU.K25.6	2555802120026	Giàng Chấn Thanh	75	Khá	78	Khá	77	Khá	
2600	24	TC.ĐNU.K25.6	2555802120027	Vàng Seo Thên	83	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K25.4: 32 học sinh										
2601	1	TC.KXD.K25.4	2555802010001	Vàng Seo An	96	Xuất sắc	76	Khá	86	Tốt	
2602	2	TC.KXD.K25.4	2555802010002	Đặng Hùng Anh	89	Tốt	75	Khá	82	Tốt	
2603	3	TC.KXD.K25.4	2555802010003	Lò Seo Chá	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
2604	4	TC.KXD.K25.4	2555802010004	Triệu Ton Chín	84	Tốt	74	Khá	79	Khá	
2605	5	TC.KXD.K25.4	2555802010005	Thào A Chinh	96	Xuất sắc	72	Khá	84	Tốt	
2606	6	TC.KXD.K25.4	2555802010006	Triệu Hiệu Chiu	96	Xuất sắc	92	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
2607	7	TC.KXD.K25.4	2555802010009	Thào Seo Din	89	Tốt	86	Tốt	88	Tốt	
2608	8	TC.KXD.K25.4	2555802010010	Vàng Seo Dơ	86	Tốt	76	Khá	81	Tốt	
2609	9	TC.KXD.K25.4	2555802010011	Bàn Xuân Đồng	75	Khá	62	Trung bình	69	Trung bình	
2610	10	TC.KXD.K25.4	2555802010012	Vàng Seo Dung	96	Xuất sắc	80	Tốt	88	Tốt	
2611	11	TC.KXD.K25.4	2555802010013	Lý Văn Hà	88	Tốt	73	Khá	81	Tốt	
2612	12	TC.KXD.K25.4	2555802010014	Vàng Seo Hà	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
2613	13	TC.KXD.K25.4	2555802010015	Giàng Văn Hải	88	Tốt	77	Khá	83	Tốt	
2614	14	TC.KXD.K25.4	2555802010016	Thào Seo Khái	85	Tốt	79	Khá	82	Tốt	
2615	15	TC.KXD.K25.4	2555802010017	Sùng Quốc Khánh	89	Tốt	82	Tốt	86	Tốt	
2616	16	TC.KXD.K25.4	2555802010018	Sùng Seo Khánh	88	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2617	17	TC.KXD.K25.4	2555802010019	Vàng A Lềng	72	Khá	72	Khá	72	Khá	
2618	18	TC.KXD.K25.4	2555802010023	Lù Xa Mừng	94	Xuất sắc	78	Khá	86	Tốt	
2619	19	TC.KXD.K25.4	2555802010024	Hàng Seo Phừ	96	Xuất sắc	80	Tốt	88	Tốt	
2620	20	TC.KXD.K25.4	2555802010026	Lý Seo Quỳnh	91	Xuất sắc	76	Khá	84	Tốt	
2621	21	TC.KXD.K25.4	2555802010027	Ly Seo Sênh	96	Xuất sắc	62	Trung bình	79	Khá	
2622	22	TC.KXD.K25.4	2555802010028	Giàng Seo Sờ	92	Xuất sắc	89	Tốt	91	Xuất sắc	
2623	23	TC.KXD.K25.4	2555802010029	Giàng Seo Sơn	89	Tốt	78	Khá	84	Tốt	
2624	24	TC.KXD.K25.4	2555802010030	Lâm Đức Thái	89	Tốt	68	Trung bình	79	Khá	
2625	25	TC.KXD.K25.4	2555802010031	Vàng Seo Thảng	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2626	26	TC.KXD.K25.4	2555802010033	Vàng Văn Trung	90	Xuất sắc	79	Khá	85	Tốt	
2627	27	TC.KXD.K25.4	2555802010034	Vàng A Tú	94	Xuất sắc	78	Khá	86	Tốt	
2628	28	TC.KXD.K25.4	2555802010035	Bàn Thừa Vãng	85	Tốt	92	Xuất sắc	89	Tốt	
2629	29	TC.KXD.K25.4	2555802010036	Giàng Văn Vãng	96	Xuất sắc	82	Tốt	89	Tốt	
2630	30	TC.KXD.K25.4	2555802010037	Triệu Văn Vãng	88	Tốt	76	Khá	82	Tốt	
2631	31	TC.KXD.K25.4	2555802010038	Nguyễn Trọng Ban	92	Xuất sắc	78	Khá	85	Tốt	
2632	32	TC.KXD.K25.4	2555802010039	Nguyễn Ngọc Nam	93	Xuất sắc	79	Khá	86	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.4: 33 học sinh										
2633	1	TC.KXD.K24.4	2455802010116	Vù Seo Hành	81	Tốt	76	Khá	79	Khá	
2634	2	TC.KXD.K24.4	2455802010117	Vàng Văn Hoàng	82	Tốt	75	Khá	79	Khá	
2635	3	TC.KXD.K24.4	2455802010119	Ly Seo Long	90	Xuất sắc	82	Tốt	86	Tốt	
2636	4	TC.KXD.K24.4	2455802010120	Vù Văn Minh	90	Xuất sắc	74	Khá	82	Tốt	
2637	5	TC.KXD.K24.4	2455802010121	Giàng Seo Phùng	90	Xuất sắc	72	Khá	81	Tốt	
2638	6	TC.KXD.K24.4	2455802010124	Vàng Seo Vãng	83	Tốt	92	Xuất sắc	88	Tốt	
2639	7	TC.KXD.K24.4	2455802010126	Ly Văn Chiến	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2640	8	TC.KXD.K24.4	2455802010128	Giàng Thị Cờ	90	Xuất sắc	76	Khá	83	Tốt	
2641	9	TC.KXD.K24.4	2455802010130	Ma Seo Đông	84	Tốt	62	Trung bình	73	Khá	
2642	10	TC.KXD.K24.4	2455802010131	Giàng Seo Hải	74	Khá	80	Tốt	77	Khá	
2643	11	TC.KXD.K24.4	2455802010132	Ly Hùng Hải	82	Tốt	73	Khá	78	Khá	
2644	12	TC.KXD.K24.4	2455802010133	Vàng Thị Huyền	88	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
2645	13	TC.KXD.K24.4	2455802010134	Thào Quốc Khánh	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
2646	14	TC.KXD.K24.4	2455802010135	Vàng Quốc Khánh	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
2647	15	TC.KXD.K24.4	2455802010138	Giàng A Nhè	88	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
2648	16	TC.KXD.K24.4	2455802010139	Vàng Thị Nhung	88	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2649	17	TC.KXD.K24.4	2455802010140	Lò Seo Nô	88	Tốt	72	Khá	80	Tốt	
2650	18	TC.KXD.K24.4	2455802010143	Giàng Seo Phong	84	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
2651	19	TC.KXD.K24.4	2455802010144	Giàng Seo Phong	74	Khá	80	Tốt	77	Khá	
2652	20	TC.KXD.K24.4	2455802010146	Giàng Seo Sà	88	Tốt	76	Khá	82	Tốt	
2653	21	TC.KXD.K24.4	2455802010147	Sùng Seo Sủ	78	Khá	62	Trung bình	70	Khá	
2654	22	TC.KXD.K24.4	2455802010151	Sùng Văn Thực	78	Khá	89	Tốt	84	Tốt	
2655	23	TC.KXD.K24.4	2455802010152	Ly Văn Tiên	90	Xuất sắc	78	Khá	84	Tốt	
2656	24	TC.KXD.K24.4	2455802010154	Cư Seo Vản	88	Tốt	68	Trung bình	78	Khá	
2657	25	TC.KXD.K24.4	2455802010155	Tráng Seo Chô	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
2658	26	TC.KXD.K24.4	2455802010156	Giàng Cùi Thu Hà	88	Tốt	79	Khá	84	Tốt	
2659	27	TC.KXD.K24.4	2455802010157	Thào Seo Hòa	83	Tốt	78	Khá	81	Tốt	
2660	28	TC.KXD.K24.4	2455802010158	Vàng A Khánh	87	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2661	29	TC.KXD.K24.4	2455802010159	Ma Seo Khóa	88	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
2662	30	TC.KXD.K24.4	2455802010162	Hoàng Văn Thức	78	Khá	76	Khá	77	Khá	
2663	31	TC.KXD.K24.4	2455802010163	Tráng A Tú	74	Khá	74	Khá	74	Khá	
2664	32	TC.KXD.K24.4	2455802010164	Thào Thị Hồng Yên	90	Xuất sắc	78	Khá	84	Tốt	
2665	33	TC.KXD.K24.4	2455802010166	Giàng Seo Phú	78	Khá	79	Khá	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y K24.8: 29 học sinh										
2666	1	TC.CNY.K24.8	2456201190002	Giàng Thị Bầu	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
2667	2	TC.CNY.K24.8	2456201190003	Giàng A Bình	72	Khá	85	Tốt	79	Khá	
2668	3	TC.CNY.K24.8	2456201190007	Giàng Thị Dế	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2669	4	TC.CNY.K24.8	2456201190008	Thào Thanh Duyên	70	Khá	86	Tốt	78	Khá	
2670	5	TC.CNY.K24.8	2456201190009	Cư Thị Duyên	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
2671	6	TC.CNY.K24.8	2456201190012	Giàng A Hải	88	Tốt	84	Tốt	86	Tốt	
2672	7	TC.CNY.K24.8	2456201190014	Sùng Thanh Hòa	77	Khá	85	Tốt	81	Tốt	
2673	8	TC.CNY.K24.8	2456201190015	Cư Seo Hùng	78	Khá	78	Khá	78	Khá	
2674	9	TC.CNY.K24.8	2456201190016	Lùng Văn Huy	86	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2675	10	TC.CNY.K24.8	2456201190018	Giàng Thị Ly	88	Tốt	75	Khá	82	Tốt	
2676	11	TC.CNY.K24.8	2456201190019	Giàng Thị Ly	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2677	12	TC.CNY.K24.8	2456201190021	Vừ Thị Mùa	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
2678	13	TC.CNY.K24.8	2456201190022	Giàng A Ngọc	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
2679	14	TC.CNY.K24.8	2456201190024	Giàng A Phòng	80	Tốt	83	Tốt	82	Tốt	
2680	15	TC.CNY.K24.8	2456201190026	Thào A Phúc	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2681	16	TC.CNY.K24.8	2456201190025	Ly A Phừ	80	Tốt	77	Khá	79	Khá	
2682	17	TC.CNY.K24.8	2456201190027	Giàng Thị Thu Phương	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2683	18	TC.CNY.K24.8	2456201190029	Ly Thị Ngọc Phương	90	Xuất sắc	88	Tốt	89	Tốt	
2684	19	TC.CNY.K24.8	2456201190030	Giàng A Quảng	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2685	20	TC.CNY.K24.8	2456201190032	Giàng Thiên Sơn	85	Tốt	78	Khá	82	Tốt	
2686	21	TC.CNY.K24.8	2456201190033	Vàng Thị Súa	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2687	22	TC.CNY.K24.8	2456201190034	Sùng Thị Súng	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2688	23	TC.CNY.K24.8	2456201190037	Ly Xuân Thành	75	Khá	75	Khá	75	Khá	
2689	24	TC.CNY.K24.8	2456201190035	Giàng A Thắng	79	Khá	80	Tốt	80	Tốt	
2690	25	TC.CNY.K24.8	2456201190038	Thào A Văn	69	Trung bình	70	Khá	70	Khá	
2691	26	TC.CNY.K24.8	2456201190039	Thắng Xuân Vinh	75	Khá	85	Tốt	80	Tốt	
2692	27	TC.CNY.K24.8	2456201190040	Giàng Thị Xua	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2693	28	TC.CNY.K24.8	2456201190041	Ly Seo Xuân	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2694	29	TC.CNY.K24.8	2456201190042	Giàng A Xuyên	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Trung cấp Thú y K25.8: 30 học sinh										
2695	1	TC.THY.K25.8	2556401010001	Sùng Văn Chính	88	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2696	2	TC.THY.K25.8	2556401010002	Giàng Seo Chú	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2697	3	TC.THY.K25.8	2556401010003	Ly Mạnh Cường	86	Tốt	77	Khá	82	Tốt	
2698	4	TC.THY.K25.8	2556401010004	Giàng A Đại	75	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
2699	5	TC.THY.K25.8	2556401010005	Giàng A Dận	87	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
2700	6	TC.THY.K25.8	2556401010006	Hầu Seo Dể	86	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
2701	7	TC.THY.K25.8	2556401010007	Cư Thị Chở	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2702	8	TC.THY.K25.8	2556401010008	Ly Quang Hồng	82	Tốt	82	Tốt	82	Tốt	
2703	9	TC.THY.K25.8	2556401010009	Đặng Phi Hùng	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2704	10	TC.THY.K25.8	2556401010010	Hàng Minh Hữu	77	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
2705	11	TC.THY.K25.8	2556401010011	Ma Seo Huy	83	Tốt	85	Tốt	84	Tốt	
2706	12	TC.THY.K25.8	2556401010013	Giàng Đức Minh	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
2707	13	TC.THY.K25.8	2556401010014	Hồ A Mùa	71	Khá	65	Trung bình	68	Trung bình	
2708	14	TC.THY.K25.8	2556401010015	Sùng Thị Pằng Mỹ	89	Tốt	88	Tốt	89	Tốt	
2709	15	TC.THY.K25.8	2556401010016	Thào Seo Phệnh	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
2710	16	TC.THY.K25.8	2556401010017	Tráng Trường Phong	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2711	17	TC.THY.K25.8	2556401010018	Thào A Phương	85	Tốt	76	Khá	81	Tốt	
2712	18	TC.THY.K25.8	2556401010019	Giàng Thanh Phương	75	Khá	74	Khá	75	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2713	19	TC.THY.K25.8	2556401010020	Giàng Văn Quý	82	Tốt	78	Khá	80	Tốt	
2714	20	TC.THY.K25.8	2556401010021	Ly Xuân Quyền	70	Khá	66	Trung bình	68	Trung bình	
2715	21	TC.THY.K25.8	2556401010023	Thào A Sềng	77	Khá	60	Trung bình	69	Trung bình	
2716	22	TC.THY.K25.8	2556401010025	Sùng Thị Hà Thanh	87	Tốt	50	Trung bình	69	Trung bình	
2717	23	TC.THY.K25.8	2556401010026	Ly Seo Thành	84	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
2718	24	TC.THY.K25.8	2556401010027	Giàng A Thìn	83	Tốt	86	Tốt	85	Tốt	
2719	25	TC.THY.K25.8	2556401010030	Sùng Seo Tiến	72	Khá	71	Khá	72	Khá	
2720	26	TC.THY.K25.8	2556401010032	Lèng Thị Kim Tuyên	87	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2721	27	TC.THY.K25.8	2556401010033	Hảng A Tỷ	85	Tốt	84	Tốt	85	Tốt	
2722	28	TC.THY.K25.8	2556401010034	Thào Thành Vân	81	Tốt	63	Trung bình	72	Khá	
2723	29	TC.THY.K25.8	2556401010035	Thên Thị Vàng	88	Tốt	87	Tốt	88	Tốt	
2724	30	TC.THY.K25.8	2556401010036	Giàng Hòa Vàng	76	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
	Lớp Trung cấp Điện nước K24.8: 31 học sinh										
2725	1	TC.ĐNU.K24.8	2455802120033	Ma Thanh Bình	85	Tốt	92	Xuất sắc	89	Tốt	
2726	2	TC.ĐNU.K24.8	2455802120034	Sùng Seo Cầu	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
2727	3	TC.ĐNU.K24.8	2455802120035	Hoàng Thành Công	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2728	4	TC.ĐNU.K24.8	2455802120036	Ly Thành Công	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2729	5	TC.ĐNU.K24.8	2455802120038	Ma Thành Công	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2730	6	TC.ĐNU.K24.8	2455802120039	Hoàng A Cừ	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2731	7	TC.ĐNU.K24.8	2455802120040	Trắng A Dìn	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
2732	8	TC.ĐNU.K24.8	2455802120041	Lừ Hải Dương	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
2733	9	TC.ĐNU.K24.8	2455802120043	Thào Văn Đông	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2734	10	TC.ĐNU.K24.8	2455802120044	Sùng Seo Giá	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2735	11	TC.ĐNU.K24.8	2455802120045	Giàng Minh Hà	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2736	12	TC.ĐNU.K24.8	2455802120046	Giàng Seo Hai	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2737	13	TC.ĐNU.K24.8	2455802120048	Giàng Thanh Long	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
2738	14	TC.ĐNU.K24.8	2455802120049	Lò Lao Lùng	85	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
2739	15	TC.ĐNU.K24.8	2455802120050	Vàng Văn Lương	85	Tốt	88	Tốt	87	Tốt	
2740	16	TC.ĐNU.K24.8	2455802120052	Lừ Seo Nhà	80	Tốt	75	Khá	78	Khá	
2741	17	TC.ĐNU.K24.8	2455802120054	Vàng A Pao	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2742	18	TC.ĐNU.K24.8	2455802120055	Ma Seo Páo	80	Tốt	87	Tốt	84	Tốt	
2743	19	TC.ĐNU.K24.8	2455802120056	Thào Seo Phênh	80	Tốt	88	Tốt	84	Tốt	
2744	20	TC.ĐNU.K24.8	2455802120057	Giàng Đình Phong	95	Xuất sắc	92	Xuất sắc	94	Xuất sắc	
2745	21	TC.ĐNU.K24.8	2455802120059	Vũ Đức Quân	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2746	22	TC.ĐNU.K24.8	2455802120060	Giàng Seo Quang	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2747	23	TC.ĐNU.K24.8	2455802120061	Sùng A Quý	85	Tốt	95	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2748	24	TC.ĐNU.K24.8	2455802120062	Vùi Ngọc Quyết	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
2749	25	TC.ĐNU.K24.8	2455802120063	Cư Văn Sơn	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2750	26	TC.ĐNU.K24.8	2455802120064	Hảng A Thắng	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2751	27	TC.ĐNU.K24.8	2455802120068	Giàng Seo Tiên	85	Tốt	92	Xuất sắc	89	Tốt	
2752	28	TC.ĐNU.K24.8	2455802120069	Lù Đức Trường	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
2753	29	TC.ĐNU.K24.8	2455802120071	Giàng Seo Viện	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2754	30	TC.ĐNU.K24.8	2455802120073	Hoàng Ngọc Vinh	80	Tốt	85	Tốt	83	Tốt	
2755	31	TC.ĐNU.K24.8	2455802120074	Thào Quang Vinh	85	Tốt	87	Tốt	86	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.8: 28 học sinh										

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2756	1	TC.KXD.K24.8	2455802010002	Sùng Seo Áo	71	Khá	71	Khá	71	Khá	
2757	2	TC.KXD.K24.8	2455802010003	Cư Seo Chứ	73	Khá	73	Khá	73	Khá	
2758	3	TC.KXD.K24.8	2455802010005	Giàng Seo Dê	70	Khá	72	Khá	71	Khá	
2759	4	TC.KXD.K24.8	2455802010007	Lù Khái Dìn	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
2760	5	TC.KXD.K24.8	2455802010008	Ly A Đức	72	Khá	51	Trung bình	62	Trung bình	
2761	6	TC.KXD.K24.8	2455802010009	Cư Hà Giang	73	Khá	75	Khá	74	Khá	
2762	7	TC.KXD.K24.8	2455802010011	Cư Seo Hòa	74	Khá	72	Khá	73	Khá	
2763	8	TC.KXD.K24.8	2455802010012	Lùng Cồ Hướng	71	Khá	52	Trung bình	62	Trung bình	
2764	9	TC.KXD.K24.8	2455802010013	Vàng Seo Huy	70	Khá	72	Khá	71	Khá	
2765	10	TC.KXD.K24.8	2455802010016	Giàng Minh Ngọc	75	Khá	74	Khá	75	Khá	
2766	11	TC.KXD.K24.8	2455802010018	Vàng Seo Nhà	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
2767	12	TC.KXD.K24.8	2455802010019	Thào Xuân Nhật	88	Tốt	94	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2768	13	TC.KXD.K24.8	2455802010020	Ly Vàng Páo	61	Trung bình	70	Khá	66	Trung bình	
2769	14	TC.KXD.K24.8	2455802010021	Giàng Seo Phần	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2770	15	TC.KXD.K24.8	2455802010022	Hoàng Tiến Phong	60	Trung bình	45	Yếu	53	Trung bình	
2771	16	TC.KXD.K24.8	2455802010023	Vàng A Phong	70	Khá	80	Tốt	75	Khá	
2772	17	TC.KXD.K24.8	2455802010024	Giàng Seo Phong	75	Khá	70	Khá	73	Khá	
2773	18	TC.KXD.K24.8	2455802010025	Giàng Seo Phổng	72	Khá	71	Khá	72	Khá	
2774	19	TC.KXD.K24.8	2455802010026	Thào Văn Phú	89	Tốt	82	Tốt	86	Tốt	
2775	20	TC.KXD.K24.8	2455802010028	Giàng Seo Quảng	70	Khá	72	Khá	71	Khá	
2776	21	TC.KXD.K24.8	2455802010029	Trảng Seo Say	74	Khá	76	Khá	75	Khá	
2777	22	TC.KXD.K24.8	2455802010031	Ly Công Sênh	75	Khá	78	Khá	77	Khá	
2778	23	TC.KXD.K24.8	2455802010034	Thào Seo Sơn	72	Khá	73	Khá	73	Khá	
2779	24	TC.KXD.K24.8	2455802010035	Lèng Văn Tăng	70	Khá	56	Trung bình	63	Trung bình	
2780	25	TC.KXD.K24.8	2455802010036	Ly Seo Tềnh	70	Khá	71	Khá	71	Khá	
2781	26	TC.KXD.K24.8	2455802010037	Ly Seo Tờ	70	Khá	72	Khá	71	Khá	
2782	27	TC.KXD.K24.8	2455802010039	Ma Seo Tráng	74	Khá	70	Khá	72	Khá	
2783	28	TC.KXD.K24.8	2455802010040	Giàng Seo Tuấn	72	Khá	71	Khá	72	Khá	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K25.8: 37 học sinh										
2784	1	TC.NCC.K25.8	2556201310001	Hoàng Văn Bình	86	Tốt	75	Khá	81	Tốt	
2785	2	TC.NCC.K25.8	2556201310002	Hoàng Thị Cá	85	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2786	3	TC.NCC.K25.8	2556201310003	Cư Thị Chí	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
2787	4	TC.NCC.K25.8	2556201310004	Hoàng Thị Chu	85	Tốt	81	Tốt	83	Tốt	
2788	5	TC.NCC.K25.8	2556201310005	Giàng Thị Cờ	92	Xuất sắc	87	Tốt	90	Xuất sắc	
2789	6	TC.NCC.K25.8	2556201310006	Ly Thị Cú	86	Tốt	82	Tốt	84	Tốt	
2790	7	TC.NCC.K25.8	2556201310007	Giàng Seo Đạt	88	Tốt	80	Tốt	84	Tốt	
2791	8	TC.NCC.K25.8	2556201310008	Vàng Thị Dờ	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
2792	9	TC.NCC.K25.8	2556201310009	Ly Thị Doa	87	Tốt	82	Tốt	85	Tốt	
2793	10	TC.NCC.K25.8	2556201310010	Ma Xuân Đông	84	Tốt	83	Tốt	84	Tốt	
2794	11	TC.NCC.K25.8	2556201310011	Giàng Thị Dứa	82	Tốt	71	Khá	77	Khá	
2795	12	TC.NCC.K25.8	2556201310012	Ma Thị Dứa	76	Khá	70	Khá	73	Khá	
2796	13	TC.NCC.K25.8	2556201310013	Hoàng Seo Dương	87	Tốt	81	Tốt	84	Tốt	
2797	14	TC.NCC.K25.8	2556201310014	Giàng Thị Hoa	83	Tốt	82	Tốt	83	Tốt	
2798	15	TC.NCC.K25.8	2556201310015	Hoàng Thị Hoa	82	Tốt	83	Tốt	83	Tốt	
2799	16	TC.NCC.K25.8	2556201310016	Sùng Thị Diễm Hương	80	Tốt	76	Khá	78	Khá	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2800	17	TC.NCC.K25.8	2556201310017	Ly Seo Là	84	Tốt	80	Tốt	82	Tốt	
2801	18	TC.NCC.K25.8	2556201310018	Cư Phà Lềng	75	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
2802	19	TC.NCC.K25.8	2556201310019	Thào Thị Ngọc Liên	78	Khá	71	Khá	75	Khá	
2803	20	TC.NCC.K25.8	2556201310020	Ly Thị Lương	76	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
2804	21	TC.NCC.K25.8	2556201310021	Hằng A Minh	75	Khá	76	Khá	76	Khá	
2805	22	TC.NCC.K25.8	2556201310022	Sùng Văn Nam	78	Khá	75	Khá	77	Khá	
2806	23	TC.NCC.K25.8	2556201310023	Sùng Thị Nhung	83	Tốt	81	Tốt	82	Tốt	
2807	24	TC.NCC.K25.8	2556201310024	Vàng Thị Núng	80	Tốt	82	Tốt	81	Tốt	
2808	25	TC.NCC.K25.8	2556201310025	Giàng Thị Phán	76	Khá	84	Tốt	80	Tốt	
2809	26	TC.NCC.K25.8	2556201310026	Sùng Seo Quân	75	Khá	77	Khá	76	Khá	
2810	27	TC.NCC.K25.8	2556201310027	Ma Seo Sì	76	Khá	80	Tốt	78	Khá	
2811	28	TC.NCC.K25.8	2556201310028	Giàng Seo Sơn	77	Khá	72	Khá	75	Khá	
2812	29	TC.NCC.K25.8	2556201310029	Hằng Thị Tấu	76	Khá	82	Tốt	79	Khá	
2813	30	TC.NCC.K25.8	2556201310030	Vù Seo Thắng	75	Khá	80	Tốt	78	Khá	
2814	31	TC.NCC.K25.8	2556201310031	Lùng Quý Thiên	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2815	32	TC.NCC.K25.8	2556201310032	Giàng Thị Thu	86	Tốt	80	Tốt	83	Tốt	
2816	33	TC.NCC.K25.8	2556201310033	Giàng A Thủy	70	Khá	70	Khá	70	Khá	
2817	34	TC.NCC.K25.8	2556201310034	Sùng Thị Thủy	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
2818	35	TC.NCC.K25.8	2556201310035	Vàng Seo Tuấn	75	Khá	81	Tốt	78	Khá	
2819	36	TC.NCC.K25.8	2556201310037	Vàng Seo Vang	76	Khá	83	Tốt	80	Tốt	
2820	37	TC.NCC.K25.8	2556201310038	Lò Thị Xuân	78	Khá	80	Tốt	79	Khá	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.8: 35 học sinh										
2821	1	TC.NCC.K24.8	2456201310001	Ma Seo An	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2822	2	TC.NCC.K24.8	2456201310003	Hoàng Thị Cá	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2823	3	TC.NCC.K24.8	2456201310005	Ma Seo Cầu	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2824	4	TC.NCC.K24.8	2456201310006	Thào Hạnh Chi	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2825	5	TC.NCC.K24.8	2456201310007	Hoàng Thị Chư	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2826	6	TC.NCC.K24.8	2456201310008	Cư Thị Công	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2827	7	TC.NCC.K24.8	2456201310009	Ly Thị Dế	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2828	8	TC.NCC.K24.8	2456201310010	Ly Thị Di	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2829	9	TC.NCC.K24.8	2456201310011	Ngải Thị Diệu	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2830	10	TC.NCC.K24.8	2456201310012	Giàng Thị Dờ	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2831	11	TC.NCC.K24.8	2456201310013	Thào Thị Dưa	89	Tốt	89	Tốt	89	Tốt	
2832	12	TC.NCC.K24.8	2456201310015	Sùng Thị Giáo	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2833	13	TC.NCC.K24.8	2456201310018	Thào A Hai	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2834	14	TC.NCC.K24.8	2456201310019	Giàng Văn Hồng	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2835	15	TC.NCC.K24.8	2456201310020	Vàng Seo Mềnh	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2836	16	TC.NCC.K24.8	2456201310021	Ly Seo Min	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2837	17	TC.NCC.K24.8	2456201310022	Vàng Seo Mùa	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2838	18	TC.NCC.K24.8	2456201310023	Vàng Thị Mùa	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2839	19	TC.NCC.K24.8	2456201310024	Lừu Thị Nga	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2840	20	TC.NCC.K24.8	2456201310025	Giàng Thị Ngân	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2841	21	TC.NCC.K24.8	2456201310027	Giàng Chúng Páo	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2842	22	TC.NCC.K24.8	2456201310028	Hoàng Seo Quang	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2843	23	TC.NCC.K24.8	2456201310029	Lừu Thị Sín	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	

STT	TT	Tên lớp	Mã HSSV	Họ và tên	Kết quả rèn luyện						Ghi chú
					Kỳ I năm học 2025-2026		Kỳ II năm học 2025-2026		Năm học 2025-2026		
					Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	Điểm	Xếp loại	
2844	24	TC.NCC.K24.8	2456201310030	Giàng Thị Sinh	85	Tốt	85	Tốt	85	Tốt	
2845	25	TC.NCC.K24.8	2455802010030	Lừ Seo Sênh	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2846	26	TC.NCC.K24.8	2456201310032	Giàng Thị Sú	88	Tốt	92	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2847	27	TC.NCC.K24.8	2456201310034	Lù Thị Tem	86	Tốt	86	Tốt	86	Tốt	
2848	28	TC.NCC.K24.8	2456201310035	Thên Thị Tết	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	95	Xuất sắc	
2849	29	TC.NCC.K24.8	2456201310037	Sùng Hạ Thiên	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2850	30	TC.NCC.K24.8	2456201310038	Vàng Phi Thường	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2851	31	TC.NCC.K24.8	2456201310039	Cư Thị Thủy	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2852	32	TC.NCC.K24.8	2456201310040	Hàng Thị Trống	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2853	33	TC.NCC.K24.8	2456201310041	Ma Văn Tuấn	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2854	34	TC.NCC.K24.8	2456201310042	Vàng Thị Xay	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
2855	35	TC.NCC.K24.8	2456201310043	Giàng Thị Xuân	88	Tốt	88	Tốt	88	Tốt	
	Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.6B: 21 học sinh										
2856	1	TC.KDN.K24.6B	2453403020091	Sùng Seo Dũng	87	Tốt	76	Khá	82	Tốt	
2857	2	TC.KDN.K24.6B	2453403020092	Châu Minh Huy	76	Khá	78	Khá	77	Khá	
2858	3	TC.KDN.K24.6B	2453403020093	Vàng Dung Lâm	92	Xuất sắc	78	Khá	85	Tốt	
2859	4	TC.KDN.K24.6B	2453403020094	Tài Chữ Luân	86	Tốt	87	Tốt	87	Tốt	
2860	5	TC.KDN.K24.6B	2453403020101	Sùng Văn Trung	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2861	6	TC.KDN.K24.6B	2453403020102	Giàng Ngọc Trường	90	Xuất sắc	76	Khá	83	Tốt	
2862	7	TC.KDN.K24.6B	2453403020104	Pờ Mìn Bảo	70	Khá	76	Khá	73	Khá	
2863	8	TC.KDN.K24.6B	2453403020107	Thào Seo Cường	78	Khá	92	Xuất sắc	85	Tốt	
2864	9	TC.KDN.K24.6B	2453403020108	Hằng Hồ Dấn	77	Khá	87	Tốt	82	Tốt	
2865	10	TC.KDN.K24.6B	2453403020109	Sùng Văn Hòa	75	Khá	86	Tốt	81	Tốt	
2866	11	TC.KDN.K24.6B	2453403020110	Lù Văn Mạnh	82	Tốt	74	Khá	78	Khá	
2867	12	TC.KDN.K24.6B	2453403020111	Hoàng Chí Phong	71	Khá	75	Khá	73	Khá	
2868	13	TC.KDN.K24.6B	2453403020112	Sùng A Quảng	72	Khá	76	Khá	74	Khá	
2869	14	TC.KDN.K24.6B	2453403020114	Ly Seo Sàng	72	Khá	94	Xuất sắc	83	Tốt	
2870	15	TC.KDN.K24.6B	2453403020115	Ngải Văn Tấn	94	Xuất sắc	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	
2871	16	TC.KDN.K24.6B	2453403020116	Ma Trung Thắng	90	Xuất sắc	92	Xuất sắc	91	Xuất sắc	
2872	17	TC.KDN.K24.6B	2453403020117	Lò Thị Ngọc Thu	80	Tốt	80	Tốt	80	Tốt	
2873	18	TC.KDN.K24.6B	2453403020118	Vàng Quang Trung	82	Tốt	90	Xuất sắc	86	Tốt	
2874	19	TC.KDN.K24.6B	2453403020122	Giàng Lê Hoa	90	Xuất sắc	82	Tốt	86	Tốt	
2875	20	TC.KDN.K24.6B	2453403020125	Ma Văn Tuấn	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	90	Xuất sắc	
2876	21	TC.KDN.K24.6B	2453403020126	Giàng Thị Vân	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	92	Xuất sắc	

Tổng số: 2876 SV/125 lớp, trong đó:

Kết quả xếp loại kỳ II năm học 2025-2026

- Xuất sắc: $349/2876 = 12.13\%$
- Tốt: $1715/2876 = 59.63\%$
- Khá: $691/2876 = 24.03\%$
- Trung bình: $119/2876 = 4.14\%$
- Yếu: $2/2876 = 0.07\%$

Kết quả xếp loại năm học 2025-2026

- Xuất sắc: $271/2876 = 9.42\%$
- Tốt: $1795/2876 = 62.42\%$
- Khá: $720/2876 = 25.03\%$
- Trung bình: $90/2876 = 3.13\%$
- Yếu: $0/2876 = 0\%$